

2



1



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



TRÁI NGỌT TỪ CHUYỂN ĐỔI

Năm 2012, VPBank bắt tay vào xây dựng và triển khai chương trình Chuyển đổi 2012-2017. Trải qua hơn 4 năm, những nỗ lực không ngừng nghỉ của từng cán bộ nhân viên Ngân hàng đã đơm hoa kết trái để mang lại một vụ mùa 2016 nhiều hoa thơm quả ngọt, báo hiệu những vụ thu hoạch sau còn bội thu hơn nữa. Chính vì vậy, chúng tôi đã quyết định lựa chọn “Trái ngọt từ Chuyển đổi - Fruits of Transformation” để đặt tên cho cuốn Báo cáo thường niên 2016, với hy vọng ấn phẩm này sẽ lưu giữ những thành tựu ở năm cận cuối của lộ trình đầy thử thách nhưng cũng đáng tự hào: Đưa VPBank trở thành 1 trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam vào năm 2017.

MỤC LỤC

5

NHỮNG KẾT QUẢ
KINH DOANH NỔI BẬT



6-7

THÔNG ĐIẾP
CỦA CHỦ TỊCH HĐQT
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



8-14

TỔNG QUAN
VỀ VPBANK



15-22

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

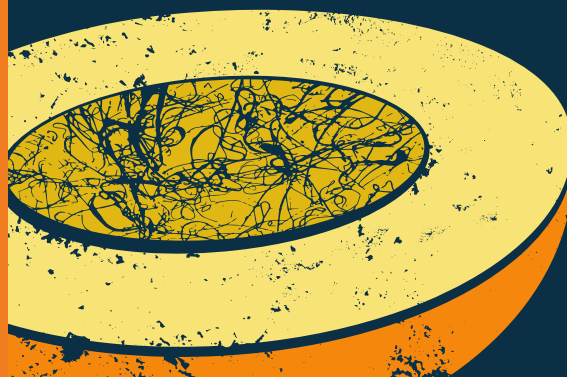


23-29

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH

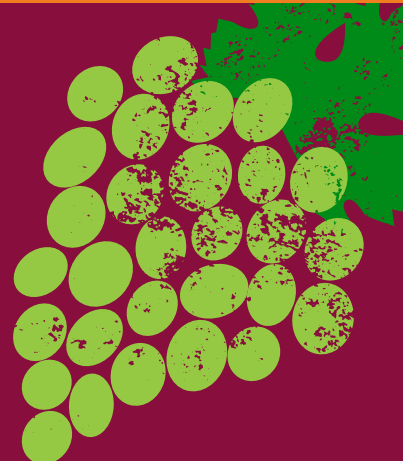
30-36

NHỮNG THÀNH TỰU
VỀ XÂY DỰNG
NỀN TẢNG



37-58

QUẢN TRỊ
DOANH NGHIỆP



59-124

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN 2016



125

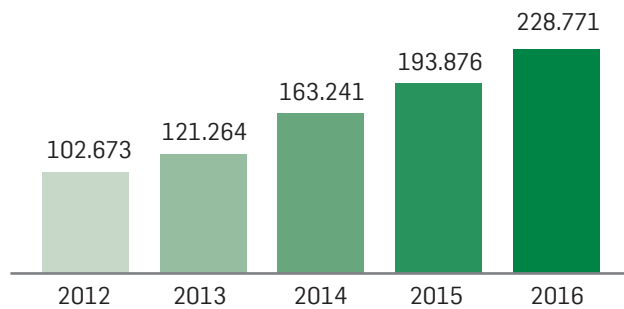
KẾ HOẠCH
KINH DOANH 2017



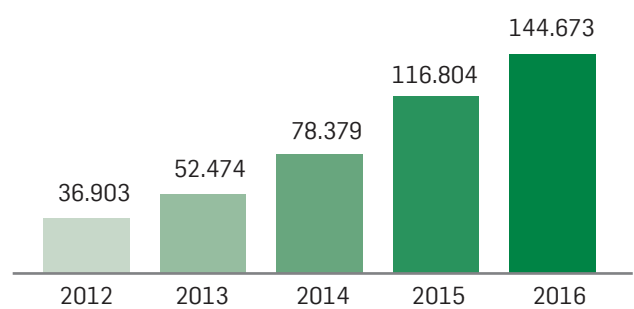
NHỮNG KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT

	2012	2013	2014	2015	2016
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tỷ đồng)					
Tổng tài sản	102.673	121.264	163.241	193.876	228.771
Vốn chủ sở hữu	6.709	7.727	8.980	13.389	17.178
Huy động khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá	59.680	88.345	119.163	152.131	172.438
Dư nợ cấp tín dụng	44.965	66.263	95.675	131.463	162.832
<i>Trong đó: Cho vay khách hàng</i>	<i>36.903</i>	<i>52.474</i>	<i>78.379</i>	<i>116.804</i>	<i>144.673</i>
Thu nhập hoạt động thuần	3.133	5.085	6.271	12.066	16.864
Lợi nhuận trước thuế	949	1.355	1.609	3.096	4.929
MỘT SỐ CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ					
ROAA	0,77%	0,91%	0,88%	1,34%	1,86%
ROAE	11%	14%	15%	21%	26%
Hệ số an toàn CAR	12,5%	12,5%	11,3%	12,2%	13,2%
Số lượng nhân viên	4.326	6.795	9.501	12.927	17.387
Số lượng điểm giao dịch	204	207	209	208	215
Số lượng Khách hàng hoạt động (nghìn KH)	353	635	1.305	2.088	3.290

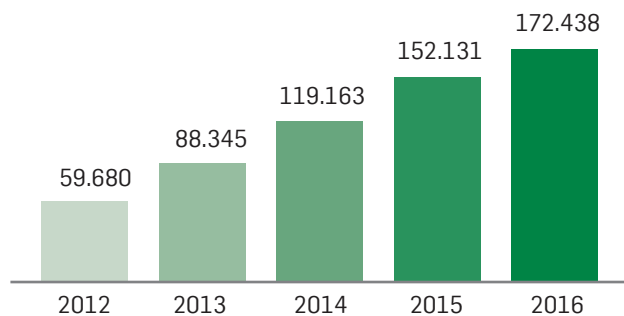
TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)
CAGR = 22%



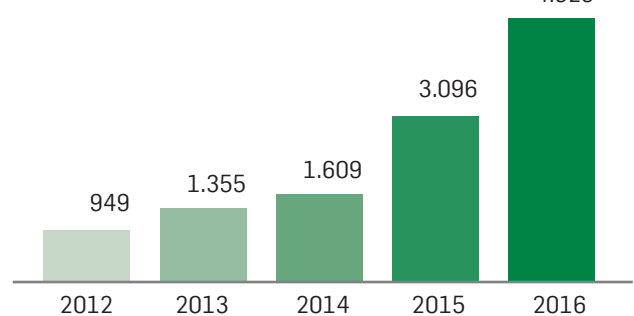
CHO VAY KHÁCH HÀNG (tỷ đồng)
CAGR = 41%



HUY ĐỘNG KHÁCH HÀNG + GTCG (tỷ đồng)
CAGR = 30%



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (tỷ đồng)
CAGR = 51%



CAGR: Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thân gửi Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác.

Năm 2016 là năm cận cuối trong lộ trình triển khai chiến lược 5 năm của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với tầm nhìn trở thành một trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam vào năm 2017. Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, chúng tôi bày tỏ sự vui mừng, tự hào và xin thông báo tới Quý vị rằng VPBank đã đạt các thành tựu rất đáng ghi nhận trong năm 2016, bao gồm các kết quả kinh doanh đáng khích lệ cùng công tác chuẩn bị sẵn sàng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Những thành tựu trên được tạo nên bởi sự tập trung cao độ và nỗ lực không ngừng nghỉ trong năm qua của toàn thể cán bộ nhân viên trên con thuyền VPBank, theo kim chỉ nam do Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đề ra. Tập thể VPBank tin rằng đây mới chỉ là những thành quả đầu tiên và còn rất nhiều mục tiêu mà Ngân hàng có thể đạt được trong những năm tới, với nền tảng đã được xây dựng cũng như tầm nhìn xa và sự đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng.

Chúng tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới các Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và đối tác đã đồng hành và ủng hộ VPBank trong năm vừa qua. Chúng tôi cũng đặc biệt cảm ơn sự đóng góp của Ban Điều hành, các cán bộ quản lý, cùng toàn thể cán bộ nhân viên VPBank đã chung sức cho sự phát triển của Ngân hàng.

Tính đến 31/12/2016, tổng tài sản Ngân hàng tăng 18% so với cùng kỳ năm 2015. Tổng thu nhập hoạt động là 16.864 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 4.900 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu tăng 28%. Kết quả kinh doanh nêu trên đã giúp VPBank củng cố vị trí trong nhóm các ngân hàng TMCP có quy mô và lợi nhuận cao hàng đầu tại thị trường Việt Nam hiện nay.

Về hoạt động kinh doanh, VPBank tiếp tục phát triển hai mảng kinh doanh trọng tâm phục vụ phân khúc Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, đồng thời nhanh chóng mở rộng mảng kinh doanh phục vụ phân khúc Tín dụng Tiểu thương, một phân khúc tiềm năng đang bị bỏ ngỏ. Kết quả tăng trưởng ấn tượng về quy mô huy động và cho vay của ba phân khúc này trong năm vừa qua rất đáng tự hào và khẳng định các mục tiêu phân khúc khách hàng chiến lược của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp và khả thi. Đối với các mảng kinh doanh vệ tinh, năm 2016 cũng là một năm thành công, xét về hiệu quả từ các Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn, Khối Thị trường Tài chính, Trung tâm Định chế và Ngân hàng Giao dịch... Các đơn vị kinh doanh này đã chủ động đẩy mạnh khai thác các sản phẩm dịch vụ

riêng biệt, song song với phối hợp liên khối và đối tác bên ngoài một cách chặt chẽ để thực hiện các chương trình bán chéo, chương trình tài trợ chuỗi... để có thể vừa phục vụ khách hàng tốt nhất, vừa tối ưu hóa kết quả kinh doanh của toàn Ngân hàng năm 2016.

Năm vừa qua tiếp tục đánh dấu thành công trong mảng kinh doanh tín dụng tiêu dùng của VPBank, với tốc độ tăng trưởng được duy trì trung bình xấp xỉ 40%/năm tính trên các chỉ số quan trọng về khách hàng và kết quả kinh doanh, đóng góp lớn vào lợi nhuận của Ngân hàng. Để giữ vững đà phát triển cho mảng tín dụng tiêu dùng, Ban lãnh đạo Ngân hàng đã cùng nhà tư vấn McKinsey hoàn thành hoạch định lộ trình chiến lược 5 năm tiếp theo và bắt đầu triển khai.

Có được kết quả kinh doanh nổi bật trong năm qua, không thể không kể đến vai trò cốt lõi của hệ thống nền tảng với sự chuyển đổi và hoàn thiện tích cực. Nhằm thích ứng với các xu hướng thị trường, hành vi tiêu dùng khách hàng, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, quản trị nội bộ và của cơ quan quản lý Nhà nước, VPBank đã nắm bắt và đi trước trong thiết kế kiến trúc hệ thống, với việc triển khai gần 300 sáng kiến, tối ưu hóa, cải tiến hệ thống, quy trình có mức độ ảnh hưởng sâu rộng và thực hiện 8 dự án trọng điểm toàn hàng trong năm 2016. Đa số các hoạt động chuyển đổi này đều hướng tới chuyển đổi mô hình kinh doanh và vận hành tập trung hóa, chuyên môn hóa, và tách bạch độc lập nghiệp vụ trong bức tranh rõ nét về tài chính, quản trị rủi ro, vận hành, sản phẩm... dựa trên nền tảng tự động hóa với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Các chỉ số tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả hoạt động được đo lường sát với bản chất, giúp kịp thời xác định và tháo gỡ các khó khăn, liên tục cải thiện hiệu suất, chất lượng hoạt động. Thêm vào đó, VPBank đang quyết liệt triển khai chiến lược ngân hàng số, nhằm đưa loại hình dịch vụ tài chính trên nền tảng công nghệ trở thành trọng tâm, phù hợp với phân khúc khách hàng yêu thích trải nghiệm và sử dụng công nghệ, cũng như tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của Ngân hàng. Sự thành công trong công tác xây dựng và chuyển đổi các hệ thống này sẽ là yếu tố quyết định đối với các mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, năng lực quản trị hệ thống, và củng cố hiệu quả tăng trưởng trong năm 2017.

Môi trường kinh tế vĩ mô năm 2017 dự kiến còn nhiều biến động phức tạp do tác động từ các điều kiện kinh tế - chính trị thế giới cũng như các yếu tố nội tại của kinh tế vĩ mô Việt Nam, đặc biệt là yêu cầu ngày càng cao hơn từ phía các cơ quan quản lý đối với các chuẩn mực quản trị trong lĩnh vực ngân hàng. Nền kinh tế vẫn đang trên đà



phục hồi, tạo điều kiện cho bức tranh ngành ngân hàng trở nên sáng hơn sau thời kỳ tái cấu trúc. Các ngân hàng đang lấy lại tư thế, đẩy mạnh tăng trưởng, tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao trên thị trường, đặc biệt là trong phân khúc Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ. VPBank sẽ bước vào năm 2017 với nhiều thử thách khác các năm trước. Tuy nhiên, VPBank sẽ chào đón những thử thách này như những cơ hội để đưa Ngân hàng đến một tầm cao mới với sức mạnh mới. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, và toàn thể cán bộ nhân viên VPBank tin rằng, khi chung một chí hướng, chúng tôi sẽ cùng vượt qua mọi thách thức để vươn tới mục tiêu là một trong các ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam vào cuối năm 2017.

Xin trân trọng cảm ơn!

Ngô Chí Dũng
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

TỔNG QUAN

VỀ VPBANK

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Giải thưởng được trao bởi Hội đồng Thương hiệu Quốc gia và Bộ Công Thương

VPBank là Ngân hàng TMCP duy nhất có thương hiệu sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia năm 2016 và cũng là lần thứ 3 liên tiếp VPBank được vinh danh tại chương trình này. Chương trình Thương hiệu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhằm xây dựng hình ảnh Việt Nam là quốc gia có uy tín về hàng hoá và dịch vụ đa dạng, phong phú với chất lượng cao, nâng cao sức cạnh tranh cho các thương hiệu sản phẩm Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế trong quá trình hội nhập.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TỐT NHẤT VIỆT NAM 2016

Giải thưởng do Tạp chí International Banker (UK) trao tặng

Đây là lần thứ hai VPBank được Tạp chí International Banker (UK) vinh danh tại hạng mục giải thưởng Ngân hàng Thương mại tốt nhất Việt Nam, thể hiện tầm nhìn của một tổ chức tài chính lớn, dày dặn kinh nghiệm trong xây dựng và vận hành hệ thống, luôn được khách hàng tin tưởng và gắn bó.



INTERNATIONAL
Banker
BANKING AWARDS 2016

2016

- Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của VPBank đạt gần 16.900 tỷ, riêng Ngân hàng đạt gần 9.300 tỷ, và dẫn đầu khối ngân hàng TMCP tư nhân
- Nhận gói tài trợ thương mại trị giá 133 triệu USD từ Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)
- Giành 13 giải thưởng danh giá từ các tổ chức trong nước và quốc tế
- Lần đầu tiên tổng tài sản vượt 200 nghìn tỷ đồng
- Chuyển Trụ sở miền Bắc về VPBank Tower, 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội và chuyển Trụ sở miền Nam về VPBank Tower Saigon, 1-1A-2 Tôn Đức Thắng, Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

2015

- Xếp hạng 21 trong số các đơn vị nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam
- Thành lập và đẩy mạnh các mảng kinh doanh mới như Dịch vụ Tín dụng Tiểu thương (Household), Dịch vụ Công nghệ số (Digital)
- Tập trung hóa dịch vụ khách hàng
- Giành 6 giải thưởng quốc tế

2014

- Hoàn thành cơ bản giai đoạn 1 của Chương trình Chuyển đổi
- Là 1 trong 10 ngân hàng hàng đầu Việt Nam được lựa chọn thực hiện phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II vào năm 2015
- Được Moody's nâng mức triển vọng từ mức "Ổn định" lên "Tích cực"
- Lần đầu tiên tổng tài sản vượt 150 nghìn tỷ đồng
- Mua lại thành công Công ty Tài chính Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam và đổi tên thành Công ty Tài chính VPBank (VPB FC)
- Được công nhận là thương hiệu quốc gia lần thứ 2

2013

- Xây dựng và triển khai giai đoạn 1 của Chương trình Chuyển đổi
- Xây dựng lộ trình tổng thể cho lĩnh vực quản trị rủi ro và công nghệ thông tin
- Tổ chức lại các đơn vị kinh doanh, hỗ trợ và mạng lưới phân phối
- Lần đầu tiên Moody's xếp hạng tín nhiệm VPBank ở mức B3 với triển vọng "Ổn định"
- Lần đầu tiên lợi nhuận sau thuế vượt 1.000 tỷ đồng

2012

- Xây dựng chiến lược phát triển của VPBank giai đoạn 2012-2017 với sự hỗ trợ của công ty McKinsey & Company
- Ra mắt không gian giao dịch mới
- Lần đầu tiên tổng tài sản vượt 100 nghìn tỷ đồng
- Được công nhận là thương hiệu quốc gia

2011

- Triển khai 6 sáng kiến chiến lược với sự hỗ trợ của công ty McKinsey & Company để chuyển sang mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại
- Ra mắt các điểm giao dịch chuẩn đầu tiên theo mô hình này
- Lần đầu tiên lợi nhuận trước thuế vượt 1.000 tỷ đồng

2010

- Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
- Ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới
- Thí điểm triển khai mô hình chi nhánh ngân hàng bán lẻ hiện đại với sự hỗ trợ của công ty tư vấn quốc tế McKinsey & Company
- Thành lập bộ phận Tín dụng tiêu dùng dưới thương hiệu FE Credit

10 ĐIỂM SÁNG TIÊU BIỂU

01



SẢN PHẨM CHO VAY TÍN CHẤP CỦA KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TĂNG TRƯỞNG MẠNH

Năm 2016, Khối Khách hàng Cá nhân tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô cho vay với hai sản phẩm chủ lực có biên lợi nhuận cao là thẻ tín dụng và cho vay tín chấp (UPL). Những con số ấn tượng phải kể đến dư nợ cho vay tín chấp cuối kỳ tăng gấp đôi so với năm 2015 và đóng góp gần 40% vào tổng doanh thu của cả Khối.

VPBank đã được tạp chí The Asian Banker trao tặng danh hiệu “Sản phẩm cho vay tín chấp tốt nhất Việt Nam”.

02



TIỀN PHONG TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG SỐ TOÀN DIỆN TẠI VIỆT NAM

Với việc thành lập Khối Dịch vụ Ngân hàng số đầu năm 2016, VPBank đang tiên phong triển khai chiến lược ngân hàng số toàn diện với 3 gọng kim:

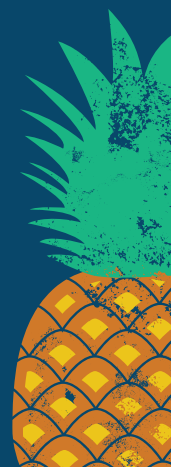
1. Số hóa hoạt động ngân hàng truyền thống nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động của ngân hàng.
2. Hợp tác với các công ty fintech để xây dựng hệ sinh thái đa dạng, mở rộng các dịch vụ ngân hàng số.
3. Thiết lập mô hình ngân hàng số độc lập với việc ra mắt thương hiệu Timo – Dịch vụ ngân hàng số đầu tiên tại Việt Nam.

Trong năm 2016, VPBank đã đưa vào hoạt động thử nghiệm hệ thống ngân hàng điện tử mới để mang lại các tiện ích ưu việt cho khách hàng, đồng thời nâng số lượng người sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử lên gấp 3 lần so với năm 2015 và đưa kênh ngân hàng điện tử trở thành kênh giao dịch chính của khách hàng VPBank.

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN PHÂN KHÚC MICRO SME

VPBank đã và đang xây dựng mô hình kinh doanh chuyên biệt cho phân khúc đầy tiềm năng Micro SME, với các sản phẩm cho vay tín chấp doanh nghiệp có biên độ sinh lời cao và mô hình kênh bán hàng trực tiếp. Năm 2016, mô hình này đã đem lại những kết quả khả quan, với dư nợ sản phẩm cho vay tín chấp SME tăng hơn 5 lần so với năm 2015.

03



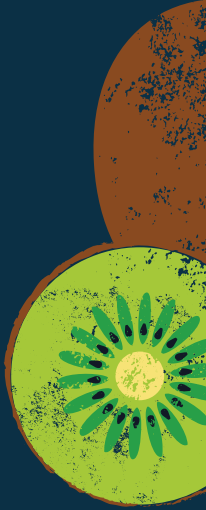
04



KHỐI TÍN DỤNG TIỂU THƯƠNG ĐẠT KẾT QUẢ KINH DOANH KHẢ QUAN

Bước vào năm hoạt động thứ 2, Khối Tín dụng Tiểu thương đã dần chứng tỏ vai trò của một khối kinh doanh chiến lược và đạt được những thành tựu đáng khích lệ với 129 điểm kinh doanh, dư nợ tăng gấp 10 lần và thu nhập tăng gấp 12 lần so với năm 2015, nhờ đó vượt kế hoạch về lợi nhuận trước phân bổ chi phí.

05



ĐẠT ĐƯỢC THỎA THUẬN TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI TRỊ GIÁ 133 TRIỆU USD VỚI TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)

Gói tài chính này giúp VPBank tăng nguồn vốn cho vay cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, để tiến gần tới mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam, đồng thời chứng tỏ sự minh bạch, hiệu quả trong hoạt động của VPBank trên thị trường tài chính Việt Nam.

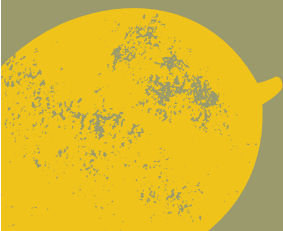
DẪN ĐẦU NHÓM NGÂN HÀNG TMCP VỀ TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG

Năm 2016, bên cạnh tăng trưởng về quy mô, VPBank tập trung vào nâng cao chất lượng tăng trưởng. Nhờ đó, tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của VPBank đạt gần 16.900 tỷ, riêng Ngân hàng đạt gần 9.300 tỷ, và dẫn đầu khối ngân hàng TMCP tư nhân.

06



07



HOÀN THÀNH CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM TRONG NĂM

Nhiều dự án trọng điểm được hoàn thành, góp phần nâng cao chất lượng vận hành, năng suất lao động và dịch vụ khách hàng, bao gồm:

- Dự án Tập trung hóa dịch vụ khách hàng giúp quy về một mối toàn bộ mạng lưới dịch vụ chi nhánh của VPBank, đảm bảo đồng nhất chất lượng dịch vụ toàn hệ thống.
- Dự án Xây dựng hệ thống khởi tạo khoản vay (LOS) được triển khai cho toàn bộ các chi nhánh Khách hàng Cá nhân và trung tâm SME.
- Dự án Nâng cấp hệ thống thẻ (WASI) đã mang lại nhiều cải tiến cho hệ thống thẻ của VPBank như xác thực online 3 yếu tố, triển khai thẻ tín dụng trả góp.
- Dự án ERP đã đưa vào vận hành nhiều phân hệ quan trọng trong mảng vận hành nhân sự và quản lý ngân sách.

08



VINH DỰ NHẬN NHIỀU GIẢI THƯỞNG UY TÍN

Năm 2016, năng lực và uy tín của VPBank và Công ty tài chính VPBFC (với thương hiệu FE Credit) đã được ghi nhận rộng rãi với 13 giải thưởng trong và ngoài nước. Những giải thưởng và chứng nhận này một lần nữa thể hiện tầm vóc của một tổ chức tài chính lớn, dày dặn kinh nghiệm trong xây dựng và vận hành hệ thống, với những chiến lược kinh doanh hướng đến khách hàng, thỏa mãn nhu cầu thị trường và luôn được khách hàng tin tưởng và gắn bó.

ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Năm 2016, VPBank tiếp tục ghi dấu ấn đối với khách hàng bằng sự kiện Paris Ballet par VPBank cùng hai đêm nhạc tri ân "Modern Talking ft. Thomas Anders & Band" và "Nhu đã dấu yêu" với sự tham gia của các ca sĩ và ban nhạc hàng đầu trong nước và quốc tế. Rất nhiều hoạt động nội bộ sôi nổi cũng đã truyền lửa, lan tỏa những niềm cảm hứng tới các cán bộ công nhân viên toàn hàng. Các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội như "Áo ấm mùa đông", "Tới trường sau lũ" trở nên gần gũi, thiết thực hơn, gắn kết yêu thương và san sẻ khó khăn với cộng đồng. Nhờ đó, VPBank tự hào nằm trong top 25% doanh nghiệp toàn cầu có chỉ số sức khỏe tổ chức (OHI) cao nhất theo khảo sát của McKinsey năm 2016.

09



10



CHUYỂN VỀ HỘI SỞ MỚI, KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ DẪN ĐẦU

Năm 2016, VPBank chuyển toàn bộ hoạt động của Hội sở miền Bắc về VPBank Tower, 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội và Hội sở miền Nam về VPBank Tower Saigon, 1-1A-2 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tọa lạc tại vị trí đắc địa cùng cơ sở vật chất hiện đại bậc nhất, hai Hội sở mới đã đem lại một môi trường làm việc hiện đại, văn minh, chuyên nghiệp và cả sự tự hào cho CBNV toàn ngân hàng.

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ CHỨNG NHẬN UY TÍN TRONG NĂM 2016



Trong năm 2016, VPBank vinh dự được các tổ chức trong nước và quốc tế trao tặng 13 giải thưởng giá trị, trong đó có 10 giải thưởng dành cho Ngân hàng và 3 giải thưởng dành cho công ty thành viên VPBFC, tiếp tục khẳng định uy tín quốc tế, vị thế hàng đầu trong nước của Ngân hàng.

Cụ thể, Tạp chí International Banker (UK) đã trao cho VPBank hai giải thưởng “Ngân hàng Thương mại tốt nhất” và “Ngân hàng dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) tốt nhất”. Tạp chí Global Banking & Finance Review (GBAF) cũng dành tặng VPBank ba giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ khách hàng tốt nhất”, “Ứng dụng ngân hàng di động tốt nhất” và “Giải pháp tài chính dành cho hộ kinh doanh cá thể tốt nhất Việt Nam”. Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) cũng trao tặng VPBank hai giải thưởng, “Ngân hàng Điện tử tiêu biểu 2016” và “Ngân hàng đồng hành cùng doanh nghiệp vừa và nhỏ 2016” trong khuôn khổ Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu tại Việt Nam 2016. Tạp chí Asian Banking & Finance (ABF) đã bình chọn sản phẩm thẻ dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ VPBiz Card của VPBank là “Sản phẩm thẻ đột phá của năm” bởi sản phẩm này mang đến giải pháp tài chính trọn gói hữu dụng và phù hợp với đặc thù doanh nghiệp SME tại Việt Nam.

Tạp chí Forbes và Brand Finance (công ty tư vấn tài chính độc lập uy tín hàng đầu thế giới) cũng định giá thương hiệu VPBank nằm trong Top 7 ngân hàng và Top

26 Doanh nghiệp có giá trị thương hiệu lớn nhất Việt Nam, với giá trị thương hiệu ở mức 57 triệu USD (tương đương hơn 1.300 tỷ đồng).

VPBank tự hào là Ngân hàng TMCP duy nhất có thương hiệu sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia năm 2016 và cũng là năm thứ 3 liên tiếp VPBank được vinh danh tại chương trình này.

Trong năm 2016, Công ty tài chính VPBank (với thương hiệu FE Credit) cũng được vinh danh với 3 giải thưởng uy tín gồm:

- Công ty tài chính tiêu dùng tốt nhất Việt Nam 2016 do Tạp chí Global Banking & Finance Review, Vương quốc Anh trao tặng.
- Thương hiệu tài chính tiêu dùng tốt nhất Việt Nam 2016 do Tạp chí Global Brands, Vương quốc Anh trao tặng.
- Thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2016 do Viện Nghiên cứu Kinh tế hợp tác với tổ chức Global Trade Alliance (GTA) trao tặng

Những giải thưởng và chứng nhận này một lần nữa thể hiện tầm vóc của một tổ chức tài chính lớn, dày dặn kinh nghiệm trong xây dựng và vận hành hệ thống, với những chiến lược kinh doanh hướng đến khách hàng, thỏa mãn nhu cầu thị trường và luôn được khách hàng tin tưởng và gắn bó.

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Brand Finance®
TOP 7 BANKING BRAND
VIETNAM 2016

INTERNATIONAL
Banker
BANKING AWARDS 2016

TOP 7 NGÂN HÀNG GIÁ TRỊ NHẤT VIỆT NAM 2016

Danh hiệu được trao bởi Brand Finance

Brand Finance - công ty tư vấn tài chính độc lập uy tín hàng đầu thế giới – định giá thương hiệu VPBank ở mức 57 triệu USD (tương đương hơn 1.300 tỷ đồng), nằm trong Top 7 ngân hàng và Top 26 Doanh nghiệp có giá trị thương hiệu lớn nhất Việt Nam.

NGÂN HÀNG DÀNH CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TỐT NHẤT VIỆT NAM 2016

Giải thưởng do Tạp chí International Banker (UK) trao tặng

VPBank SME mang đến giải pháp tài chính trọn gói hữu dụng và phù hợp với đặc thù doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) tại Việt Nam. Đặc biệt, với nhóm Micro SME (Doanh nghiệp nhỏ), chiếm phần lớn số lượng doanh nghiệp SME trên cả nước, VPBank SME mang tới cơ hội cấp vốn đột phá cùng những gói giải pháp riêng. Hiện số lượng Khách hàng SME của VPBank đạt hơn 50.000 Doanh nghiệp.



PHẦN 1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2016

Trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, tăng trưởng chậm hơn so với dự báo, tăng trưởng thương mại đạt thấp, giá dầu thô thất thường, nhu cầu và giá nông sản giảm mạnh... kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng chậm lại. Nền kinh tế nước ta đã có năm khởi động kế hoạch 2016-2020 không thuận lợi khi tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 6,21%, thấp hơn so với mục tiêu 6,7% đưa ra từ đầu năm cũng như so với mục tiêu trung bình 6,5%-7% của cả giai đoạn. Tuy so với mặt bằng chung của thế giới thì tốc độ tăng trưởng này vẫn rất tích cực, nhưng nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi tăng trưởng chưa bền vững, phục hồi không đều, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI.

Hệ thống tài chính, ngân hàng Việt Nam năm 2016 đã đạt được một số thành công nhất định, góp phần quan trọng trong kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Các chỉ tiêu tiền tệ tăng đúng định hướng Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đề ra từ đầu năm. Lạm phát cơ bản được kiểm soát ổn định và đạt mục tiêu dưới 5% mà Quốc hội đề ra. Thanh khoản của hệ thống được đảm bảo và có dư thừa, thị trường liên ngân hàng hoạt động thông suốt. Đến ngày 29/12/2016, tổng phương tiện thanh toán tăng 17,88%, huy động vốn tăng 18,38%, dư nợ tín dụng tăng 18,71% so với cuối năm 2015. Vị thế đồng Việt Nam được nâng cao, tình trạng “đô la hóa”, “vàng hóa”

trong nền kinh tế tiếp tục giảm; việc xử lý nợ xấu theo cơ chế thị trường được đẩy mạnh.

Lộ trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng (TCTD) đang được tiếp tục triển khai theo kế hoạch, giảm số lượng các TCTD dưới chuẩn, cải thiện từng bước chất lượng, sức cạnh tranh toàn hệ thống và từng TCTD. Tháng 12 năm 2016, tổ chức đánh giá xếp hạng quốc tế Fitch Ratings công bố Báo cáo đánh giá về triển vọng ngành ngân hàng Việt Nam năm 2017, cho biết: các ngân hàng Việt Nam đã cải thiện hơn tình trạng “sức khỏe” của mình; đồng tiền Việt Nam ổn định và lạm phát trong ngưỡng an toàn. Sự cộng hưởng và tác động đa chiều của những thành tựu đã đạt được tạo nên những cơ hội và thách thức, cho phép kỳ vọng về những tập đoàn tài chính-ngân hàng Việt Nam có tầm vóc hơn, có tính quốc tế và năng lực cạnh tranh cao.

VPBank vừa trải qua một năm kinh doanh thành công, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển chung của ngành. 2016 là năm cận cuối trong lộ trình triển khai chiến lược 5 năm của Ngân hàng. VPBank đã bứt phá với những thành tựu rất đáng tự hào và để lại dấu ấn về sự tăng trưởng của chất lượng, hiệu quả và bền vững. Những thành quả này sẽ là bước đệm vững chắc để VPBank đạt được những mục tiêu thách thức của chiến lược 5 năm cũng như kết quả tích cực trong các năm tiếp theo.



Năm 2016, VPBank nhận gói tài trợ thương mại trị giá 133 triệu USD từ Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)

PHẦN 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2016

1. QUY MÔ HOẠT ĐỘNG TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH

Năm 2016, VPBank đã có sự dịch chuyển hoạt động kinh doanh theo hướng tập trung vào các phân khúc thị trường khách hàng trọng tâm chiến lược và các khu vực thị trường chọn lọc, giảm dần hoạt động ở các lĩnh vực hoạt động kém hiệu quả.

Sau 3 năm (2013-2015) tập trung xây dựng và củng cố các hệ thống nền tảng để chuẩn bị cho phát triển quy mô lớn, 2016 là năm thứ 2 VPBank chuyển sang giai đoạn 2 của chương trình chuyển đổi toàn diện với nhiệm vụ tập trung nâng cao chất lượng tăng trưởng song song với tiếp tục tăng trưởng quy mô một cách chọn lọc. Theo đó, quy mô hoạt động phát triển theo hướng ổn định và bền vững, cơ cấu bảng cân đối hướng tới mục tiêu hiệu quả trong sử dụng vốn đi đôi với an toàn hệ thống.

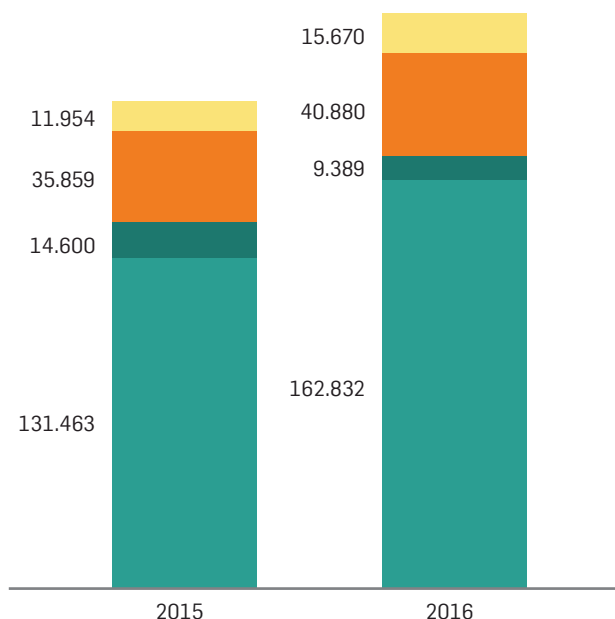
1.1 CẤU TRÚC TÀI SẢN TIẾP TỤC ĐƯỢC CẢI THIỆN THEO HƯỚNG NÂNG CAO CÁC TÀI SẢN CÓ CHẤT LƯỢNG TỐT VÀ TỐI ƯU HÓA HIỆU QUẢ

Tổng tài sản (TTS) của VPBank đạt 228.771 tỷ đồng, tăng trưởng 18% so với cuối năm 2015. Cấu trúc tài sản tiếp tục tập trung tăng trưởng bền vững với sự đóng góp đáng kể của các hoạt động cốt lõi, trong đó - cho vay khách hàng tăng trưởng mạnh nhất với mức 24%, đóng góp 62% tổng tài sản và danh mục chứng khoán cũng đóng góp 18% tổng tài sản.

Năm 2016, VPBank tiếp tục phát triển hai mảng kinh doanh trọng tâm phục vụ phân khúc Khách hàng Cá nhân (KHCN), Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (SME). Mặt khác, VPBank đã nhanh chóng thiết lập mảng kinh doanh phục vụ phân khúc Tín dụng Tiêu thụ. Kết quả tăng trưởng ấn tượng về quy mô của ba phân khúc này trong năm vừa qua đã khẳng định mục tiêu lựa chọn phân khúc khách hàng chiến lược của Ngân hàng là phù hợp và khả thi.

Dư nợ cấp tín dụng (gồm Cho vay khách hàng và Trái phiếu doanh nghiệp) năm 2016 tăng trưởng 31.400 tỷ, tương đương tăng trưởng 24% so với cuối năm 2015. Mức tăng trưởng này cao hơn mức tăng trưởng trung bình của ngành và có sự chuyển dịch lớn theo phân khúc khách hàng. Các phân khúc chiến lược đã có được sự tăng trưởng vượt bậc, giúp tăng tỷ trọng đóng góp trong tổng dư nợ tín dụng lên gần 77 %. Cụ thể, Khối KHCN ghi nhận mức tăng trưởng dư nợ 50%, Khối SME tăng trưởng 30%, Khối Tín dụng Tiêu thụ tuy mới đi vào hoạt động nhưng cũng đạt dư nợ gần 2,000 tỷ đồng.

CO CẤU TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)



- Tài sản khác
- Chứng khoán
- Tiền gửi và cho vay TCTD khác
- Cho vay khách hàng và Trái phiếu doanh nghiệp

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

Mảng tín dụng tiêu dùng đã chứng kiến mức tăng trưởng vượt bậc tới 60% so với năm 2015. Các Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn được định hướng tăng trưởng dư nợ có chọn lọc, tập trung thay đổi tái cấu trúc danh mục, đẩy mạnh các hoạt động ngoại bảng và cho vay tài trợ thương mại.

Cấu trúc sản phẩm cho vay cũng có nhiều thay đổi theo hướng phát triển mạnh các sản phẩm đem lại thu nhập cao như cho vay tín chấp, vay tiêu dùng, vay qua thẻ tín dụng. Với việc tập trung vào mô hình bán lẻ, VPBank đã xây dựng và triển khai thành công hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống phê duyệt và xử lý tín dụng, hệ thống thu hồi nợ vững chắc, đảm bảo kiểm soát tốt rủi ro cho tăng trưởng quy mô lớn các sản phẩm bán lẻ. VPBank cũng là một trong những ngân hàng đi đầu ở Việt Nam trong việc xây dựng mô hình chấm điểm dựa trên dữ liệu lớn cho khách hàng cá nhân. Nhờ vậy, quy mô cho vay tín chấp năm 2016 tăng trưởng 20.700 tỷ đồng, gấp gần 2 lần so với cuối năm 2015.

Trong năm 2016, VPBank tiếp tục tập trung rà soát và hoàn thiện các tiêu chí thẩm định tín dụng nhằm kiểm soát nợ xấu. Nhờ áp dụng thẻ điểm cho các hồ sơ tín dụng của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và

nhỏ và mô hình xếp hạng tín dụng với khách hàng doanh nghiệp lớn và định chế tài chính, VPBank đã lựa chọn được những khách hàng có chất lượng tín dụng tốt. Bên cạnh đó, hệ thống thu hồi nợ đã được hoàn thiện và chuyên môn hóa theo khách hàng, tuổi nợ và đã đạt được những kết quả khả quan. Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu của toàn Ngân hàng được kiểm soát tốt, luôn duy trì ở mức dưới 3%.

Hoạt động đầu tư được đa dạng hóa với việc đẩy mạnh các sản phẩm phái sinh lãi suất và hàng hóa, trên cơ sở tận dụng các cơ hội của thị trường để gia tăng lợi nhuận cho Ngân hàng song song với việc kiểm soát và quản lý rủi ro thanh khoản. Tổng danh mục chứng khoán (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp) cuối năm 2016 đạt 40.880 tỷ đồng, tăng 5.006 tỷ đồng, tương ứng tăng 14% so với năm 2015, trong đó tăng chủ yếu vào trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành được Chính phủ bảo lãnh.

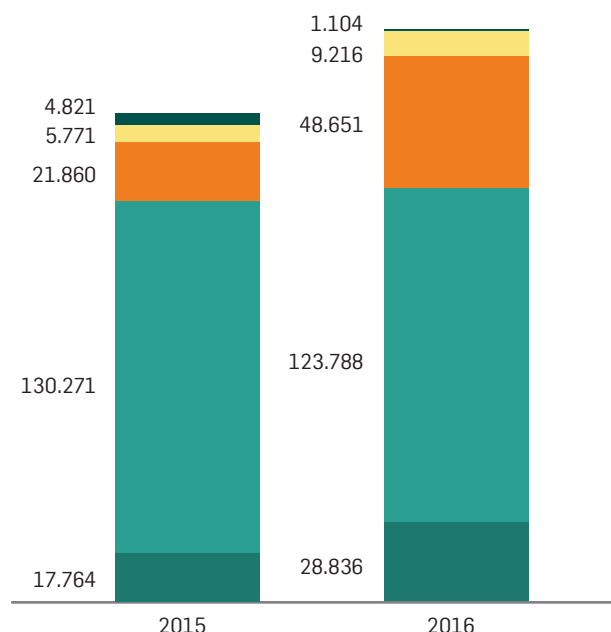
1.2 NGUỒN VỐN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH LINH HOẠT, PHÙ HỢP VỚI NHU CẦU SỬ DỤNG VỐN VÀ CHIẾN LƯỢC HUY ĐỘNG VỐN

Hàng năm, VPBank xây dựng và triển khai kế hoạch nguồn vốn cụ thể ngay từ đầu năm. Kế hoạch nguồn vốn được xây dựng chi tiết tới cấu trúc nguồn huy động: từ cá nhân, tổ chức kinh tế, TCTD, tổ chức tài chính trong nước và quốc tế, cho đến kế hoạch phát hành giấy tờ có giá và cấu trúc theo kỳ hạn,... vừa đảm bảo tuân thủ an toàn vốn nói riêng và các chỉ số an toàn tài chính nói chung trong từng thời kỳ, đồng thời góp phần định hướng kinh doanh toàn hàng. Tại mỗi thời điểm, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) của Ngân hàng đã có những chính sách, yêu cầu, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn và các khối kinh doanh phối hợp triển khai các nội dung phù hợp với tình hình thị trường, chính sách vĩ mô và những yêu cầu của Ban lãnh đạo Ngân hàng. Nhờ vậy, nguồn vốn huy động của VPBank đã tăng trưởng phù hợp với tiến độ tăng trưởng tài sản, cơ cấu nguồn vốn được cải thiện, đa dạng hóa nguồn huy động cũng như tăng trưởng tốt huy động trung dài hạn, trái phiếu dài hạn.

Tổng nợ phải trả đến cuối năm 2016 đạt 211.593 tỷ đồng, tăng trưởng gần 31.106 tỷ đồng, tương đương tăng 17% so với cuối năm 2015. Trong cơ cấu Nợ phải trả, đóng góp phần lớn là Tiền gửi khách hàng (chiếm tỷ trọng 59%) và Phát hành giấy tờ có giá (chiếm tỷ trọng 23%).

Tổng vốn huy động (gồm Tiền gửi của khách hàng, Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và Phát hành giấy tờ có giá) tại thời điểm 31/12/2016 đạt 201.274 tỷ đồng, tăng trưởng 18% so với 2015. Trong đó Tiền gửi của khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá đạt 172.438 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 20.300 tỷ đồng tương ứng tăng 13% so với năm trước, với sự tăng trưởng mạnh ở các phân khúc chiến lược của Ngân hàng. Trong năm, các phân khúc chiến lược ghi nhận mức tăng trưởng 11%

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (tỷ đồng)



- Các khoản nợ khác
- Phát hành giấy tờ có giá
- Tiền gửi của khách hàng
- Tiền gửi và vay TCTD khác

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

và đóng góp 62% vào tổng Tiền gửi khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá của toàn Ngân hàng.

Năm 2016 cũng ghi nhận sự dịch chuyển lớn về nguồn cũng như hình thức huy động. Huy động từ tiền gửi truyền thống đã dịch chuyển sang huy động thông qua phát hành giấy tờ có giá, giúp quy mô giấy tờ có giá đạt 48.651 tỷ đồng, tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2015. Đặc biệt, trong năm 2016, Ngân hàng phát hành thêm hơn 21.175 tỷ đồng giấy tờ có giá kỳ hạn từ 1-5 năm. Đây là nguồn vốn ổn định, dài hạn để tài trợ cho tăng trưởng tài sản trung dài hạn, đảm bảo an toàn trong cấu trúc tài sản của VPBank.

Thêm vào đó, nguồn vốn huy động cũng được bổ sung bằng việc thu hút gần 3.800 tỷ đồng từ các tổ chức quốc tế, giúp đa dạng hóa nguồn tài trợ, khẳng định được vị thế và uy tín của VPBank trên thị trường.

Bằng việc duy trì tăng trưởng ổn định ở các hoạt động cốt lõi của ngân hàng, song song với việc cải thiện chất lượng tín dụng, giảm thiểu chi phí huy động nhờ tăng cường các nguồn huy động vốn giá rẻ nên hiệu quả sử dụng vốn được nâng cao, tỷ lệ biên thu nhập lãi thuần (NIM) được tối ưu, tăng từ 6,3% năm 2015 lên 7,7% năm 2016.

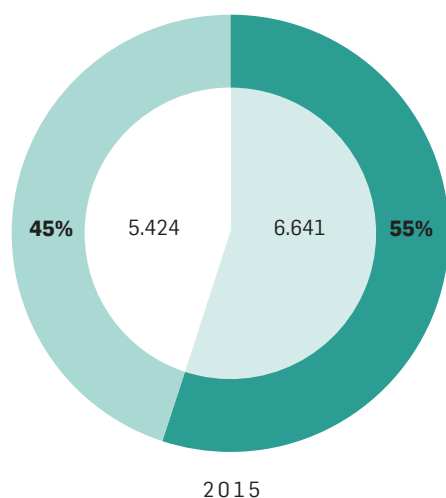
2. KẾT QUẢ KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC MỨC CAO Ở TẤT CẢ CÁC CHỈ SỐ

2.1 TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG THUẦN (TOI) TĂNG CAO NHỜ THAY ĐỔI CẤU TRÚC SẢN PHẨM, TỐI ĐA HÓA HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG

2016 tiếp tục là một năm kinh doanh thành công của VPBank với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) của tổng thu nhập hoạt động thuần trong giai đoạn 2013-2016 đạt 50,3%. Tổng thu nhập hoạt động thuần đạt 16.864 tỷ đồng năm 2016, tăng 40% so với năm 2015 và là mức thu nhập hoạt động thuần đạt được cao nhất từ trước đến nay của VPBank. Thu nhập hoạt động thuần chủ yếu đến từ thu nhập lãi thuần, đạt 15.168 tỷ, tăng 4.814 tỷ đồng, tương đương tăng trưởng 47% so với năm trước. VPBank có được tăng trưởng về thu nhập hoạt động thuần cao hơn nhiều so với tăng trưởng về quy mô tài sản (ở mức 18%) là nhờ chiến lược tăng trưởng mạnh ở các phân khúc cốt lõi, sản phẩm mới tiềm năng, tăng cường chất lượng tài sản, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, bán chéo và nâng cao hiệu quả cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn.

Sau 3 năm tập trung chuyển đổi mô hình bán hàng, chuẩn hóa bộ sản phẩm và củng cố hệ thống hỗ trợ bán, năm 2016 các phân khúc chiến lược đã thể hiện được vai trò mũi nhọn của mình bằng các mức tăng trưởng ấn tượng về hiệu quả hoạt động. Khối KHCN đạt được mức tăng trưởng ấn tượng là 54% về thu nhập hoạt động thuần, Khối SME tăng 40%, Khối Tín dụng Tiêu thương tăng gần 12 lần và Công ty Tài chính (VPB FC) tăng hơn 2 lần so với năm trước.

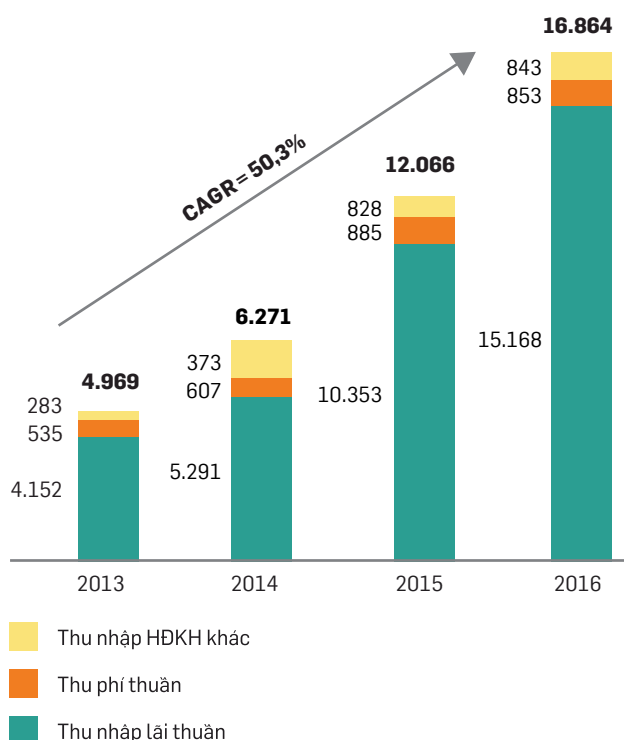
CO CẤU TOI (tỷ đồng)



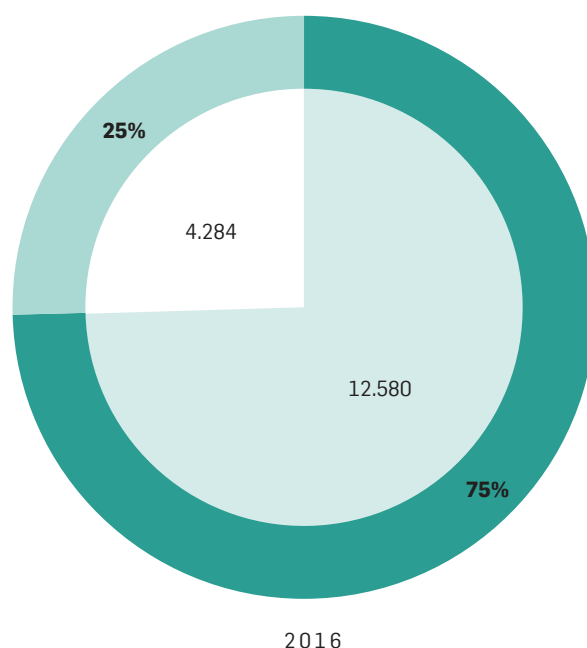
Phân khúc chiến lược Phân khúc còn lại

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG THUẦN (tỷ đồng)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán



2016

Để đạt được những kết quả trên, năm 2016 các đơn vị trên toàn hệ thống đã triển khai hoạt động theo đúng định hướng chiến lược. Sự chuyển đổi đột phá trong cấu trúc sản phẩm và kênh bán hàng của Khối KHCN và Khối SME trong năm 2016 đã mang lại những kết quả hết sức tích cực cho hoạt động bán lẻ, trong đó đáng chú ý là Khối KHCN ghi nhận những thành công với sản phẩm trọng tâm là cho vay tín chấp cá nhân (UPL), đóng góp gần 40% vào thu nhập hoạt động của Khối.

Thêm vào đó, Công ty tài chính VPBank đã có một năm phát triển vững chắc cả về lượng và chất với sự tăng trưởng mạnh về quy mô và hiệu quả hoạt động. Thương hiệu FE Credit liên tục cải tiến về sản phẩm, gia tăng thị phần, kết hợp với tăng cường kiểm soát rủi ro hệ thống nên đã đạt kết quả cao. Tổng thu nhập hoạt động thuần năm 2016 đạt 8.552 tỷ, tăng trưởng gấp 2 lần so với năm 2015. Nhờ vậy, các phân khúc chiến lược của Ngân hàng đã có tăng trưởng mạnh mẽ về tổng thu nhập thuần, đưa tỷ trọng đóng góp của các phân khúc này lên 75% tổng thu nhập hoạt động thuần của toàn Ngân hàng.

Các mảng kinh doanh vệ tinh của Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn, Khối Thị trường Tài chính, Trung tâm Định chế và Ngân hàng giao dịch...cũng đã có một năm tài chính thuận lợi. Các đơn vị này một mặt tận dụng thế mạnh của mình về mô hình hoạt động chuyên biệt, linh hoạt để cung cấp những giải pháp tài chính riêng biệt, mặt khác phối hợp chặt chẽ liên khối và các đối tác bên ngoài để thực hiện bán chéo, tài trợ chuỗi ... để tối ưu hóa kết quả kinh doanh của toàn Ngân hàng. Việc đẩy mạnh hoạt động Tài trợ thương mại và Quản lý tiền tệ, các hoạt động ngoại bảng đã đạt những kết quả ấn tượng, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng thu phí cho Ngân hàng và giảm chi phí vốn huy động.

Bên cạnh đó, công tác thu hồi nợ cũng đạt được những kết quả tốt, không chỉ gián tiếp góp phần tăng lợi nhuận thông qua thu hồi lãi treo, giảm nợ xấu, mà còn trực tiếp góp phần tăng lợi nhuận của Ngân hàng thông qua việc thu 715 tỷ đồng từ nợ đã xử lý rủi ro, tăng 180% so với năm 2015.

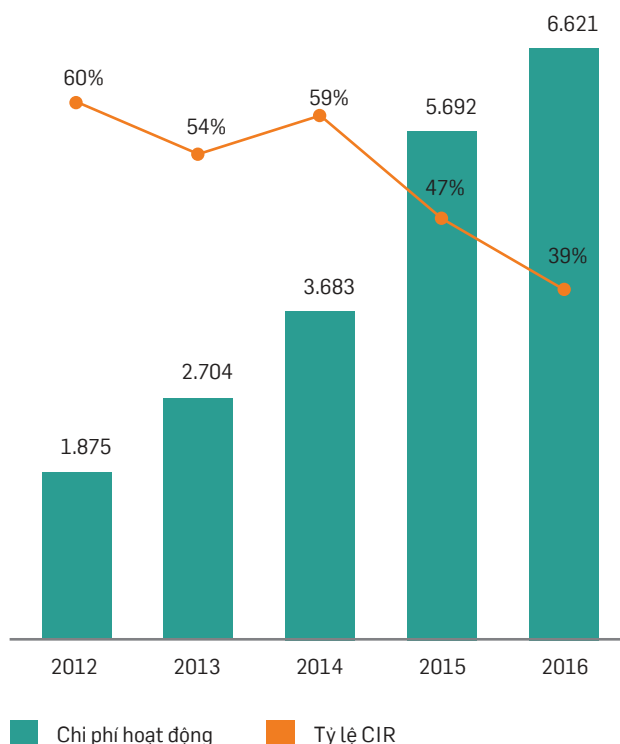
2.2 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT TRÊN CƠ SỞ TIẾT KIỆM CHI PHÍ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Năm 2016, VPBank tiếp tục tập trung đầu tư vào phát triển nguồn lực cùng với việc phát triển một số mảng kinh doanh mới và các dự án trọng điểm phục vụ cho hoạt động kinh doanh nên chi phí cho đầu tư cơ sở hạ tầng tương đối lớn. Nhưng nhờ kiểm soát tốt chi phí hoạt động với việc triển khai một loạt các dự án tối ưu hóa chi phí hoạt động, nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh số hóa, tự động hóa, sử dụng hiệu quả chi phí vận hành nên chi phí hoạt động năm 2016 chỉ tăng 16% so với

năm 2015, thấp hơn rất nhiều so với mức tăng trưởng về thu nhập. Do đó, tỷ lệ chi phí hoạt động trong thu nhập hoạt động thuần (CIR) năm 2016 giảm mạnh xuống mức 39% từ mức 47% của năm 2015.

2.3 CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO ĐƯỢC TRÍCH LẬP TĂNG CAO NHẪM XỬ LÝ NỢ XẤU VÀ DỰ PHÒNG NỢ XẤU

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG (tỷ đồng)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

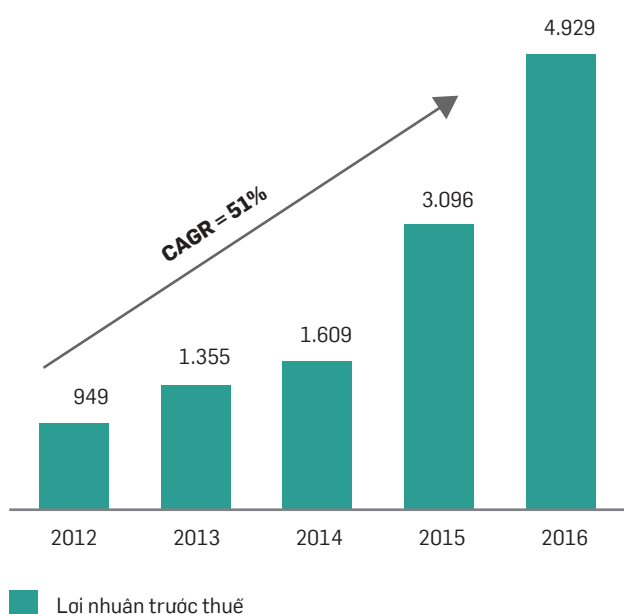
Ngoài việc đảm bảo chi phí dự phòng được trích đúng và đủ theo quy định của NHNN, VPBank còn có cách tiếp cận thận trọng hơn trong việc trích dự phòng nhằm giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh trong tương lai. Tổng chi phí dự phòng trích cho năm 2016 là 5.383 tỷ đồng, tăng 2.549 tỷ so với năm trước. Mức trích lập cao hơn năm trước chủ yếu do tái cấu trúc các danh mục đầu tư, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro nên tăng chủ yếu ở các khoản trích cho nội bảng.

2.4 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TĂNG TRƯỞNG ẤN TƯỢNG, CÁC TỶ SUẤT SINH LỜI VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN ĐỀU ĐƯỢC NÂNG CAO

Nhờ tất cả các yếu tố thuận lợi như phân tích trên đây, kết thúc năm tài chính 2016, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của VPBank đạt 4.929 tỷ đồng, trong đó lợi

nhuận của riêng Ngân hàng là hơn 3.403 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất tăng trưởng 59% so với năm 2015, cao nhất từ trước đến nay, vượt mục tiêu 54% theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông và đưa tốc độ tăng trưởng kép hàng năm của 5 năm trở lại đây lên mức 51%.

Hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROAA) và hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) năm 2016 đạt tương ứng là 1,86% và 26%, cao hơn mặt bằng chung của các ngân hàng thương mại cổ phần ngoài quốc doanh.



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

3. CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG

Ngày 27/5/2016, NHNN ban hành Thông tư số 06 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36 về các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng. Hai điều chỉnh lớn có hiệu lực từ 1/1/2017 đó là tỷ lệ tối đa sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn giảm dần xuống 50%, hệ số rủi ro đối với các khoản phải đòi để kinh doanh bất động sản bắt đầu nâng lên 200%. Để chuẩn bị cho các thay đổi này, VPBank đã thực hiện cân đối lại nguồn vốn cũng như định hướng và kiểm soát chặt chẽ hoạt động cho vay bất động sản, cho vay trung dài hạn để vừa đảm bảo các quy định của cơ quan quản lý, vừa duy trì hoạt động của ngân hàng phát triển hiệu quả, ổn định và bền vững. Vì vậy, các chỉ số an

toàn luôn được duy trì và đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quy định của NHNN trong năm 2016 và các năm tiếp theo.

4. CÁC CHỈ TIÊU PHI TÀI CHÍNH

Sự thành công của VPBank trong năm qua không chỉ dừng lại ở các kết quả tài chính, các chỉ số phi tài chính cũng đạt được tăng trưởng mạnh mẽ.

Cơ sở khách hàng: năm 2016, số lượng khách hàng hoạt động của Ngân hàng có sự tăng trưởng mạnh mẽ lên gần 3,3 triệu khách hàng, tăng trưởng 57% so với năm 2015. Đây là cơ sở quan trọng trong việc theo đuổi chiến lược bán lẻ của VPBank.

Phát hành thẻ: số lượng thẻ hoạt động năm 2016 đạt gần 630 nghìn thẻ, tăng trưởng mạnh 39% so với cuối năm 2015. Cũng trong năm 2016, gần 100 nghìn thẻ tín dụng được mở mới, tăng trưởng 39% so với năm 2015.

Số lượng nhân viên: sự tăng trưởng mạnh mẽ trong phân khúc bán lẻ được thể hiện thông qua tăng trưởng mạnh số lượng nhân sự, đảm bảo cung cấp đủ nguồn lực cho kinh doanh. Số lượng nhân viên toàn hệ thống tính đến hết năm 2016 là 17.387 người, tăng 4.460 người so với cuối năm 2015.

5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016

Năm 2016 là năm cận cuối của lộ trình triển khai chiến lược 5 năm. VPBank đã đạt được những kết quả kinh doanh hết sức ấn tượng với nhiều chỉ số đạt mức tốt nhất từ trước tới nay, phản ánh rõ hiệu quả hoạt động cũng như tốc độ phát triển bền vững của Ngân hàng theo đúng mục tiêu chiến lược đã đặt ra. Với một chiến lược kinh doanh đúng đắn, cùng sự tập trung cao độ, tinh thần làm việc sáng tạo không ngừng nghỉ, VPBank đã gần hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra trong năm 2016, duy trì đà tăng trưởng vững chắc so với năm trước, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, hiệu quả sử dụng vốn cũng như các chỉ tiêu về an toàn hệ thống đều được nâng cao.

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2016	% so với KH 2016	% tăng trưởng với 2015
Tổng tài sản	228.771	246.223	93%	18%
Huy động khách hàng (gồm Phát hành giấy tờ có giá)	172.438	188.326	92%	13%
Dư nợ cấp tín dụng	162.832	171.017	95%	24%
Trong đó: Cho vay khách hàng	144.673	156.358	93%	24%
Tỷ lệ nợ xấu	2,91%	<3%	Đạt	
LNTT hợp nhất	4.929	3.200	154%	59%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

KINH DOANH



GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH DÀNH CHO HỘ KINH DOANH CÁ THỂ TỐT NHẤT VIỆT NAM 2016

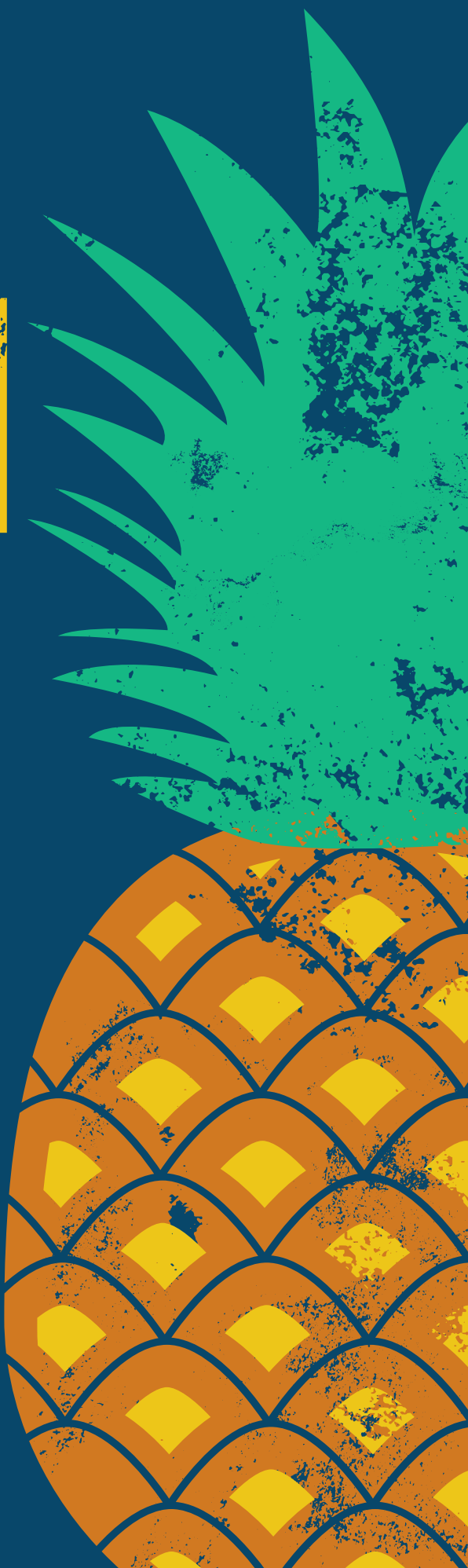
Giải thưởng do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng cho CommCredit – Thương hiệu thuộc VPBank dành riêng cho Hộ kinh doanh cá thể

Các hộ kinh doanh cá thể rất ưa chuộng giải pháp tài chính trọn gói do CommCredit trực thuộc VPBank cung cấp, bởi sự tiện dụng ngay từ khâu xét duyệt, giải ngân và dịch vụ phục vụ tận nơi. Năm 2016 đã có tới hàng chục ngàn hộ kinh doanh lựa chọn giải pháp này và tích cực giới thiệu cho các hộ khác cùng sử dụng.

ỨNG DỤNG NGÂN HÀNG DI ĐỘNG TỐT NHẤT VIỆT NAM 2016

Giải thưởng được trao bởi Tạp chí Global Banking & Finance Review

Với tính năng bảo mật SMS OTP an toàn nhất hiện nay và giao diện bắt mắt, giúp khách hàng dễ dàng truy cập từ các thiết bị kết nối internet vào bất kỳ thời điểm nào trong ngày, VPBank Mobile tự hào là ứng dụng cung cấp đa dạng nhất các tính năng giao dịch trực tuyến cho người dùng.



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG BÁN LẺ

Năm 2016 chứng kiến những bước tiến lớn của VPBank trên hành trình trở thành một trong ba ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017. Đây cũng là năm đầu tiên Khối Khách hàng Cá nhân (KHCCN) đạt được mức tăng trưởng ấn tượng 54% đối với doanh thu hoạt động thuần và 116% đối với lợi nhuận trước phân bổ chi phí. Trong năm qua, sự tận tụy, năng động, chuyên nghiệp của lực lượng bán hàng và giao dịch viên đã góp phần quan trọng trong việc giúp VPBank giành được niềm tin của gần 2 triệu khách hàng, qua đó giúp tăng cơ sở khách hàng thêm gần 50% so với năm trước. Bên cạnh đó, tăng trưởng huy động và dư nợ cũng rất ấn tượng với dư nợ cho vay tăng mạnh ở mức 50% so với năm 2015.

Với phương châm “Hành động vì những ước mơ”, VPBank mong muốn không chỉ mang lại những trải nghiệm dịch vụ ngân hàng tốt nhất mà còn cung cấp cho khách hàng cùng người thân, gia đình và bạn bè những giải pháp tài chính đa dạng, thuận tiện và phù hợp. Với nỗ lực không ngừng nghỉ nhằm phát triển các sản phẩm, dịch vụ và chính sách chiến lược tốt nhất cho các phân khúc khách hàng khác nhau, VPBank đã thành công trong việc nâng cao mức độ nhận diện và năng lực cạnh tranh của VPBank trên thị trường ngân hàng bán lẻ.

Năm 2016 cũng ghi nhận những thành công của sản phẩm trọng tâm là cho vay tín chấp cá nhân (UPL). Với hàng loạt cải tiến về sản phẩm, số lượng khách hàng UPL đã gia tăng nhanh chóng và giải ngân UPL tăng 152% so với năm 2015. Bên cạnh đó, VPBank đã nỗ lực mang lại cho khách hàng dịch vụ đơn giản và thuận tiện thông qua việc triển khai thành công các trang web mục tiêu nhằm cho phép tất cả các khoản vay tín chấp đều được xử lý trực tuyến. Cải tiến này không chỉ nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng mà còn nâng cao hình ảnh của VPBank là ngân hàng tiên phong trong quá trình số hóa. Giải ngân phê duyệt trước và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ là những điểm sáng trong công tác nâng cao trải nghiệm khách hàng. Với những tính năng ấn tượng trên, VPBank đã nhận được giải thưởng “Ngân hàng có sản phẩm cho vay tín chấp tốt nhất Việt Nam” của tạp chí The Asian Banker.

Năm qua, VPBank cũng đã hợp tác chặt chẽ hơn với các tập đoàn bất động sản danh tiếng như Vingroup, Novaland nhằm mang đến cho khách hàng những giải pháp tốt nhất về tài chính cho khách hàng có nhu cầu về nhà ở. Đồng thời, Ngân hàng cũng phát triển quan hệ đối tác với các đại lý ô tô và đưa ra mức phí hợp lý cũng giúp sản phẩm vay mua ô tô đạt được những thành quả quan trọng. 2016 là năm đầu tiên các chương trình bán chéo được thực hiện hiệu quả và gặt hái được những kết quả ấn tượng với hiệu suất bán tại chi nhánh tăng gấp 6 lần

và tỷ lệ nắm giữ sản phẩm với khách hàng có hơn 2 sản phẩm tăng gấp 2 lần.

Sản phẩm thẻ tín dụng cũng mang lại thành công cho VPBank nhờ tập trung phát triển quan hệ hợp tác chiến lược với nhiều nhà bán lẻ, đồng thời thực hiện nhiều chiến dịch tiếp thị nhằm thu hút khách hàng, số lượng chủ thẻ đã tăng gần 100.000 người, qua đó giúp VPBank vinh dự nhận được giải thưởng “Ngân hàng dẫn đầu về số lượng thẻ tín dụng Mastercard”. Thành công này sẽ tạo đà tăng trưởng cho Ngân hàng trong năm 2017.

Cùng với sự tăng trưởng đáng kể về cho vay, mảng huy động cũng đạt được những kết quả tích cực, trong đó số dư cuối kỳ tăng 16% so với đầu kỳ. Việc liên tục triển khai các chương trình thi đua bán hàng cho các chi nhánh cũng như các kênh bán đã tạo động lực cho lực lượng bán hàng và đóng góp vào việc tăng số dư tài khoản thanh toán (CASA) bình quân lên 91% so với năm trước. VPBank cũng ghi nhận chỉ số xuất sắc về tiền gửi có kỳ hạn, trong đó số dư tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến tăng gấp đôi. Năm 2016 còn là năm thành công của mảng bancassurance với những kết quả đáng khích lệ. Việc chuyển đổi từ mô hình nhân viên VPBank giới thiệu khách hàng cho công ty bảo hiểm sang mô hình nhân viên trực tiếp tư vấn và bán các sản phẩm bảo hiểm ở một số chi nhánh, thành lập nhóm bán hàng từ xa, cùng với minishow ở các chi nhánh đã gây ấn tượng lớn với khách hàng và mang lại kết quả ấn tượng về bancassurance tại thời điểm cuối năm. Điều này thể hiện rõ ở chỉ tiêu thu phí thuần và hoa hồng với mức tăng hơn 3 lần so với năm 2015. Ngoài ra, việc hợp tác thành công với các đối tác bảo hiểm lớn đã giúp tăng nguồn thu phí từ bảo hiểm nhân thọ lên gần 5 lần.

Trong năm 2016, phân khúc khách hàng ưu tiên đã đạt tiến bộ cách đáng kể cả về quy mô cũng như cơ sở khách hàng. Số lượng chi nhánh có bộ phận phục vụ khách hàng ưu tiên (Gold Club) đã tăng 1,5 lần, từ 89 lên 155 tại thời điểm cuối năm. Số lượng thành viên Gold Club cũng tăng 120% so với năm trước. Kể từ khi tái định vị chính sách phát triển lực lượng bán hàng, 90% khách hàng hài lòng về chất lượng dịch vụ của các chuyên viên Quan hệ khách hàng ưu tiên. Năm qua, bộ phận Khách hàng Ưu tiên tập trung hơn vào củng cố kỹ năng bán và tăng năng suất thông qua tiếp thị địa phương (micro marketing), chăm sóc tốt hơn và thu hút sự tham gia của khách hàng nhiều hơn.

VPBank đã củng cố cơ cấu tổ chức để đảm bảo sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa các phòng ban và sự nhất quán của các hoạt động nội khối. Tất cả các phòng ban trong Khối đều nhận thức được tầm quan trọng của việc đề xuất và triển khai sáng kiến, qua đó giúp Khối tiến gần hơn tới mục tiêu mang lại trải nghiệm khách hàng tốt nhất và sứ mệnh đưa VPBank trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu. Trong năm 2017, Khối CHCCN đặt ra các

mục tiêu cao về sản phẩm và kênh bán hàng. Khối sẽ triển khai mô hình động cơ 5 thì nhằm củng cố thế mạnh ở các sản phẩm chủ chốt, đồng thời tiếp tục tập trung vào quy trình số hóa Ngân hàng, thiết kế lại kênh thay thế để quản lý bán hàng tốt hơn, và tăng cường hiệu quả của các chương trình bán chéo cũng như khai thác nhóm khách hàng trung lưu. Với tầm nhìn và chiến lược hợp lý, VPBank tự tin có thể đạt được tầm nhìn trở thành một trong ba ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017.

DỊCH VỤ TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

Trong năm 2016, Công ty Tài chính VPBank (với thương hiệu FE Credit) đã chứng tỏ năng lực của một công ty hàng đầu về mọi mặt trên thị trường tín dụng tiêu dùng. FE Credit đã liên tục cải tiến sản phẩm, mở rộng mạng lưới phân phối, củng cố khung quản trị rủi ro, duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp cũng như tập trung xây dựng nguồn nhân lực mạnh để duy trì sự tăng trưởng một cách bền vững.

Là doanh nghiệp hàng đầu với mạng lưới phân phối lớn nhất và rộng khắp trên cả nước, FE Credit đã giúp hàng triệu khách hàng tại Việt Nam giải quyết các vấn đề tài chính cá nhân thông qua danh mục các sản phẩm cho vay tín chấp và dịch vụ tài chính đa dạng. Hệ thống phân phối này đã giúp FE Credit đạt doanh số kỷ lục về cho vay hàng tiêu dùng lâu bền và xe máy, từ đó hình thành một nền tảng phát triển mạnh mẽ cho hoạt động bán chéo và bán thêm sản phẩm của công ty.

Năm 2016, FE Credit đã chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc với việc thu hút mới 2,7 triệu tài khoản, tăng số lượng điểm giao dịch lên 7.900, tương đương tăng 48%, và phát hành tới 125.000 thẻ tín dụng chỉ sau một năm ra mắt sản phẩm. Một thành tích ấn tượng nữa trong năm qua là FE Credit đã huy động thành công 40.000 tỷ đồng vốn từ các nguồn tài chính khác nhau. Đặc biệt, gần đây FE Credit công bố đã hoàn tất hợp đồng vay vốn trị giá 100 triệu USD với Credit Suisse. Đây được coi là bước đột phá trong hoạt động thu hút vốn của FE Credit, thể hiện niềm tin của các định chế quốc tế đối với hoạt động kinh doanh và tầm nhìn tăng trưởng bền vững của Công ty. Thành công này đã tạo động lực cho FE Credit đẩy mạnh các chỉ tiêu và tăng cường sự tăng trưởng và phát triển bền vững trong tương lai. Được thành lập từ năm 2010, FE Credit đã xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và trở thành nơi làm việc tích cực, đáng ao ước đối với những tài năng trẻ, tham vọng và năng động, thể hiện qua số lượng nhân viên lên tới 14.600 người hiện nay.

Năm 2016 đánh dấu 6 năm tăng trưởng và phát triển của FE Credit. Công ty đã vượt lên các đối thủ đầy kinh nghiệm, có mặt từ trước trên thị trường, để trở thành

doanh nghiệp tài chính tiêu dùng hàng đầu tại Việt Nam. Nhờ đó, FE Credit đã vinh dự nhận được 3 giải thưởng danh giá trong năm 2016:

- Công ty tài chính tiêu dùng tốt nhất Việt Nam 2016 do Tạp chí Global Banking & Finance Review, Vương quốc Anh trao tặng.
- Thương hiệu tài chính tiêu dùng tốt nhất Việt Nam 2016 do Tạp chí Global Brands, Vương quốc Anh trao tặng.
- Thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2016 do Viện Nghiên cứu Kinh tế hợp tác với tổ chức Global Trade Alliance (GTA) trao tặng

FE Credit đang mở rộng hoạt động kinh doanh theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu với sự tập trung vào quy mô cũng như hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh táo bạo, Công ty sẽ tiếp tục cải thiện các nền tảng kinh doanh, quản trị rủi ro, tối ưu hóa chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ, và chuẩn bị tốt cho các kịch bản khác nhau, đa dạng hóa danh mục sản phẩm cũng như xây dựng một văn hóa doanh nghiệp đa quốc gia vững mạnh.

DỊCH VỤ TÍN DỤNG TIÊU THƯƠNG

Kể từ thời điểm đi vào hoạt động năm 2015, phân khúc khách hàng Tín dụng Tiêu thương của VPBank với thương hiệu CommCredit đã có những bước tiến mạnh mẽ, đặc biệt là trong năm 2016. Hướng tới hàng triệu khách hàng tự doanh trên thị trường đại chúng (thường được gọi là “tiêu thương”) tại Việt Nam, mảng kinh doanh này của VPBank đã chứng kiến một năm tăng trưởng vượt bậc và chứng minh vai trò trọng tâm của mình trong hành trình đưa VPBank trở thành một trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam.

CommCredit đã tận dụng mạng lưới chi nhánh rộng khắp của VPBank tại các khu vực thành thị với lực lượng nhân sự có nền tảng kiến thức sâu rộng và gắn bó với tổ chức, để cung cấp các dịch vụ tín dụng nhanh chóng cho khách hàng. Hoạt động của CommCredit được thúc đẩy nhờ khung khẩu vị rủi ro được xác định rõ ràng, sự tập trung không ngừng vào chất lượng dịch vụ, năng lực phát triển các sản phẩm sáng tạo và phù hợp với nhu cầu khách hàng, danh mục tài sản chất lượng cao cùng hiệu quả kinh doanh khả quan.

Mô hình kinh doanh có tính cộng đồng, các sáng kiến về trách nhiệm cộng đồng đã giúp CommCredit tiến gần các mục tiêu đề ra. Sáng kiến chương trình “Tôi yêu chợ Việt – Giữ sạch làm xanh” được nhân rộng triển khai trên khắp cả nước trong năm 2016. Sự tập trung mạnh mẽ vào phân khúc khách hàng mục tiêu đã giúp VPBank xây dựng lòng tin và giành được sự tín nhiệm cao, thể hiện qua giải thưởng “Sáng kiến ngân hàng tốt nhất cho khách hàng tự doanh” do tạp chí Global Banking & Finance Review trao tặng.

Những nỗ lực của CommCredit trong năm 2016 không chỉ giúp VPBank giành được các giải thưởng và sự ghi nhận quốc tế mà còn giúp thương hiệu CommCredit chiếm được lòng tin và sự yêu mến của hàng nghìn khách hàng khắp Việt Nam. Từ số lượng 35 chi nhánh trong năm 2015, CommCredit đã mở rộng mạng lưới lên 129 chi nhánh, hiện diện tại trên 39 tỉnh thành phố, trở thành một trong những mạng lưới kinh doanh tín dụng tiêu thương lớn nhất Việt Nam. Số lượng khách hàng mà CommCredit phục vụ đã tăng lên trên 50.000 khách hàng, gấp 7 lần so với năm trước, cho thấy sự phát triển của VPBank không chỉ đơn thuần là sự mở rộng mạng lưới vật lý, mà còn là khả năng thu hút và mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

Những thành công của VPBank trong phục vụ khách hàng Tín dụng Tiêu thương đã được chuyển thành các kết quả tài chính đáng ghi nhận. Tính tới cuối năm 2016, dư nợ tín dụng và thu nhập từ phí của CommCredit đã tăng gấp 8 lần trong khi doanh thu tăng 10 lần. Thêm vào đó, đến tháng 7/2016, CommCredit đã bắt đầu có lợi nhuận trước chi phí phân bổ hàng tháng, sớm hơn nhiều so với kế hoạch và kỳ vọng sẽ hòa vốn vào đầu năm 2017.

Năm qua, VPBank đã không ngừng mở rộng mạng lưới CommCredit ra các tỉnh thành trên khắp cả nước. Trong năm 2017, Ngân hàng sẽ nỗ lực gia tăng sự hiện diện tại các địa bàn chưa có chi nhánh của VPBank nhằm mục tiêu phục vụ tốt hơn khách hàng tiêu thương. Đồng thời, CommCredit sẽ tập trung củng cố các đội nhóm bán hàng thông qua hoạt động đào tạo nội bộ, tinh giản hiệu quả quy trình bán hàng cũng như đa dạng hóa mạnh mẽ sản phẩm và dịch vụ. Những mục tiêu và nỗ lực đang thực hiện được kỳ vọng sẽ giúp CommCredit trở thành đối tác tài chính được yêu thích của mọi khách hàng tiêu thương tại Việt Nam.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Thị trường năm 2016 đánh dấu bởi sự biến động mạnh về tỷ giá và nhu cầu tín dụng của doanh nghiệp ở mức thấp. Bất chấp những thách thức này, VPBank vẫn tăng trưởng 30% về tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng quy mô đi đôi với nâng cao hiệu quả kinh doanh, VPBank đã chủ động xác định và tập trung vào phân khúc khách hàng SME vi mô (Micro SME) vốn chưa được đáp ứng đầy đủ nhu cầu. Các sản phẩm mới như Cho vay tín chấp (BIL) và kênh bán hàng thay thế với chi phí thấp được triển khai thí điểm trước đó đã được nhân rộng trong năm 2016. Nhờ đó, VPBank đã hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng chính, đồng thời tăng biên lãi thuần (NIM) cho vay của phân khúc SME.

Mặc dù phân khúc Micro SME có tiềm năng lớn nhưng sự thiếu hụt về tài sản đảm bảo, minh bạch tài chính và cấu trúc vốn yếu của khách hàng là những thách thức đáng kể. Tuy nhiên, các thách thức này đã và đang được giải quyết thông qua cơ chế định giá tín dụng phù hợp và sự đầu tư thích đáng vào nguồn nhân lực cũng như các công cụ quản trị rủi ro. VPBank cũng đạt mức tăng trưởng tốt trong phân khúc khách hàng SME có quy mô lớn hơn nhờ khả năng bán chéo sản phẩm và dịch vụ. Nhờ đó, tổng thu nhập từ phí của Khối đã tăng 38%, giúp bù đắp cho phần thu nhập lãi thuần giảm xuống. Nhìn chung, Dịch vụ khách hàng SME đã có một năm tài chính thuận lợi với tổng thu nhập hoạt động thuần tăng 40%, và mức đóng góp vào lợi nhuận toàn hàng tăng gấp 5 lần so với năm 2015.

Trong năm 2016, VPBank đã đạt được những bước tiến lớn trên thị trường nhờ các giải pháp ngân hàng giao dịch. Doanh thu từ các sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ thương mại đã đóng góp tới 75% tổng thu phí thuần. Khối sẽ tiếp tục chú trọng vào thu nhập từ phí để đạt mục tiêu đóng góp 20% vào tổng thu nhập hoạt động thuần của Khối. Các giải pháp về thu chi hộ và thanh toán thương mại đã mở ra nhiều cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử. Để đẩy mạnh hơn nữa các giải pháp thanh toán, VPBank đã ra mắt thẻ tín dụng doanh nghiệp Platinum VPBiz Card và ứng dụng Business Controller trong năm 2016 nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán thương mại ngày càng tăng nhanh của khách hàng. Những nỗ lực mang tới các sản phẩm, dịch vụ sáng tạo cho khách hàng của VPBank đã được ghi nhận qua giải thưởng "Thẻ tín dụng sáng tạo nhất Việt Nam" do Tạp chí Asian Banking & Finance trao cho thẻ VPBiz. VPBank sẽ tiếp tục hợp tác với các đối tác và chuyên gia trong ngành để phát triển các giải pháp tiên tiến và tham gia tích cực hơn nữa vào thế giới công nghệ số hiện nay.

Nhân sự là yếu tố chủ chốt dẫn đến thành công trong hoạt động kinh doanh, do đó, VPBank đã liên tục đầu tư và phát triển nguồn lực con người nhằm đáp ứng yêu cầu và năng suất lao động ngày càng cao của Ngân hàng. Bộ kỹ năng cho nhân viên kinh doanh tại 68 trung tâm SME đã được cải tiến nhằm cung cấp cho khách hàng các khuyến nghị và dịch vụ ngân hàng phù hợp. Kế hoạch phát triển nhân sự và lộ trình sự nghiệp được đưa ra năm 2015 đã được làm mới nhằm đáp ứng tốt hơn kỳ vọng của cán bộ nhân viên.

VPBank đã có nhiều nỗ lực nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam thông qua quan hệ hợp tác với các hiệp hội thương mại, các cơ quan chính phủ và các tổ chức quốc tế như IFC và World Bank. Các giải thưởng như Đối tác tốt nhất của doanh nghiệp SME 2016 do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam trao tặng là động lực khích lệ VPBank nỗ lực hơn nữa để phục vụ cộng đồng khách hàng doanh nghiệp.

Năm 2017 sẽ đánh dấu chặng đường 5 năm phát triển mảng dịch vụ SME của VPBank. Ngân hàng đã xác định một số sáng kiến cần được triển khai trong năm để thúc đẩy sự phát triển liên tục, đồng thời cam kết sẽ tiếp tục đầu tư và phát triển mạnh phân khúc micro SME được khởi xướng từ năm 2016. Mô hình quan hệ khách hàng sẽ được điều chỉnh, đồng thời các quy trình sẽ được đơn giản hóa nhằm tăng thời gian tiếp xúc khách hàng và năng suất lao động nói chung. Dữ liệu phân khúc và các phản hồi của khách hàng sẽ tiếp tục giúp thúc đẩy hoạt động phát triển sản phẩm và chương trình chăm sóc khách hàng trong những năm tới. Trừ khi xuất hiện các diễn biến bất thường, VPBank lạc quan rằng năm 2017 sẽ tiếp tục là một năm thành công trong hoạt động kinh doanh của phân khúc SME với sự tăng trưởng bền vững về cả quy mô lẫn lợi nhuận.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Năm 2016 là một năm thị trường có nhiều biến động và thách thức đối với toàn ngành ngân hàng nói chung cũng như đối với Khối Khách hàng Doanh nghiệp (CMB) nói riêng. Vượt lên những khó khăn đó, CMB đã hết sức nỗ lực để duy trì thành quả đạt được của năm 2015 và tiếp tục tăng trưởng trong năm 2016 để tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển những năm tiếp sau.

Cụ thể, VPBank tiếp tục khẳng định vị trí là đơn vị dẫn đầu toàn Ngân hàng trong cung cấp các sản phẩm bảo lãnh, L/C, thanh toán trong nước và quốc tế, đồng thời duy trì được quy mô huy động vốn ổn định và tăng trưởng dư nợ bình quân ở mức 20% so với năm 2015. VPBank cũng kiên định nguyên tắc phát triển bền vững, chú trọng vào hiệu quả giao dịch, tăng doanh thu từ phí dịch vụ, nhờ đó doanh thu ngoài lãi của mảng Khách hàng Doanh nghiệp đã tăng tới 50% và lợi nhuận trước thuế cũng tăng ấn tượng ở mức 35% so với năm 2015. Danh mục khách hàng tăng lên cũng là điều kiện thuận lợi để Khối mở rộng phạm vi hoạt động của mình trong thời gian tới. Bên cạnh đó, công tác quản trị rủi ro, kiểm soát sau vay được chú trọng triển khai áp dụng thường xuyên, liên tục nên đã giúp cho CMB không phát sinh nợ xấu trong năm 2016.

Bước sang năm 2017 với nhiều tiềm năng kinh doanh cũng như thách thức, định hướng phát triển hoạt động kinh doanh cho CMB theo 4 nhóm sản phẩm dịch vụ, bao gồm: (1) Tài trợ trọn gói; (2) Tài trợ thương mại; (3) Tài trợ nhà cung cấp/nhà phân phối; và (4) Tiếp tục nghiên cứu và tận dụng cơ hội thị trường để tài trợ một số dự án đầu tư lớn an toàn và hiệu quả. Để thực hiện điều đó, CMB sẽ tập trung khai thác sâu khách hàng hiện hữu bên cạnh công tác mở rộng danh mục khách hàng mới để đem lại hiệu quả cao hơn. Đồng thời, CMB sẽ triển

khai công tác dịch vụ và chăm sóc khách hàng tốt hơn nữa để tạo thêm sự gắn bó khăng khít giữa Ngân hàng với khách hàng, tạo dựng kết quả kinh doanh bền vững. Không những vậy, Khối cũng sẽ phối hợp với các đơn vị nội bộ có liên quan để đẩy mạnh mảng quan hệ với hiệp hội ngành nghề để có thể triển khai xây dựng và cung cấp sản phẩm dịch vụ phù hợp nhất cho cho nhóm các khách hàng này.

Đối với công tác quản trị rủi ro và kiểm soát sau vay, CMB sẽ tiếp tục đẩy mạnh các quy tắc lựa chọn khách hàng đầu vào để có thể nhận diện được ngay các khách hàng tốt, tăng cường hơn nữa công tác cảnh báo và phát hiện rủi ro sớm cũng như đưa ra các phương án xử lý rủi ro phát sinh hiệu quả và kịp thời ngay tại đơn vị.

Tiếp nối những thành tựu đã xây dựng trong 5 năm qua đối với mảng Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp, VPBank tin tưởng CMB sẽ tạo lập được kết quả kinh doanh tốt hơn nữa trong năm 2017 để cùng góp sức với sự phát triển chung của Ngân hàng.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP LỚN VÀ ĐẦU TƯ

Bất chấp những xáo trộn về vĩ mô và vi mô trong môi trường kinh doanh đầy biến động, mảng dịch vụ khách hàng doanh nghiệp lớn và đầu tư của VPBank năm 2016 đã cán đích thành công với việc hoàn thành các chỉ tiêu tài chính quan trọng nhất.

Với nền tảng được hợp nhất từ Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Khối Quản lý Đầu tư và Dự án từ cuối năm 2015, trong năm 2016 Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư (CIB) của VPBank đã tận dụng thế mạnh của mình là mô hình tổ chức linh hoạt và chuyên biệt để cung cấp những giải pháp tài chính toàn diện thông qua các gói sản phẩm tài chính tổng thể, các dịch vụ tiện ích tới không chỉ khách hàng doanh nghiệp lớn của mình mà còn tới cả các đại lý và nhà cung cấp của khách hàng. Bên cạnh đó, công tác kiểm soát chất lượng danh mục đầu tư và danh mục nợ cũng được hết sức chú trọng, do đó hiệu quả từ hoạt động đầu tư và cho vay được tăng cường.

Cùng với việc phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch, bên cạnh việc đẩy mạnh hoạt động tài trợ thương mại, gia tăng doanh số bảo lãnh và L/C, tăng thu phí dịch vụ thì trong năm 2016, Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư cũng đã có những đóng góp đáng ghi nhận trong việc cung cấp dịch vụ tài trợ chuỗi nhà phân phối cho các tập đoàn lớn. Ngoài ra, mảng đầu tư cũng có một năm thành công. Bên cạnh việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý danh mục nhằm đảm bảo tính an toàn, hiệu quả và

chất lượng của hoạt động đầu tư, VPBank cũng đã đẩy mạnh hoạt động dịch vụ tư vấn (tư vấn phát hành, tư vấn thu xếp tài chính), doanh thu từ phí dịch vụ của mảng này đã có tăng trưởng đáng kể so với năm 2015.

Trong năm 2017, bên cạnh việc tiếp tục tăng cường chất lượng dịch vụ và khai thác sâu các khách hàng truyền thống như VNPT, Mobifone, Viettel, VEAM... và các khách hàng doanh nghiệp FDI như Yamaha, Nippon Seiki... CIB của VPBank sẽ tập trung chào bán các sản phẩm ngoại bảng và vốn lưu động để phục vụ tốt nhu cầu khách hàng ngay từ đầu năm. Ngoài ra, CIB cũng sẽ tiếp tục tăng cường bán chéo, phối hợp với các đơn vị nội bộ để cung cấp tới khách hàng các gói sản phẩm cấu trúc, các dịch vụ ngân hàng chuyên sâu nhằm phục vụ tốt nhất cho lợi ích của khách hàng. Mảng đầu tư cũng sẽ tiếp tục chú trọng chọn lọc các khoản đầu tư trái phiếu có lợi nhuận biên tốt được chào bán trên thị trường (do các công ty chứng khoán, các tổ chức tài chính khác ngoài VPBank thu xếp phát hành) mà vẫn đảm bảo quản lý được rủi ro. Qua đó, VPBank tin tưởng năm 2017 sẽ tiếp tục là một năm thành công đối với mảng dịch vụ khách hàng doanh nghiệp lớn và đầu tư.

DỊCH VỤ CHO CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH VÀ NGÂN HÀNG GIAO DỊCH

Sau ba năm hoạt động chính thức, Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch của VPBank (FITB) đã đẩy mạnh được hoạt động tài trợ thương mại và triển khai thành công các chiến lược của nghiệp vụ ngân hàng giao dịch, đồng thời phát triển mạnh quan hệ với các định chế tài chính quốc tế.

Trong năm 2016, VPBank đã xây dựng và triển khai được nhiều sản phẩm trọng điểm cho hoạt động ngân hàng giao dịch bao gồm các sản phẩm Tài trợ thương mại (UPAS LC, tài trợ chuỗi phân phối, tài trợ kho hàng theo chuẩn quốc tế) và Quản lý tiền tệ (thuế điện tử, bảo lãnh online, dịch vụ thu chi hộ). Với những nỗ lực trong năm qua, VPBank đã đạt được những kết quả ấn tượng trong việc triển khai 11 chương trình tài trợ chuỗi, trong đó khách hàng trung tâm là các công ty đa quốc gia, tập đoàn lớn trên thị trường. Doanh số UPAS LC tăng 29% so với năm 2015, tổng doanh thu thuần từ phí năm 2016 tăng 11% so với năm 2015.

Trong phân khúc Định chế tài chính ngân hàng, VPBank đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ về nguồn vốn và hạn mức từ các định chế tài chính trong nước và nước ngoài. Tổng hạn mức do các ngân hàng nước ngoài tăng trưởng 20% so với năm 2015, và hạn mức do ngân hàng có vốn Nhà nước cấp tăng trưởng 35% so với năm 2015. Một thành công lớn của VPBank trong năm 2016 là được IFC phê duyệt khoản vay trung hạn 5 năm với số tiền 133 triệu

USD. Bên cạnh đó, VPBank cũng đã chính thức được tham gia vào chương trình Tài trợ Thương mại Toàn cầu của IFC. Trong năm 2016, VPBank tiếp tục là một trong các ngân hàng nhận vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức quốc tế như World Bank, JICA để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ với tổng dư nợ tăng trưởng 150% so với 2015. Đặc biệt trong năm 2016, VPBank là một trong bốn ngân hàng được World Bank lựa chọn là ngân hàng giải ngân nguồn vốn Dự án Phát triển ngành nông nghiệp bền vững (VNSAT) với hạn mức 200 tỷ đồng. Dự kiến trong năm 2017, ngoài việc phát triển mở rộng các dự án trên, VPBank sẽ triển khai một số dự án có nguồn vốn ODA như Dự án tín dụng năng lượng xanh của Ngân hàng tái thiết Đức (KfW) và Quỹ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Những thành quả nổi bật của FITB đã giúp khẳng định vị thế và uy tín của VPBank trên thị trường Việt Nam và quốc tế. Trong năm 2017, VPBank sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm tài trợ chuỗi và tài trợ ngành cũng như tăng cường hơn nữa các giải pháp về quản lý dòng tiền để đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng, mở rộng quan hệ đại lý của VPBank với các định chế tài chính trong và ngoài nước, tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế là IFC, ADB và các định chế tài chính ngân hàng khác để tăng hạn mức trung dài hạn phục vụ cho định hướng chiến lược kinh doanh của VPBank.

DỊCH VỤ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Năm 2016, mảng dịch vụ thị trường tài chính, bao gồm các hoạt động ngoại hối, tiền tệ, trái phiếu của VPBank, thông qua Khối Thị trường Tài chính (FM), đã tiếp tục được tái cơ cấu và đổi mới về cơ cấu tổ chức để tăng tốc, bứt phá và đạt được những thành tựu nổi bật. Thành công trong năm 2016 của Khối Thị trường Tài chính được thể hiện qua những kết quả đầy ấn tượng.

Bên cạnh việc tối ưu hóa các lĩnh vực kinh doanh truyền thống, năm 2016, FM đã tái cấu trúc mạnh mẽ thông qua việc đưa ra các sản phẩm tài chính mới, đặc biệt là nhóm sản phẩm về ngoại hối, phái sinh và sản phẩm cấu trúc vốn mở rộng tới nhiều đối tượng khách hàng, chú trọng đến các khách hàng cao cấp. Đặc biệt, Khối Thị trường Tài chính đã đóng góp quyết định trong việc phát hành thành công trái phiếu huy động vốn dài hạn của VPBank thông qua việc cấu trúc sản phẩm phù hợp và tìm kiếm các khách hàng tiềm năng.

Trong năm 2016, Khối Thị trường Tài chính cũng đã phối hợp chủ động, tích cực đưa ra các giải pháp để quản lý các tỷ lệ an toàn và tối ưu hoá nguồn vốn dư thừa, hiệu quả bảng cân đối, bao gồm việc sử dụng mô hình phân tích tài chính để dự báo các tỷ lệ tuân thủ, đồng thời chủ

động có những phân tích và nhận định về diễn biến lãi suất và đưa ra các giải pháp để cải thiện tỷ lệ an toàn theo quy định, các giải pháp để tối ưu hoá nguồn vốn dư thừa, hiệu quả bằng cân đối.

2016 cũng là năm Khối Thị trường Tài chính đã bước đầu xây dựng đội ngũ bán sản phẩm thị trường tài chính chuyên nghiệp, phối hợp chặt chẽ với các khối kinh doanh khác để đưa sản phẩm thị trường tài chính đến với khách hàng một cách chủ động hơn. Với đội ngũ chuyên gia mạnh, VPBank không chỉ cung cấp các sản phẩm thông thường mà còn đưa ra các tư vấn thị trường thích hợp về tỉ giá và lãi suất cho khách hàng, qua đó tối ưu hóa lợi ích của khách hàng và tạo ra sự khác biệt của VPBank.

Về mặt vận hành, năm 2016 Khối Thị trường Tài chính tiếp tục triển khai hệ thống phần mềm quản trị và thực hiện giao dịch hiện đại để giúp các hoạt động chuyên môn đặc thù của mảng kinh doanh liên ngân hàng trong các lĩnh vực kinh doanh trái phiếu, tiền gửi, ngoại hối và các sản phẩm phái sinh được tiến hành nhanh chóng, tính giá chuẩn xác, hiệu quả và kiểm soát rủi ro tốt hơn. Nhờ đó, Khối Thị trường Tài chính đã đạt được thành tích vượt trội, cán đích lợi nhuận cả năm ngay trong quý 3 năm 2016 và kết thúc năm với thu nhập hoạt động thuần của khối tăng 43% so với năm 2015. Đặc biệt, VPBank duy trì được vị thế top 5 ngân hàng TMCP có thành tích nổi bật trong hoạt động đấu thầu trái phiếu Chính phủ năm 2016 do Bộ Tài chính xếp hạng. Năm 2017, lần đầu tiên VPBank được lọt vào danh sách các nhà tạo lập thị trường của Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam (VBMA). Với nền tảng đó, VPBank sẽ tiếp tục có một năm thành công trong mảng dịch vụ trên thị trường tài chính.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG CÔNG NGHỆ SỐ

Số hóa ngân hàng là một chiến lược quan trọng của VPBank, thể hiện tầm nhìn của Ban lãnh đạo Ngân hàng đối với tương lai của ngành ngân hàng và sự thay đổi trong hành vi khách hàng. Tháng 1/2016, Khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số (DBS) được chính thức thành lập, tập trung triển khai các định hướng chủ yếu của chiến lược số hóa:

- Tiếp tục số hóa các dịch vụ của ngân hàng truyền thống nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí vận hành và đẩy mạnh quá trình thu hút khách hàng;
- Hợp tác với các công ty fintech, áp dụng các ý tưởng cách mạng vào dịch vụ ngân hàng, mang lại những trải nghiệm khác biệt, mới mẻ tới khách hàng.

Việc thành lập một khối riêng tập trung số hóa Ngân hàng khẳng định sự tiên phong của VPBank trong lĩnh vực này. Đây là nền tảng quan trọng giúp Ngân hàng

chuyển đổi mạnh mẽ, hướng tới tầm nhìn trở thành ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng khách hàng và hiệu quả hoạt động. Để hiện thực hóa điều này, trong năm qua, VPBank đã thực hiện các bước đi chiến lược sau:

- Tháng 10/2016: Thành lập “Digital Lab” – một mô hình tiên tiến dưới sự tư vấn của McKinsey, bao gồm nhân viên từ nhiều phòng ban khác nhau, để uơm mầm và phát triển các trải nghiệm số hóa cho khách hàng;
- Thiết kế lại các quy trình của VPBank theo hướng tự động và số hóa;
- Số hóa các kênh phục vụ khách hàng: Với chiến lược này, việc đăng ký dịch vụ sẽ được triển khai trên Internet và khách hàng cũng có thể tự thực hiện một số giao dịch mà trước đây phải tới chi nhánh.

Song song với đó, VPBank tiếp tục đẩy mạnh số hóa các sản phẩm, quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng qua máy tính và thiết bị di động. Khách hàng VPBank được cung cấp dịch vụ số hoá phong phú nhất ngành ngân hàng Việt Nam, bao gồm hầu hết các dịch vụ tài chính trực tuyến: Chuyển khoản, thanh toán (hơn 300 loại hóa đơn), gửi tiết kiệm, vay, mở thẻ tín dụng.

Cũng trong năm 2016, VPBank là ngân hàng đầu tiên trên thị trường đã số hóa thành công các sản phẩm thấu chi khách hàng trả lương, thấu chi trên tài khoản thanh toán (Sm@rt OD), thẻ tín dụng phê duyệt trước và thẻ tín dụng Timo. Việc hợp tác với các công ty fintech, đặc biệt là Timo, đã cho ra đời các dịch vụ tài chính khác biệt, tạo ra làn gió mới trong ngành ngân hàng về những dịch vụ hiện đại, thuận tiện cho khách hàng.

Với các nỗ lực đồng bộ này, VPBank đã tăng số người dùng các kênh số hóa 260% so với 2015, tăng gấp 2 lần số dư huy động trực tuyến so với 2015 và 12 lần so với 2014. Tỷ lệ giao dịch tài chính trực tuyến cũng đạt mức 33%, trong đó gần 100% số giao dịch chuyển tiền được thực hiện qua các kênh số hóa. Trong tháng 11/2016, số lượng giao dịch tài chính qua các kênh số hóa đã lần đầu tiên vượt qua số lượng giao dịch tại quầy. Số lượng khoản vay online và mở thẻ tín dụng tăng hàng chục lần so với 2015.

Giải thưởng của “Sáng kiến ngân hàng điện tử tốt nhất Việt Nam” của The Asian Banker, “Dự án e-banking tốt nhất” của IDG, và “Ứng dụng mobile banking tốt nhất Việt Nam” của Tạp chí Global Finance & Banking Review là sự vinh danh của cộng đồng và các nhà chuyên môn cho những nỗ lực phục vụ khách hàng của VPBank. Trong năm 2017, VPBank sẽ tiếp tục triển khai mạnh mẽ các sáng kiến và sáng tạo các trải nghiệm mới, khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực số hóa trong ngành ngân hàng Việt Nam.

NHỮNG THÀNH TỰU VỀ XÂY DỰNG

NỀN TẢNG?



NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ TIÊU BIỂU VIỆT NAM 2016

Giải thưởng do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) trao tặng

Giải thưởng “Ngân hàng điện tử tiêu biểu” do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) trao tặng khẳng định VPBank đang thực hiện tốt chiến lược phát triển, tốc độ tăng trưởng khách hàng trực tuyến, ứng dụng công nghệ bảo mật, tích hợp sản phẩm... trên kênh ngân hàng điện tử.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Khung quản trị rủi ro của VPBank được dựa trên 3 trụ cột chính là quản trị rủi ro tín dụng, quản trị rủi ro thị trường, và quản trị rủi ro hoạt động. Thông lệ quản trị rủi ro đã được lồng ghép vào các quy trình hoạch định chiến lược, vốn và tài chính cũng như những quy trình kinh doanh thường nhật trên toàn ngân hàng với mục tiêu đảm bảo rủi ro được xem xét, đánh giá, và đối phó một cách kịp thời.

VPBank đã có những bước chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi Thông tư 41/2016-NHNN ngày 30/12/2016 có hiệu lực. Ngân hàng đã định kỳ tính toán chỉ số an toàn vốn tối thiểu theo Basel và quy định của Ngân hàng Nhà nước và liên tục củng cố công tác quản trị rủi ro theo khuyến nghị của Basel. Cho đến năm 2018, các ưu tiên hàng đầu của Ngân hàng là chuẩn bị chuyển sang cách tiếp cận nâng cao, nâng cao chất lượng và sự sẵn có của dữ liệu, và triển khai các giải pháp quản trị rủi ro lồng ghép.

Dựa trên cơ cấu tổ chức đã được tối ưu hóa vào năm 2015, Khối đã chú trọng đến kỹ năng và chuyên môn của các chuyên gia quản trị rủi ro, cụ thể là hoàn thành hơn 150 khóa đào tạo nội bộ với giảng viên là các chuyên gia nước ngoài.

Quản trị rủi ro tín dụng

Chiến lược quản trị rủi ro tín dụng của VPBank được dựa trên khung khẩu vị rủi ro rõ ràng, sự chú trọng đặc biệt đến chất lượng tín dụng, rà soát các tiêu chí thẩm định tín dụng một cách chặt chẽ, đảm bảo danh mục tài sản chất lượng cao và đảm bảo sự minh bạch giữa phần thưởng và rủi ro. Năm 2016, chất lượng tín dụng của VPBank vẫn được kiểm soát chặt chẽ và tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ được duy trì dưới mức quy định 3%. Để đảm bảo chất lượng tín dụng ở mức hợp lý, VPBank đã áp dụng thẻ điểm cho các hồ sơ tín dụng của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ và mô hình xếp hạng tín dụng với khách hàng doanh nghiệp lớn và định chế tài chính. Đồng thời, Ngân hàng cũng xây dựng và áp dụng mô hình chấm điểm hành vi để bán thêm, bán chéo và quản lý hạn mức của các khách hàng hiện hữu. VPBank cũng là một trong những ngân hàng đi đầu ở Việt Nam trong việc xây dựng mô hình chấm điểm dựa trên dữ liệu lớn cho khách hàng cá nhân. Để giám sát và quản lý danh mục tín dụng hiện tại, Ngân hàng cũng áp dụng các phân tích sâu về danh mục, hệ thống cảnh báo sớm với tất cả các đối tượng khách hàng và quy trình rà soát tín dụng để kiểm tra ngẫu nhiên và xử lý các rủi ro cao. Ngoài ra, Ngân hàng đã nâng cấp thành công Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội và ban hành chính sách và quy trình liên quan, đồng thời triển khai đào tạo sâu về hệ thống này cho các chuyên viên tín dụng.

Quản trị Rủi ro Thị trường

Trong năm 2016, khung quản trị rủi ro thị trường của VPBank đã được củng cố. Ngân hàng đã thành lập ủy ban chuyên trách về định giá và các chủ đề rủi ro thị trường khác, đồng thời điều chỉnh các cấp phê duyệt có liên quan. Hệ thống hạn mức rủi ro thị trường đã được rà soát và củng cố để đảm bảo tuân thủ với các thông lệ quốc tế tốt nhất và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và nhằm bảo vệ các trạng thái rủi ro của Ngân hàng trước những thách thức trong thị trường tài chính.

Quản trị rủi ro hoạt động

Tầm quan trọng của quản trị rủi ro hoạt động đã được truyền thông rộng rãi đến tất cả CBNV VPBank. Khung Quản lý Gian lận và An ninh Thông tin đã được triển khai thành công vào năm 2016. Những yêu cầu chặt chẽ trong các chính sách này cũng như các chương trình giảm thiểu gian lận, rút ngắn thời gian bắt đầu điều tra, ngăn chặn việc dùng internet cho các mục đích ngoài công việc, kiểm soát việc dùng USB ở máy tính của ngân hàng đã được áp dụng đồng bộ trên toàn ngân hàng nhằm giảm rủi ro rò rỉ thông tin và nhiễm vi-rút máy tính. Khía cạnh quản trị rủi ro hoạt động của phần lớn các tài liệu và quy trình ở VPBank đã được đánh giá. Quy trình lưu trữ và giám sát dữ liệu sự kiện rủi ro hoạt động được từng bước cải tiến. Ngân hàng có hệ thống Chỉ số Rủi ro chính cho tất cả các mảng kinh doanh và bộ phận hỗ trợ và hệ thống này được giám sát thường xuyên. Các buổi đào tạo chung cho tất cả CBNV, đào tạo chuyên biệt cho các bộ phận kinh doanh và hỗ trợ, và các buổi truyền thông đã được thực hiện trong năm 2016 nhằm nâng cao nhận thức của CBNV về rủi ro hoạt động. Đối với các quy trình vận hành chính, cách tiếp cận dựa trên thống kê đã được áp dụng nhằm hạn chế rủi ro vận hành. Kế hoạch duy trì kinh doanh liên tục của ngân hàng được áp dụng cho tất cả các hoạt động kinh doanh trọng yếu. Năm 2016, một số kịch bản duy trì kinh doanh liên tục đã được đưa ra và thử nghiệm thành công.

Thu hồi nợ

Năm 2016, VPBank đã tăng cường một cách đáng kể hiệu quả của các quy trình thu hồi nợ nhờ triển khai giải pháp công nghệ thông tin mới cho xử lý nợ cùng với Tổng đài nhắc nợ tự động. Ngân hàng cũng xây dựng các chiến lược trước xử lý nợ toàn diện, qua đó cải tiến chất lượng của các danh mục tín dụng. Các công cụ phân tích và hệ thống thu hồi nợ mới đã cho phép quản lý hiệu suất thu hồi nợ một cách chủ động.

Quản trị rủi ro là một nhân tố chính đóng góp cho thành công của Ngân hàng trong năm 2016. Bước sang 2017, VPBank sẽ tiếp tục cải tiến hệ thống quản trị rủi ro và thu hồi nợ như một nền tảng chiến lược cho việc hiện

thực hóa tầm nhìn trở thành ngân hàng TMCP hàng đầu ở Việt Nam.

VẬN HÀNH

Trong năm áp chót thực hiện lộ trình chuyển đổi 5 năm giai đoạn 2012 – 2017 của VPBank, Khối Vận hành đã củng cố vai trò chủ lực trong việc cung cấp dịch vụ xuất sắc cho khách hàng, tối ưu hóa chi phí, đồng thời đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát trong các nghiệp vụ vận hành của Ngân hàng.

Dịch vụ khách hàng: Trong năm 2016, VPBank đã được Tạp chí Global Banking & Finance Review, Vương quốc Anh bầu chọn là “Ngân hàng có dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam”.

Tiếp tục thực hiện sáng kiến tập trung hóa quản lý dịch vụ khách hàng tại chi nhánh, trong năm 2016, mạng dịch vụ khách hàng của toàn bộ mạng lưới đã được chuyển về trực thuộc Khối Vận hành sau khi thực hiện thành công đối với các chi nhánh tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2015.

Để đảm bảo tính đồng nhất giữa các kênh dịch vụ khác nhau nhằm nâng cao trải nghiệm cho khách hàng, tất cả các điểm tiếp xúc cung cấp dịch vụ khách hàng chủ chốt bao gồm dịch vụ khách hàng chi nhánh, phòng Dịch vụ và Chăm sóc khách hàng qua điện thoại 24/7, Mạng lưới ATM và bộ phận Tiếp nhận và xử lý khiếu nại khách hàng tập trung đã được quy về một đầu mối quản lý dịch vụ Khách hàng thống nhất trong Khối Vận hành. Điều này đã giúp Ngân hàng cải thiện thời gian xử lý khiếu nại và phản hồi các vấn đề khác của khách hàng nhanh chóng hơn.

Với mục tiêu cải thiện trải nghiệm dịch vụ của khách hàng tại chi nhánh theo hướng giảm thiểu thời gian chờ và nâng cao sự thuận tiện, một loạt các quy trình đã được thiết kế lại, qua đó giúp tăng năng suất lao động tại các quầy giao dịch hơn 30%. Hơn nữa, 40 máy nhận tiền gửi (CDM) mới đã được lắp đặt tại các chi nhánh, nhờ đó cung cấp cho khách hàng một phương thức gửi tiền hiệu quả và thuận tiện hơn so với gửi tiền tại quầy thông qua giao dịch viên.

Đồng thời, nhân viên dịch vụ khách hàng chi nhánh đã chủ động trong việc hướng dẫn khách hàng sử dụng các kênh thay thế như ATM, CDM, và ngân hàng trực tuyến. Hơn 80% khách hàng gửi tiền tại các chi nhánh có lắp đặt CDM đã chuyển sang sử dụng phương tiện thay thế này khi gửi tiền. Không những mang lại lợi ích cho khách hàng gửi tiền mặt, việc này cũng cho phép nhân viên dịch vụ khách hàng cải thiện thời gian cung cấp dịch vụ cho các khách hàng khác.

Trọng tâm trong các hoạt động của Khối luôn gắn liền

với mục tiêu nâng cao trải nghiệm của khách hàng thẻ tín dụng cá nhân và SME. Việc triển khai các sáng kiến then chốt trong mảng nghiệp vụ này đã giúp giảm mạnh số lượng các giao dịch không thành công cho chủ thẻ tín dụng nội địa và quốc tế.

Các tiêu chuẩn về dịch vụ cho tất cả các kênh đã được thiết lập một cách rõ ràng với trọng tâm đo lường liên tục chất lượng dịch vụ của Ngân hàng tại tất cả các chi nhánh, phòng Dịch vụ và Chăm sóc khách hàng qua điện thoại 24/7, mạng lưới ATM và bộ phận Tiếp nhận và xử lý khiếu nại khách hàng tập trung. Các tiêu chuẩn này được thiết lập dựa trên các thông lệ của các ngân hàng tốt nhất toàn cầu và là cơ sở quan trọng để Ngân hàng thực hiện cam kết cung cấp dịch vụ tới khách hàng.

Hiệu quả vận hành: Nâng cao năng suất lao động, cải thiện thời gian xử lý và sử dụng tối ưu nguồn lực tiếp tục là các mục tiêu then chốt trong trọng tâm nâng cao hiệu quả vận hành của Khối Vận hành năm 2016.

Mặc dù quy mô cho vay tại các khối kinh doanh chủ đạo của Ngân hàng tăng mạnh, Khối Vận hành tiếp tục duy trì ổn định thời gian phản hồi dịch vụ, đồng thời nâng cao năng lực xử lý nhưng không tăng thêm nhân sự và chi phí. Thành công này là kết quả từ các hoạt động đơn giản hóa quy trình, các yếu tố tự động hóa và năng lực quản lý năng suất lao động tốt hơn, qua đó giảm đáng kể đơn giá sản phẩm và dịch vụ của Khối.

Các sáng kiến tương tự về xử lý thanh toán, tài trợ thương mại và các nghiệp vụ thị trường tài chính đã giúp nâng cao năng lực xử lý xuyên suốt với thời gian phản hồi dịch vụ nhanh hơn cho các khách hàng doanh nghiệp trong năm 2016.

Cải tiến liên tục là phương châm định hướng hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ tại Hội sở Ngân hàng. Việc liên tục tiếp nhận các phản hồi từ các đơn vị vận hành và biến các ý tưởng thành hành động đã giúp Khối Vận hành tiết kiệm đáng kể số lượng nhân sự cũng như cải thiện thời gian phục vụ khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Trong năm 2016, những cải tiến này đóng vai trò đặc biệt quan trọng giúp doanh số bán hàng của hàng loạt sản phẩm tăng trưởng ấn tượng.

Kiểm soát vận hành: Với nhận thức sâu sắc rằng tăng trưởng kinh doanh đột phá cần đi đôi với kiểm soát thận trọng hơn, VPBank đã củng cố năng lực quản lý vận hành bằng cách hợp nhất chức năng quản lý quy trình và kiểm soát vận hành. Việc hợp nhất hai chức năng này sẽ giúp Ngân hàng có được cái nhìn tổng thể hơn về các điểm rủi ro trong các quy trình vận hành.

Thực hiện chiến lược “3 tuyến phòng thủ” được Khối Kiểm toán Nội bộ thúc đẩy phù hợp với khuyến nghị của

Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng, Khối Vận hành đã cụ thể hóa chủ trương này tại cả các đơn vị dịch vụ khách hàng chi nhánh và các đơn vị nghiệp vụ tại Hội sở.

Đồng thời, Khối Vận hành cũng củng cố chức năng kiểm soát sau vay với nhiệm vụ kiểm soát toàn bộ danh mục cho vay khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ và sẽ sớm kiểm soát danh mục cho vay thế chấp của Khối KHCN.

Những đòi hỏi của chủ thẻ về an toàn và bảo mật đã thúc đẩy Khối Vận hành triển khai các sáng kiến quan trọng tại Trung tâm Vận hành thẻ trong năm 2016. Sau khi nâng cấp hệ thống quản lý thẻ vào năm 2015, Ngân hàng đã triển khai hệ thống Quản trị Rủi ro theo thời gian thực để theo dõi mức độ sử dụng thẻ của khách hàng 24/7 và cảnh báo cho khách hàng trong trường hợp phát sinh giao dịch đáng ngờ. Hơn nữa, Ngân hàng cũng đã ứng dụng công nghệ 3D Secure, giúp tạo thêm một lớp an ninh bảo vệ cho chủ thẻ tín dụng và chủ thẻ ghi nợ nội địa khi sử dụng các kênh thương mại điện tử.

Ngoài ra, để đảm bảo tuân thủ chuẩn quốc tế về thẻ chip EMV trong việc chấp nhận thẻ Mastercard và Visa tại mạng lưới ATM của ngân hàng, VPBank đã nâng cấp toàn bộ hệ thống ATM lên hệ điều hành Windows 7, đồng thời hoàn thành đánh giá bảo mật mã PIN ATM theo các yêu cầu của đối tác Visa.

Tầm nhìn: Trong năm cuối cùng thực hiện lộ trình chuyển đổi 2017, Khối Vận hành sẽ tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và đảm bảo hiệu quả về quy trình sẽ mang lại cho khách hàng mức độ hài lòng cao hơn với chi phí được tối ưu hóa hơn nữa.

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng nhất, góp phần tạo nên sự thành công của VPBank trong thời gian qua. Năm 2016, VPBank tiếp tục triển khai và hoàn thiện các chính sách nhân sự, các dự án và sáng kiến trọng điểm nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng quản lý, góp phần làm vững chắc hệ thống nền tảng quản trị nhân sự của Ngân hàng.

Việc triển khai thành công các dự án phát triển hệ thống nền tảng trọng điểm về quản trị nguồn nhân lực trong năm 2016 giúp VPBank tối ưu hóa các thủ tục, quy trình nhân sự và quản trị rủi ro một cách hiệu quả hơn. Hệ thống “Họ công việc” đã được đưa vào vận hành, áp dụng đồng bộ toàn hàng, làm nền tảng quản trị nhân sự hiệu quả; giúp việc xây dựng và triển khai chương trình đào tạo theo đúng yêu cầu công việc, giúp cán bộ nhân viên của VPBank có thể nhận diện được sự khác biệt trong yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm tại mỗi vị trí khác nhau, đồng thời công tác tuyển dụng được đơn giản hóa, tập trung theo tính chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó,

Khối Quản trị Nguồn nhân lực của VPBank đã tiếp tục làm việc với công ty tư vấn Quốc tế Korn Ferry Group để hoàn thiện Mô hình “Nhóm Họ công việc”, xây dựng các tiêu chí trọng yếu phân biệt theo từng cấp bậc công việc để đảm bảo cán bộ quản lý của Ngân hàng có thể chủ động thiết lập kế hoạch nguồn nhân lực phù hợp với kế hoạch kinh doanh và số lượng nhân sự cần có trong đơn vị. Song song với đó, cán bộ nhân viên có thể chủ động trong việc xây dựng kế hoạch phát triển công việc trong ngắn hạn và nghề nghiệp trong dài hạn tại VPBank.

Hệ thống Quản trị nhân sự của VPBank đã được triển khai và áp dụng theo chuẩn quản trị quốc tế thông qua hệ thống HCM của SAP. Ngân hàng đã hoàn thiện những phân hệ cốt lõi như Hệ thống quản lý cơ cấu tổ chức và thông tin cá nhân, Tuyển dụng trực tuyến, Quản lý giờ làm việc & trả lương và Cổng ứng dụng dịch vụ trực tuyến. Cuối năm 2016, VPBank đã chuyển hình thức thi tuyển sang online nhằm đảm bảo tính minh bạch trong quản lý với các đề bài kiểm tra phù hợp với tính chất công việc. Với tham vọng hệ thống hóa các quy trình nhân sự, VPBank đã đưa ra lộ trình chiến lược thích hợp để hoàn thiện những giải pháp, tính năng nhân sự khác trong năm 2017, đảm bảo việc đẩy mạnh hiệu suất làm việc, nâng cao tính hiệu quả của công tác quản trị nhân sự và quản trị rủi ro.

Việc xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng chuyên nghiệp đóng vai trò qua trọng trong chiến lược dài hạn của Ngân hàng. VPBank đang hướng đến trở thành điểm đến cho những ứng viên tài năng và đầy tham vọng trong việc xây dựng và phát triển nghề nghiệp cá nhân. Với khẩu hiệu “Không chỉ là công việc mà còn là sự nghiệp”, VPBank mong muốn cùng các cán bộ nhân viên của mình xây dựng một ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam. Ngân hàng đã nỗ lực để các cán bộ nhân viên luôn có nhiều cơ hội trong công việc để phát triển và hoàn thiện các kiến thức nền tảng vững chắc từ đó có thể vươn cao và xa hơn trong nghề nghiệp, tạo những thành công cá nhân bên cạnh thành công của tập thể.

Công tác đào tạo và phát triển nhân viên toàn Ngân hàng được chú trọng một cách tập trung hơn với việc triển khai các chương trình đào tạo theo Nhóm công việc nhằm nâng cao kiến thức và năng lực của nhân viên. Học viện VPBank chú trọng triển khai nhiều lớp huấn luyện kỹ năng bán hàng và nhận biết rủi ro tín dụng cho các đơn vị chủ chốt tạo ra nguồn doanh thu chính cho Ngân hàng; đồng thời, thúc đẩy các lớp kỹ năng mềm và kiến thức cho các đơn vị hỗ trợ nhằm nâng cao hiểu biết và hiệu suất làm việc. Chương trình nâng cao các kỹ năng lãnh đạo và quản lý cho các cán bộ quản lý chú trọng đến các đơn vị kinh doanh nhằm nâng cao năng lực quản lý cũng như đào tạo lực lượng kế thừa vững mạnh cho tổ chức. Các cán bộ nhân viên của VPBank cũng được khuyến khích nâng cao kỹ năng và tinh thần tự học trong công việc hỗ trợ cho kế hoạch phát triển nghề nghiệp

theo mong muốn của mỗi cá nhân.

Với việc liên tục triển khai và cải thiện chiến lược quản trị nhân sự, VPBank đang từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường tài chính nói chung và lĩnh vực nhân sự nói riêng. Với tinh thần không ngừng hoàn thiện và phát triển, của VPBank sẽ không ngừng lắng nghe ý kiến của cán bộ nhân viên, hoàn thiện hệ thống, hướng dẫn người dùng, đảm bảo hệ thống đã triển khai phải đi vào sử dụng một cách hiệu quả nhất. Tuyển dụng đúng người, giữ chân cán bộ nhân viên có hiệu quả làm việc tốt và tiếp tục hoàn thiện các phân hệ quản trị nền tảng tiếp tục là những thách thức mà Khối Quản trị Nguồn nhân lực cùng Ban lãnh đạo của VPBank chú trọng trong năm 2017 nhằm hoàn thiện những mảnh ghép quan trọng trong chiến lược xây dựng thương hiệu Nhân sự số một trên thị trường Việt Nam.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Công nghệ Thông tin (CNTT) là một yếu tố then chốt, đóng góp những giá trị căn bản đối với thành công chung của VPBank trong năm 2016.

Với kết quả đạt được từ công tác xây dựng các giải pháp và ứng dụng CNTT, VPBank đã và đang tiếp tục thực hiện các dự án và sáng kiến theo hướng tăng cường sự đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả, điển hình như:

- Gói giải pháp hàng đầu thế giới về công tác hoạch định nguồn lực doanh nghiệp của SAP, các phân hệ triển khai trong năm 2016 bao gồm:
 - Quản lý nguồn ngân sách (FM)
 - Kế toán và quản lý tài chính (FI/CO)
 - Lập kế hoạch và quản lý ngân sách (BPC)
 - Quản lý lương và nguồn nhân lực (HCM, quản lý đào tạo)
- Giải pháp hàng đầu về quản lý thẻ từ Openway
- Bên cạnh đó, những dự án, sáng kiến đang và sẽ được thực hiện cũng góp phần hiện thực hóa các giá trị của VPBank, bao gồm:
 - Thử nghiệm và đưa vào hoạt động Hệ thống hiện đại về Khởi tạo Khoản vay
 - Hệ thống ứng dụng giao dịch ngân hàng trên internet và điện thoại di động (mobile banking & internet banking)
 - Hiện đại hóa liên tục với hệ thống ngân hàng lõi (core banking) đầu bảng trên thế giới của Temenos
 - Hệ thống Kho dữ liệu (Data Warehouse) và hệ thống Trục tích hợp Dịch vụ phục vụ công tác phân tích dữ liệu trên nền tảng hệ thống giải pháp của IBM
 - Hệ thống Cổng thanh toán tập trung (Payment Hub) và hệ thống Trung tâm Chăm sóc khách hàng (Call Center) của các hãng cung cấp nổi tiếng trên thế giới

Trong năm 2016, bằng việc cải tổ các dịch vụ và quy trình CNTT một cách triệt để, VPBank đã và đang tiếp tục tạo ra cơ sở cho việc xây dựng và đưa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đến với thị trường một cách nhanh hơn, thông qua:

- Tái cơ cấu tổ chức Khối CNTT và xây dựng cơ chế quản lý quan hệ với các đơn vị nghiệp vụ
- Thiết lập cơ chế kiểm soát Chiến lược và Kiến trúc CNTT rõ ràng hơn
- Thành lập đội ngũ nhân sự liên khối để tập trung vào lĩnh vực ngân hàng số và hoạt động theo mô hình Agile/Scrum
- Thu hút nhân sự có kinh nghiệm tốt nhất từ thị trường trong nước và quốc tế
- Đầu tư liên tục vào sự phát triển của cá nhân,
- Duy trì chặt chẽ Cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) cho các đơn vị nghiệp vụ

Năm 2016 cũng chứng kiến một xu hướng nổi bật về hoạt động CNTT của VPBank với việc kết hợp với các tổ chức bên ngoài như các công ty Công nghệ Tài chính (Fintech), Viễn thông (Telco) và/hoặc các nhà Bán lẻ (Retailer). Năm 2016 cũng thấy rõ sự tập trung lớn về hoạt động CNTT của VPBank cho các quy trình kinh doanh ngân hàng số hướng tới các khách hàng trẻ tuổi năng động.

Không kém phần quan trọng là các kế hoạch bài bản trong hoạt động an ninh bảo mật. Công tác an ninh bảo mật của VPBank đã được chú trọng đầu tư hết sức chủ động trong năm 2016, thể hiện bằng việc thực thi nhiều biện pháp trong chương trình Chiến lược Bảo mật CNTT. Đây là những đầu tư nhằm hướng đến việc nâng cao hơn nữa mức độ đảm bảo an toàn cho khách hàng.

Với những thành tựu đạt được năm 2016, Công nghệ Thông tin của VPBank sẽ là nền tảng tạo đà cho sự phát triển nhanh, hợp với xu hướng nhưng luôn đảm bảo yếu tố bền vững của các hoạt động kinh doanh của VPBank, góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế và thịnh vượng của Việt Nam.

PHÂN TÍCH KINH DOANH

Thông qua một chương trình quy mô toàn Ngân hàng, từ năm 2014, VPBank đã bắt đầu thực hiện một lộ trình nhằm chuyển đổi dữ liệu phân tán của mình trở về với đúng giá trị - một tài sản mang tính chiến lược, đồng thời tái định hình VPBank như một doanh nghiệp lấy thông tin làm trọng tâm, trong đó việc đảm bảo chất lượng và tối ưu hóa việc khai thác hiệu quả dữ liệu đều được quản lý một cách chặt chẽ và nhất quán, trực tiếp bởi đội ngũ quản lý cấp cao của Ngân hàng. Trung tâm Phân tích Kinh doanh (BIC) đã được thành lập và đi vào hoạt động dưới sự giám sát trực tiếp của Tổng Giám đốc kể từ đầu năm 2014. Trong năm 2016, BIC tiếp tục triển khai

chương trình tự động hóa công tác báo cáo và cung cấp các phân tích sắc bén cho các cấp ra quyết định. Đến cuối năm 2016, BIC đã phát triển thành một bộ phận hỗ trợ then chốt trong ngân hàng với gần 60 cán bộ giàu kỹ năng. Các báo cáo, dashboard, phân tích sâu, phân tích nâng cao, v.v. đang mang lại những thông tin kinh doanh quan trọng và cái nhìn sâu sắc cho các bộ phận kinh doanh và hỗ trợ của Ngân hàng. Hơn 100 báo cáo quản trị nội bộ cũng như báo cáo cho cơ quan quản lý bên ngoài đã được tự động hóa trên nền tảng phân tích kinh doanh. Tác động của các phân tích này lên thu nhập hoạt động của các bộ phận kinh doanh đã bắt đầu được đo lường và trình bày với Ban Điều hành. BIC đang cung cấp dịch vụ trong các mảng:

- Bán hàng và trước bán hàng
- Dịch vụ/kênh phân phối
- Chiến dịch tiếp thị
- Khách hàng/phân khúc
- Rủi ro và thu hồi nợ
- Sản phẩm
- Quản lý dữ liệu
- Quản trị dữ liệu

Năm 2017, VPBank đặt mục tiêu có được những bước tiến lớn về nâng cao chất lượng dữ liệu, mở rộng phạm vi và tác động của các dự án phân tích và đạt mức độ tự động hóa cao cho công tác báo cáo.

TRUYỀN THÔNG VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU

Truyền thông tới khách hàng, đối tác và cộng đồng

2016 tiếp tục là một năm VPBank khẳng định vị thế hàng đầu và ghi dấu ấn đậm nét với các sự chương trình dành cho khách hàng, đối tác và cộng đồng. Trong đó không thể không nhắc đến VPBank Concert – chuỗi chương trình thực sự đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao thương hiệu cho Ngân hàng với những hiệu ứng tích cực từ báo giới và công chúng về ý tưởng đồng đảo, chất lượng nghệ thuật và sự chuyên nghiệp đến từng chi tiết nhỏ trong khâu tổ chức.

Với VPBank Legend Concert – Paris Ballet par VPBank, lần đầu tiên khán giả Việt có cơ hội được chiêm ngưỡng những trích đoạn ballet “tinh tuyển” với sự thăng hoa của những étoile (nghệ sĩ ngôi sao) đến từ L'Opera de Paris, cái nôi của nền Ballet đương đại. Với Paris Ballet par VPBank tiếp tục cho thấy sự kiên định với sứ mệnh mang đến những tinh hoa của nghệ thuật thế giới, góp phần xây dựng một cuộc sống thịnh vượng cả về vật chất và tinh thần cho người Việt. Sau Richard Clayderman và Kenny G, sự góp mặt của vũ đoàn Paris Ballet đã góp

phần đánh dấu Việt Nam trên bản đồ nghệ thuật quốc tế, trở thành một điểm đến hấp dẫn cho các nghệ sĩ hàng đầu thế giới.

Năm 2016 cũng chứng kiến sự thành công vang dội của chuỗi chương trình Private Concert – Tri ân khách hàng và đối tác của VPBank. Ở Hà Nội, 2 đêm nhạc của Thomas Anders – ca sĩ hát chính của ban nhạc pop huyền thoại Modern Talking đã được gần 7.000 khán giả đón nhận một cách cuồng nhiệt. Modern Talking ft. Thomas Anders & Band đã vượt ra khỏi quy mô của một chương trình tri ân cuối năm để trở thành một sự kiện nghệ thuật thực thụ, gây tiếng vang lớn trong cộng đồng yêu mến nghệ thuật Việt Nam. Tại TP HCM, đêm diễn “Nhu đã dấu yêu” với sự kết hợp tuyệt vời của Bằng Kiều và Mỹ Tâm đã trở thành món quà tinh thần vô cùng giá trị mà VPBank dành cho hơn 1.000 khách hàng và đối tác.

Định vị là một ngân hàng bán lẻ, VPBank đang dành sự quan tâm lớn tới lớp người dùng trẻ trung, năng động thông qua chuỗi các hoạt động sôi nổi trên internet và mạng xã hội. Đặc biệt, năm 2016 đánh dấu một cột mốc quan trọng khi VPBank thực hiện chiến dịch “Công việc trong mơ” chi tiêu 100 triệu/1 tuần bằng thẻ tín dụng Step Up, thu hút tới hơn 2.000 lượt ứng tuyển. Thông tin được lan truyền rộng rãi, được cả công chúng lẫn báo chí hết sức quan tâm, trở thành một phương thức marketing đột phá và ấn tượng.

Trang fanpage Facebook của VPBank năm qua đã có sự tăng trưởng nhanh về số lượng tương tác hữu cơ, là một trong số những fanpage ngân hàng được yêu thích nhất Việt Nam. Lượng tương tác (yêu thích, chia sẻ, bình luận) luôn đạt mức cao thể hiện sự quan tâm và gắn bó của người dùng với thương hiệu VPBank. Với những nỗ lực kể trên VPBank trở thành thương hiệu được chia sẻ nhiều nhất trong số các ngân hàng TMCP tư nhân với gần 83.000 lượt thảo luận trên mạng xã hội.

Truyền thông tới cán bộ nhân viên

Trong năm 2016, các kênh truyền thông nội bộ của VPBank tiếp tục được khai thác hiệu quả. Các ấn phẩm thường kỳ như Bản tin giấy Thịnh Vượng tiếng Việt & tiếng Anh và Bản tin điện tử VPBank Today liên tục được cải tiến về nội dung và hình thức, được đông đảo bạn đọc đón nhận. Fanpage Facebook dành riêng cho cán bộ nhân viên cũng trở thành kênh thông tin, chia sẻ rất hữu ích với hơn 15.000 người theo dõi và tương tác thường xuyên. Bên cạnh đó, hệ thống poster nội bộ, màn hình nền máy tính cá nhân, các màn hình LCD ở sảnh chờ và trong thang máy hay mới đây nhất là chương trình phát thanh nội bộ “Thay lời muốn nói” cũng đang phát huy tối đa công dụng, khiến cho các thông điệp truyền thông trở nên sinh động, hấp dẫn và dễ dàng được các VPBanker yêu mến và đón nhận.

Các hoạt động nội bộ quy mô toàn hàng đã được triển khai định kỳ, tạo sức hút ngày càng mạnh mẽ đối với cán bộ nhân viên như cuộc thi chinh phục thử thách “Commandos – Đường mòn khai sáng”, cuộc thi kiến thức nghiệp vụ “Trạng nguyên VPBank”, chòm sự kiện văn nghệ, thể thao như: “Sing & dance”, “VPSshow”, “Đêm ngàn sao”, đặc biệt là cuộc thi “Miss & Mr VPBank 2016” đã được tổ chức rất chuyên nghiệp và sáng tạo, thu hút sự quan tâm lớn của đông đảo cán bộ nhân viên, đồng nghiệp tại các ngân hàng bạn, tạo tiếng vang lớn trên mạng xã hội và báo giới. Việc sử dụng các hoạt động nội bộ để quảng bá thương hiệu VPBank là một thử nghiệm táo bạo và đang mang lại hiệu quả tích cực.

Với mục tiêu truyền thông rộng rãi tới toàn Ngân hàng, trước mỗi sự kiện, VPBank đã tổ chức hàng loạt roadshow đến từng chi nhánh ở các địa phương khắp 3 miền, qua đó không chỉ thu hút đông đảo VPBanker tham gia các sự kiện phong trào mà còn thắt chặt hơn

nữa mối quan hệ giữa cán bộ nhân viên chi nhánh và Hội sở. Cách làm này đã phát huy hiệu quả đặc biệt, giúp các hoạt động nội bộ của VPBank trong năm 2016 đã được nâng lên 1 tầm cao mới với việc truyền lửa tới các đơn vị trên toàn hệ thống để chủ động triển khai các chương trình, sự kiện ở các quy mô khác nhau dành cho cán bộ nhân viên.

An sinh xã hội

Trong năm 2016, VPBank đẩy mạnh các hoạt động từ thiện an sinh xã hội gắn với giáo dục. VPBank đã tài trợ trên 3 tỷ đồng cho các quỹ, hội khuyến học các tỉnh, đồng thời xây dựng trường học ở các địa phương còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh các chương trình có quy mô lớn là hàng loạt các chương trình an sinh xã hội như “Áo ấm mùa đông”, “Tối trường sau lũ”, “Tài trợ quỹ Thiện Nhân” được tổ chức ngày càng thiết thực mang ý nghĩa to lớn trong việc gắn kết yêu thương và san sẻ khó khăn với cộng đồng.



Chương trình “Paris Ballet par VPBank”



Chương trình Tri ân Khách hàng “Nhu đã dấu yêu”



Chương trình Tri ân Khách hàng “Modern Talking ft. Thomas Anders & Band”

QUẢN TRỊ

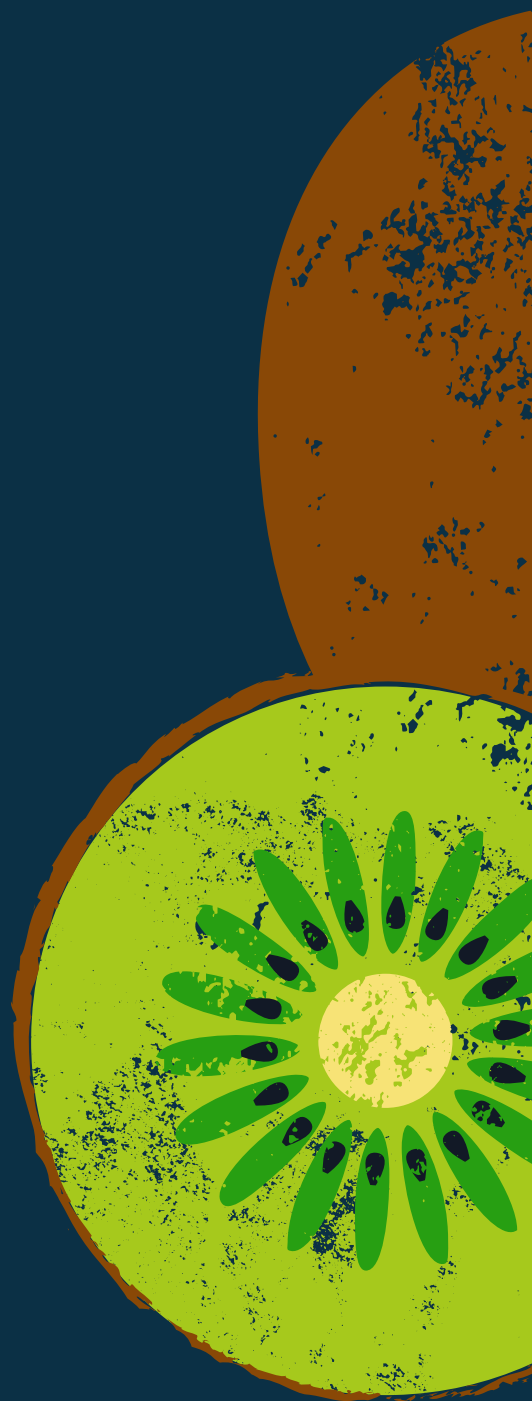
DOANH NGHIỆP



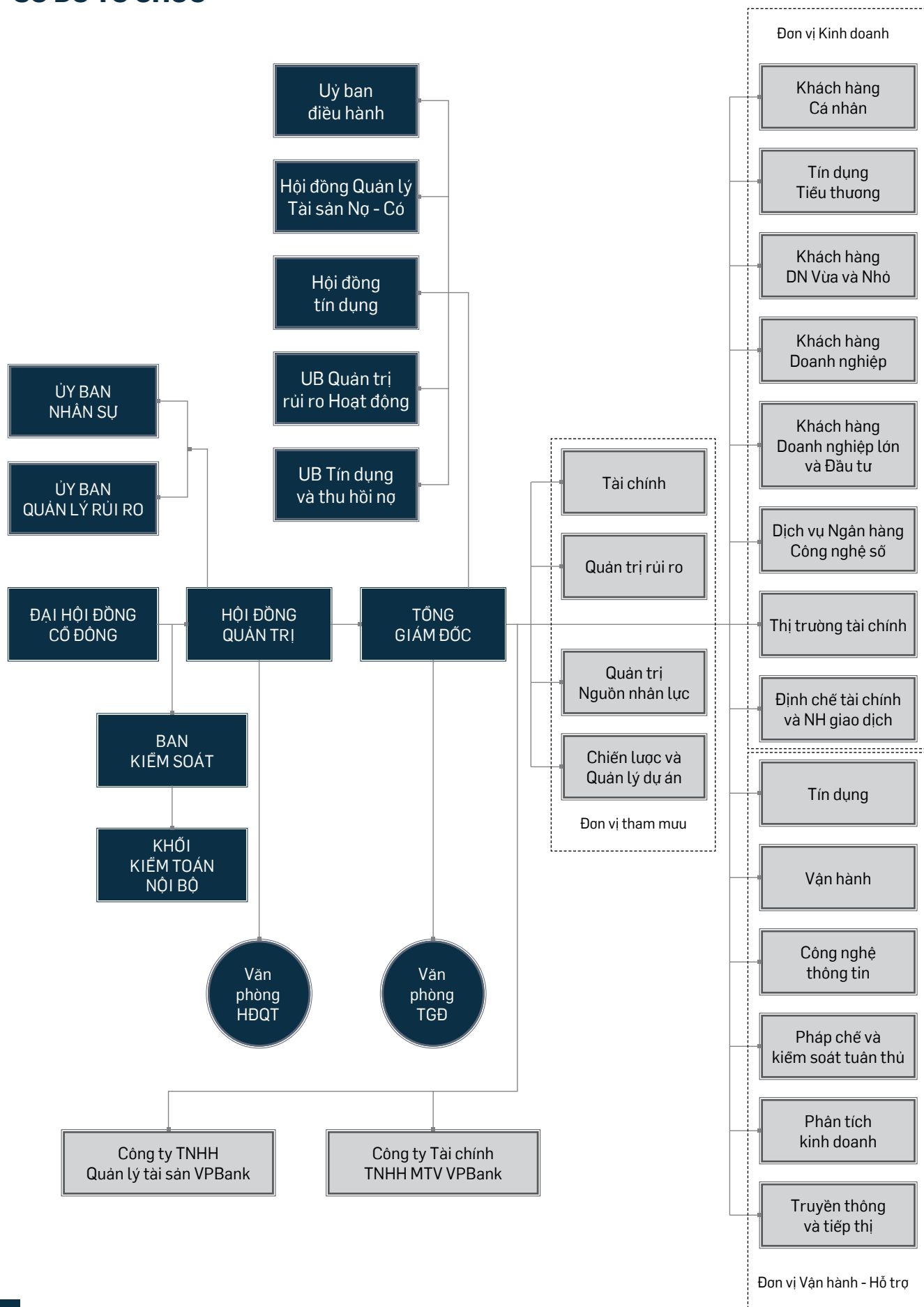
NGÂN HÀNG CÓ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM 2016

Giải thưởng do Tạp chí Global Banking & Finance Review trao tặng

Xác định chất lượng dịch vụ là yếu tố quyết định đến sức cạnh tranh trên thị trường, VPBank đã triển khai đồng bộ hàng loạt các chương trình nâng tầm chất lượng dịch vụ, trong đó đặt trọng tâm vào đội ngũ cung cấp dịch vụ tại chi nhánh. Giải thưởng là sự ghi nhận và thành công bước đầu của VPBank trong hành trình hướng đến một dịch vụ hoàn hảo vượt sự kỳ vọng của khách hàng.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1



2



3

1. Ông NGÔ CHÍ DŨNG Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tốt nghiệp Đại học Thăm dò địa chất Moscow năm 1992, năm 2002 ông Ngô Chí Dũng bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ Kinh tế của Viện Nghiên cứu Chiến lược Chính trị Kinh tế thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga. Từ năm 1996 đến 2004, ông là cố đồng sáng lập và được bầu làm thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB). Từ năm 2005 đến 2010, ông Ngô Chí Dũng giữ cương vị Chủ tịch HĐQT của tập đoàn KBG (Liên bang Nga), Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Ông tham gia HĐQT VPBank từ tháng 4/2010 và được bầu làm Chủ tịch HĐQT VPBank cho đến nay. Bên cạnh đó, ông còn là Chủ tịch Ủy ban Nhân sự, Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro và là thành viên biểu quyết của một số Hội đồng như Hội đồng Tín dụng, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank.

2. Ông BÙI HẢI QUÂN Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Hải Quân tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Kiev (Ukraine) chuyên ngành Kinh tế. Ông hiện nay là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải, thành viên HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Việt Hải. Từ tháng 4/2006, ông tham gia HĐQT VPBank và được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 12/2008. Ngoài ra, hiện nay ông cũng là Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro, thành viên của Ủy ban Nhân sự. Ông Quân cũng là thành viên của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank và Hội đồng Tín dụng cấp cao.

3. Ông LÔ BẰNG GIANG Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lô Bằng Giang tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế của trường Đại học Tổng hợp Hàng không Quốc gia Kiev (Ukraine) năm 2002. Ông hoàn thành học vị Cử nhân Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế, Thống kê và Thông tin Moscow (MESI) (Liên bang Nga) vào năm 2010. Ông Lô Bằng Giang đã từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng BKS của Delta Bank (Ukraine) và tham gia làm thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản Hùng Vương từ năm 2008 đến nay. Ông Lô Bằng Giang là Phó Chủ tịch HĐQT VPBank từ tháng 3/2010 đến nay. Từ tháng 4/2014, Ông Giang cũng được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Tài chính VPBank. Bên cạnh đó, ông Giang cũng là thành viên của Ủy ban Nhân sự, Ủy Ban Quản lý Rủi ro, và tham gia vào các Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank, Hội đồng Tín dụng của Ngân hàng.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



4

4. Ông NGUYỄN VĂN HẢO
Thành viên độc lập HĐQT

Ông Nguyễn Văn Hào tốt nghiệp thạc sĩ ngôn ngữ của trường Sư phạm ngoại ngữ Pyatygorsk (Liên Bang Nga) năm 1980, tốt nghiệp cử nhân kinh tế trường đại học Ngoại thương (Việt Nam) năm 1987. Trước khi đảm nhận chức vụ tại VPBank tháng 4/2015, Ông Hào đã có nhiều năm kinh nghiệm tại các vị trí quản lý như: Giám đốc điều hành Japan Airlines tại Việt Nam từ tháng 9/1994 đến tháng 8/2005; Phó Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam từ tháng 9/2005 đến tháng 8/2008; Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Prudential Việt Nam từ tháng 10/2008 đến 10/2010; Cố vấn tài chính tiêu dùng Tập đoàn Prudential UK từ tháng 10/2010 đến tháng 8/2013. Từ tháng 4 năm 2015 ông được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT VPBank, ông cũng đồng thời là thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro.



5

5. Ông LUONG PHAN SON
Thành viên HĐQT

Ông Lương Phan Sơn tốt nghiệp cử nhân Cơ khí của trường Đại học Bách Khoa Lvov (Liên Xô cũ). Từ năm 1988 đến năm 1993, ông công tác tại công ty Bechka, thành phố Lvov. Sau đó, ông về Việt Nam và đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Tân Hoàng Minh từ năm 1994 đến năm 1997. Từ năm 1998 đến nay, ông là Phó Giám đốc kiêm Trưởng đại diện Công ty INVESTLINK tại Liên bang Nga. Ông Lương Phan Sơn là thành viên HĐQT của VPBank từ tháng 4/2012 đến tháng 10/2012 và từ tháng 4/2013 đến nay.



6

6. Ông NGUYỄN ĐỨC VINH
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Vinh tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Pháp và Hoa Kỳ. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Hàng không Quốc gia Vietnam Airlines trước khi tham gia HĐQT và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với các vị trí như: Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 7/2012 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh là Tổng Giám đốc VPBank. Từ tháng 4/2013, ông Nguyễn Đức Vinh được bầu làm thành viên HĐQT VPBank.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



1

1. Bà NGUYỄN QUỲNH ANH
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Quỳnh Anh tốt nghiệp Đại học Sư phạm Tổng hợp Lê-nin, Moscow năm 1994 với hai chuyên ngành tiếng Nga và Văn học. Bà là Thạc sĩ Khoa học Giáo dục và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Quản lý Cao cấp Liên bang Nga. Bà từng là Phó Tổng Biên tập Báo “Nhân Hòa” - tờ báo của Ủy ban Báo chí Nga - từ năm 1995 đến 2003. Sau đó, bà đảm nhiệm vị trí Kế toán, Trưởng phòng Cung ứng vật tư, Giám đốc Tài chính của Tập đoàn BeePack (Liên bang Nga) từ năm 2003 đến 2008. Bà giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Liên Minh từ năm 2009 đến tháng 2/2010, là thành viên BKS Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) từ năm 2008 đến tháng 3/2010 và Công ty Chứng khoán Euro Capital từ năm 2009 đến tháng 6/2010. Từ tháng 3/2010 đến nay, bà được bầu là Trưởng Ban Kiểm soát của VPBank, đồng thời cũng là thành viên chuyên trách của Ngân hàng.



2

2. Bà NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY
Thành viên chuyên trách BKS

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy tốt nghiệp Cử nhân Kế toán trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 1994 và hoàn thành khóa học Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại trường Đại học Paris Dauphine & ESCP (Pháp). Bà từng là Phó Phòng Nguồn vốn tổng hợp Ngân hàng Châu Á Thái Bình Dương và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Habubank. Từ tháng 6/2010 đến tháng 12/2013, bà Nguyễn Thị Bích Thủy là Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Khởi Nguồn vốn và Đầu tư. Tháng 4/2014, Đại hội đồng Cổ đông VPBank đã nhất trí bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Bích Thủy làm thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.



3

3. Bà NGUYỄN THỊ MAI TRINH
Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mai Trinh tốt nghiệp Cử nhân khoa Kinh tế trường Đại học Tổng hợp Địa chất Moscow, Cử nhân Luật Sở hữu Trí tuệ trường Đại học Luật Sở hữu Trí tuệ Liên bang Nga và là Tiến sĩ Khoa học Kinh tế của Học viện Thăm dò Địa chất Quốc gia Moscow (Liên bang Nga). Bà từng trải qua nhiều vị trí công tác ở Moscow như Kế toán tại Công ty Doninanta Service từ năm 1995 đến tháng 9/1998 và tại Công ty King Lion từ tháng 10/1998 đến tháng 12/2002, Giám đốc Tài chính Công ty Beepack từ tháng 8/2004 đến tháng 10/2008, chuyên viên kế toán tài chính tại Moscow của Công ty Interlogo Business Corp - BVI chuyên về đầu tư tài chính quốc tế - từ tháng 8/2005 đến tháng 12/2011. Bà giữ chức vụ Giám đốc Tài chính Tập đoàn KBG từ tháng 10/2008 đến tháng 12/2011. Từ tháng 3/2012 đến nay, bà Nguyễn Thị Mai Trinh là thành viên Ban Kiểm soát tại VPBank.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



1. Ông NGUYỄN ĐỨC VINH Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Vinh tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Pháp và Hoa Kỳ. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Hãng Hàng không Quốc gia Vietnam Airlines trước khi tham gia HĐQT và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với các vị trí như: Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 7/2012 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh là Tổng Giám đốc VPBank. Từ tháng 4/2013, ông Nguyễn Đức Vinh được bầu làm thành viên HĐQT VPBank.

2. Bà LUU THỊ THẢO Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tài chính

Bà Lưu Thị Thảo tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán Học viện Ngân hàng và là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (The ACCA UK) từ năm 2002. Bà từng làm việc tại Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam, Công ty TNHH KPMG Việt Nam trước khi đảm nhiệm các vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ và Tuần thủ chi nhánh ngân hàng ABN AMRO Việt Nam, Giám đốc Tài chính Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam. Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính của VPBank từ tháng 8/2011.

3. Ông RAJEEV DE ROY Giám đốc Khối Vận hành

Ông Rajeev De Roy tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế học tại Trường đại học Delhi, Ấn Độ năm 1977. Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành ngân hàng. Ông từng giữ các vị trí chủ chốt tại Ngân hàng thương mại Qatar, Ngân hàng American Express (Ấn Độ), Mashreqbank (Dubai) và Ngân hàng Nhà nước Ấn Độ. Gần đây nhất, ông giữ vị trí Giám đốc Vận hành (COO) của Ngân hàng Techcombank. Từ tháng 11/2014 đến nay, ông đảm nhiệm cương vị Giám đốc Khối Vận hành VPBank.

4. Ông DMYTRO KOLECHKO Giám đốc Khối Quản trị rủi ro

Ông Dmytro Kolehko sở hữu bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc gia Kiev, Ukraine. Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó ông đã giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao trong hơn 10 năm như: Giám đốc Quản trị Rủi ro của Ngân hàng Raiffeisenbank Ukraine, Giám đốc Quản trị Rủi ro của Ngân hàng Alfabank Ukraine, Phó Giám đốc Quản trị Rủi ro của ngân hàng Raiffesen bank Aval... Trước khi gia nhập VPBank, ông là Giám đốc Quản trị Rủi ro toàn quốc của ngân hàng Hypo-Alpe-Adria tại Bosnia Herzegovina. Ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro tại VPBank kể từ tháng 1/2015.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



5. Ông IGOR MUSHAKOV Giám đốc Khối Công nghệ thông tin

Ông Igor Mushakov mang quốc tịch Nga, là cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật, Kinh tế, Quản lý và Lãnh đạo và Quản trị Kinh doanh cấp cao, có kiến thức sâu rộng về định hướng chiến lược, phát triển nền tảng và quản lý, nâng cao các quy trình, dự án công nghệ thông tin với 18 năm hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn tại các tổ chức nước ngoài. Ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng như Giám đốc Công Nghệ Thông Tin (CIO) - thành viên Ban Điều hành của tập đoàn Bán lẻ thực phẩm lớn thứ hai tại Nga X5, Giám đốc Khối CNTT - Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Uralsib tại Nga, dẫn dắt phòng Sáng tạo và Phát triển CNTT tại Sberbank – Ngân hàng quốc doanh hàng đầu của Nga, Chuyên gia tư vấn kinh doanh thuộc tập đoàn IBM ở khu vực Đông Âu và Châu Phi – chi nhánh Nga, cùng các vị trí quản lý khác tại Alfabank – Ngân hàng tư nhân lớn thứ 2 ở Nga. Ông Igor Mushakov gia nhập VPBank từ tháng 1/2016 ở vị trí Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin.

7. Ông SANDEEP MADHAV DEOBHAKTA Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân

Tốt nghiệp bằng Cử nhân tại Ấn Độ và có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Sloan School of Management, MIT (Hoa Kỳ), ông Sandeep đã có 25 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, chủ yếu trong các mảng khách hàng cá nhân và quản lý tài sản (Wealth Management) tại các ngân hàng lớn như Citibank, Shinsei và Standard Bank tại Châu Á, Châu Phi và Trung Đông. Từ tháng 05/2015, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân tại VPBank.

6. Ông FUNG KAI JIN Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế tại Học viện Royal Melbourne Institute of Technology và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Curtin (Australia), ông Fung Kai Jin có kinh nghiệm làm việc lâu năm trong lĩnh vực ngân hàng tại Châu Á. Ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch điều hành kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Thương mại trong 6 năm tại Ngân hàng Alliance (Malaysia). Trước đó, ông Fung Kai Jin đã trải qua những vị trí quản lý cao cấp khác như Giám đốc Thanh toán Quốc tế, Giám đốc Khách hàng Doanh nghiệp và Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ tại Ngân hàng Standard Chartered ở Malaysia. Ông gia nhập VPBank từ tháng 04/2013 với cương vị là Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ. Tháng 10/2014, ông được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ.

8. Ông KIRAN BABU KOSARAJU Giám đốc Khối Tín dụng Tiểu thương

Với hơn 25 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực khác nhau và hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính, ông Kiran đã trải qua các vị trí quản lý cao cấp về Kinh doanh, Tiếp thị, Quản trị Kinh doanh cho các doanh nghiệp, SME và khách hàng cá nhân. Trước khi gia nhập VPBank, ông Kiran từng đảm nhiệm các vị trí như Giám đốc Vùng SME Citibank Ấn Độ, Điều hành cấp cao và Đồng sáng lập Fullerton India - công ty do Temasek đầu tư, nơi ông đã mang lại thành công to lớn trong việc thiết lập và thực hiện các chương trình khởi xướng trong thị trường đại chúng tín dụng trên khắp Ấn Độ. Gần đây nhất, ông nắm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Firstsource Solutions Ltd. tại Philippines - Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ về quản lý quy trình kinh doanh toàn cầu. Ông Kiran chính thức được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Tín dụng Tiểu thương của VPBank vào tháng 7 năm 2015.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



9. Bà DUONG THỊ THU THỦY

Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư

Bà Dương Thị Thu Thủy tốt nghiệp Cử nhân trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng, Cử nhân Tài chính Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân tiếng Anh trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội và Thạc sĩ Điều hành cao cấp trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Từ năm 2002, bà gia nhập VPBank và trải qua nhiều cương vị lãnh đạo như: Trưởng phòng Phục vụ Khách hàng Doanh nghiệp Hội sở, Giám đốc VPBank Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Sở Giao dịch, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối. Từ tháng 5/2014 đến 10/2015, bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý Đầu tư và Dự án. Kể từ tháng 11/2015, bà Dương Thị Thu Thủy là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư sau khi Khối Quản lý Đầu tư và Dự án đã sáp nhập với Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và đổi tên thành Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư.

11. Ông ĐÌNH VĂN NHO

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Ông Đình Văn Nho tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế ngoại thương – Đại học Ngoại thương Hà Nội, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Benedictine, Hoa Kỳ. Ông Đình Văn Nho từng đảm nhiệm các vị trí quản lý tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) như: Giám đốc/Phó giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khu vực, Giám đốc Vùng, Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp Middle Market miền Bắc. Bắt đầu công tác tại VPBank từ năm 2013, ông Đình Văn Nho đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Trung tâm khách hàng Doanh nghiệp miền Bắc, Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp kiêm Giám đốc Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp phía Bắc. Từ tháng 1/2017, ông Đình Văn Nho được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp.

10. Ông PHẠM PHÚ KHÔI

Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Khối Thị trường Tài chính

Ông Phạm Phú Khôi tốt nghiệp trường Wharton, Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ với bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, và trường Đại học Hàng không Dân dụng Riga, Latvia (Liên Xô cũ) với bằng Thạc sĩ Kinh tế Hàng không. Ông Khôi cũng đã hoàn tất khóa học International Executive của INSEAD Business School, Fontainebleau, Pháp. Ông từng đảm nhiệm các vị trí Giám đốc khu vực Đông Bắc Á Vietnam Airlines; Giám đốc Đầu tư giao dịch Tín dụng Quốc tế - khu vực Châu Á, Ngân hàng Standard Chartered (Singapore); Giám đốc Ngân hàng Đầu tư khu vực Việt Nam, Ngân hàng America Merrill Lynch (Singapore) và Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS). Kể từ tháng 7/2015, ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối thị trường Tài chính tại VPBank.

12. Ông VÕ TẤN LONG

Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số

Ông Võ Tấn Long tốt nghiệp chuyên ngành Vật liệu và Thiết bị vi điện tử tại trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật điện St. Petersburg (Liên bang Nga) với bằng Kỹ sư điện tử (năm 1992) và bằng Tiến sĩ Toán - Vật lý (năm 1995). Với 17 năm kinh nghiệm làm việc tại các vị trí khác nhau như Hỗ trợ kỹ thuật, Quản lý Dự án, cung cấp giải pháp công nghệ thông tin, Quản lý Kinh doanh và Tổng Giám đốc IBM Việt Nam, ông Võ Tấn Long gia nhập VPBank từ tháng 4/2013 ở vị trí Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin. Sau hơn 2 năm trên vai trò lãnh đạo Khối Công nghệ thông tin, ông Võ Tấn Long được HĐQT bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số tháng 1/2016.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



13



14



15



16

13. Bà VÕ HẰNG PHƯƠNG

Giám đốc Trung tâm Định chế Tài chính
và Ngân hàng Giao dịch

Bà Võ Hằng Phương tốt nghiệp Đại học Hà Nội, Đại học Ngoại thương Hà Nội và Thạc sĩ Kinh tế của Đại học Bang New York (Mỹ) theo chương trình Fulbright. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng ở các vị trí lãnh đạo cấp cao tại các bộ phận Định chế tài chính, Kinh doanh ngoại tệ, Tín dụng doanh nghiệp, Phê duyệt tín dụng và Quản trị rủi ro tại các ngân hàng nội địa và nước ngoài như Vietcombank, Standard Chartered Bank, Ngân hàng HSBC, ANZ... Bà gia nhập VPBank từ tháng 6/2014 và hiện giữ cương vị Giám đốc Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch.

14. Ông NGUYỄN THANH BÌNH

Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Tín dụng

Ông Nguyễn Thanh Bình tham gia công tác trong Quân đội Nhân dân Việt Nam từ năm 1985 đến 1988 trước khi lấy bằng Cử nhân Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và hoàn thành khóa đào tạo sau đại học về Chính sách Công thuộc chương trình Fulbright Việt Nam. Gia nhập VPBank từ năm 1994, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo tại Phòng Tín dụng Hội sở, Phòng Nghiên cứu và Phát triển, Phòng Tổng hợp và Quản lý Chi nhánh... trước khi được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc VPBank năm 2002. Hiện nay, ông là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng.

15. Ông PHAN NGỌC HÒA

Phó Tổng giám đốc,
Trưởng Văn phòng đại diện phía Nam

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Tài chính trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1994, ông Phan Ngọc Hòa gia nhập VPBank. Ông từng đảm nhiệm các cương vị quản lý cấp cao tại VPBank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và VPBank Chi nhánh Sài Gòn, Phó TGD VPBank, Phó TGD kiêm Phó Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối, Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp. Hiện nay, ông đang giữ chức Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Văn phòng đại diện miền Nam.

16. Ông NGUYỄN THÀNH LONG

Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ

Thạc sĩ Luật học Nguyễn Thành Long có 19 năm kinh nghiệm pháp luật ngân hàng, công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó có 7 năm giữ cương vị Phó Vụ trưởng Vụ pháp chế, Ngân hàng Nhà nước. Từ năm 2007, ông Nguyễn Thành Long đã chuyển sang phụ trách mảng pháp chế và tuân thủ với vị trí là Phó tổng giám đốc của một ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam. Hiện ông Nguyễn Thành Long là Phó Tổng giám đốc VPBank, Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



17



18



19



20

17. Bà HUỲNH THỊ NGỌC TRÚC

Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

Bà Huỳnh Thị Ngọc Trúc tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Nhân lực tại Học viện Công nghệ Châu Á. Bà từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nhân sự tại các công ty đa quốc gia lớn. Trước khi gia nhập VPBank, Bà làm việc tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với cương vị Giám đốc Nhân sự và Giám đốc quản lý dự án chiến lược. Bà giữ chức danh Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực của VPBank từ tháng 9/2014.

18. Ông LÊ HOÀNG LÂN

Chánh văn phòng Hội đồng quản trị,
Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý Dự án

Ông Lê Hoàng Lân tốt nghiệp Học viện Ngân hàng năm 1994. Ông có gần 10 năm làm việc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý chương trình, dự án ODA và hợp tác quốc tế. Trong thời gian làm việc tại Ngân hàng Nhà nước, ông đã tốt nghiệp Thạc sỹ Chính sách Công tại Học viện Nghiên cứu Chính sách Công Nhật Bản (GRIPS). Từ năm 2004, ông là chuyên gia tư vấn cho Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) trong lĩnh vực đào tạo chính sách công. Ông gia nhập VPBank từ tháng 11/2010 và hiện giữ chức danh Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý Dự án. Từ tháng 8/2016, ông Lân được bổ nhiệm làm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị VPBank.

19. Ông TRẦN TUẤN VIỆT

Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Ngoại thương Hà Nội và Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội, ông Trần Tuấn Việt có hơn 20 năm kinh nghiệm về thương mại, marketing, truyền thông và quảng cáo. Ông từng đảm nhiệm các vị trí Giám đốc Phát triển Kinh doanh, Giám đốc Thương mại Bán lẻ tại các tập đoàn đa ngành như Tập đoàn FPT, Tập đoàn Ocean; Giám đốc Điều hành và Giám đốc Vận hành của các công ty truyền thông như FPT Media, Santa Vietnam và Ancom Communication. Ông Trần Tuấn Việt gia nhập VPBank vào tháng 7/2013 và hiện đảm nhiệm vị trí Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị.

20. Ông VIVEK BHANOT

Giám đốc Trung tâm Phân tích Kinh doanh

Ông Vivek Bhanot có bằng Cử nhân Kỹ sư dân dụng của Học viện Kỹ thuật và Công nghệ Thapar (nay là Đại học Thapar), Ấn Độ và bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Hồng Kông. Ông từng là Kỹ sư thiết kế cấu trúc tại Công ty Punj Lloyd Limited (Ấn Độ) trong 3 năm. Từ năm 2009, ông Vivek Bhanot làm việc trong ngành ngân hàng tại Việt Nam ở nhiều cương vị, hỗ trợ ra quyết định chuyên sâu cho các lãnh đạo cấp cao và các đơn vị kinh doanh. Sau 3,5 năm làm việc ở Techcombank, ông Vivek Bhanot gia nhập VPBank từ tháng 01/2013 và hiện là Giám đốc Trung tâm Phân tích Kinh doanh.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VPBank. ĐHĐCĐ đưa ra ý kiến và quyết định tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường và bằng cách biểu quyết bằng văn bản. Tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên tổ chức ít nhất 1 lần/năm, cổ đông VPBank sẽ trực tiếp trao đổi, thảo luận các vấn đề quan trọng với các thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành để đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động của Ngân hàng và định hướng hoạt động cho năm tài chính tiếp theo.

Tại thời điểm 31/12/2016, Ngân hàng có 3.518 cổ đông, trong đó 98% là cổ đông cá nhân và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông cá nhân là 41,22% và cổ đông pháp nhân là 58,78%.

Các quyền, nghĩa vụ và cơ chế hoạt động của cổ đông được quy định cụ thể tại Điều lệ Ngân hàng. Bản điều lệ này được đăng tải trên website của Ngân hàng để tất cả các cổ đông và nhà đầu tư có thể tra cứu.

Các hoạt động liên quan đến quan hệ cổ đông và công bố thông tin cho cổ đông được quản lý bởi Văn phòng HĐQT. Các ý kiến đóng góp của cổ đông được Văn phòng HĐQT tiếp nhận và xử lý hoặc chuyển cho người có thẩm quyền xử lý theo quy định. Từ nhiều năm nay, Ngân hàng cũng đã thuê Công ty Chứng khoán VPBank (VPBS) thực hiện dịch vụ quản lý cổ đông cho Ngân hàng. Theo đó, các dịch vụ cung cấp thông tin, xác nhận số cổ phần của từng cổ đông, các dịch vụ xác nhận chuyển nhượng cổ phần và thông báo các thông tin quan trọng tới cổ đông... được thực hiện qua VPBS.

Năm 2016, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên đã được tổ chức vào ngày 28/03/2016. Tại phiên họp này, ĐHĐCĐ đã thông qua các báo cáo của HĐQT, BKS, TGD; thông qua các phương án phân phối lợi nhuận, phương án tăng vốn và các nội dung khác theo thẩm quyền.

Ngoài việc định kỳ hàng năm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, các cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường và việc biểu quyết thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh của Ngân hàng được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Các tài liệu trước khi tổ chức họp/xin ý kiến bằng văn bản được đăng tải trên website của Ngân hàng. Các cổ đông không nhận được thư mời/thư xin ý kiến vẫn có thể tra cứu và in các tài liệu để biểu quyết. Thời gian để xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thường từ 10-30 ngày, phù hợp với nội dung công việc và đủ để cổ đông có thể nghiên cứu và gửi lại ý kiến của mình. Việc kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện dưới sự chứng kiến của thành viên Ban Kiểm soát và/hoặc Thành viên HĐQT độc lập và Biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của Ngân hàng trong vòng 24 giờ sau khi lập.

Cuối năm 2016, VPBank đã thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc đăng ký và niêm yết cổ phiếu của VPBank. Theo đó, ĐHĐCĐ đã thống nhất việc đăng ký cổ phiếu VPBank tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và chấp thuận việc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom hoặc niêm yết cổ phiếu trên các Sở giao dịch chứng khoán.

Đầu năm 2017, HĐQT cũng thực hiện xin ý kiến ĐHĐCĐ khóa/chốt tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài ở mức tối đa 20% vốn điều lệ của VPBank để tạo cơ hội thu hút nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, và gửi công văn xin ý kiến về việc bầu thay thế/thủ tục đề cử ứng cử vào Ban Kiểm soát do có 02 thành viên Ban Kiểm soát xin từ nhiệm vì lý do cá nhân.

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1 CƠ CẤU CỦA HĐQT

Các thành viên HĐQT VPBank bao gồm:

- Ông Ngô Chí Dũng: Chủ tịch HĐQT
- Ông Bùi Hải Quân: Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Lô Bằng Giang: Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Lương Phan Sơn: Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Đức Vinh: Thành viên HĐQT (kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng)
- Ông Nguyễn Văn Hào: Thành viên độc lập HĐQT.

Nhiệm kỳ hiện tại của HĐQT VPBank bắt đầu từ năm 2015 và sẽ kết thúc vào năm 2020. Cơ cấu của HĐQT hiện tại bao gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch, 01 thành viên độc lập, 01 thành viên điều hành và 01 thành viên thông thường. Số lượng thành viên và cơ cấu HĐQT như hiện nay đáp ứng đủ theo yêu cầu của pháp luật và phù hợp với quy mô của Ngân hàng. Các thành viên HĐQT VPBank đáp ứng đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và VPBank. Các thành viên HĐQT hiện tại là những người có thể mạnh về kinh nghiệm quản lý điều hành các lĩnh vực kinh doanh và lĩnh vực ngân hàng, hiểu biết sâu sắc về các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

2.2 CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2016

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 4 phiên họp HĐQT định kỳ mỗi quý và thông qua các đề xuất theo thẩm quyền khác từ Ban Điều hành bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Các nghị quyết chính của HĐQT trong năm 2016 như sau:

- Thông qua các kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh năm 2016 và các dự án trọng điểm của cả Ngân hàng cũng như của từng Khối;
- Thông qua các báo cáo, tài liệu trình ĐHĐCĐ phê duyệt trong phiên đại hội thường niên tháng 3/2016;
- Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Ngân hàng và các Công ty con cho năm tài chính 2016 là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Thông qua các đề xuất của Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự như: thành lập/điều chỉnh cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số, Trung tâm Truyền thông và tiếp thị... Năm 2016, HĐQT cũng đã thống nhất triển khai việc mở thêm 01 chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, 03 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, 01 chi nhánh tại tỉnh Đắk Lắk, 01 chi nhánh tại tỉnh Tiền Giang;
- Thông qua các báo cáo định kỳ của Ban Điều hành và các định hướng, chủ trương hoạt động của Ngân hàng theo tháng/quý/bán niên. Theo đó, theo sát diễn biến tình hình hoạt động của năm 2016, VPBank đã điều chỉnh từ mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ của giai đoạn trước sang cơ cấu, điều chỉnh lại danh mục và phân khúc khách hàng tập trung;
- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ: Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ; chuyển trụ sở chính của Ngân hàng, thực hiện việc sửa đổi/bổ sung/chuyển đổi một số nội dung trong giấy phép hoạt động của Ngân hàng cho phù hợp với các quy định của pháp luật và nhu cầu của Ngân hàng như các Giấy phép liên quan đến hoạt động ngân hàng cơ bản theo quy định tại Thông tư số 08/2015/TT-NHNN ngày 30/6/2015 của Ngân hàng Nhà nước; giấy phép về ngoại hối cơ bản, cấp mới nghiệp vụ phái sinh lãi suất theo quy định tại Thông tư Thông tư số 28/2016/TT-NHNN và Thông tư 21/2014/TT-NHNN của NHNN;
- Thống nhất điều chỉnh/ban hành mới các quy định, chính sách nghiệp vụ theo đề xuất, bao gồm: Quy chế bảo mật an toàn công nghệ thông tin, Quy định về mua bán nợ, Cơ chế phán quyết nhân sự, Quy định về một số chính sách ưu đãi đối với cán bộ nhân viên...
- Thống nhất các đề xuất về mua/bán tài sản, các đề xuất phê duyệt tín dụng, đầu tư, cấp ngân sách hoạt động cho các dự án/đơn vị... vượt hạn mức của các Hội đồng, Ủy ban chuyên môn của Ngân hàng.

HĐQT cũng tổ chức, triển khai các cuộc họp cấp cao với toàn bộ Ban Điều hành để thảo luận và truyền thông về các định hướng hoạt động, định hướng kinh doanh cũng như rà soát, điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với thực tế của thị trường và nội bộ Ngân hàng.

Bên cạnh việc định hướng hoạt động cho Ban Điều hành, HĐQT cũng thực hiện việc giám sát các hoạt động của TGD/ Ban Điều hành thông qua các kênh/chốt quản lý, kiểm soát như:

- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Ban Điều hành.
- Giám sát hoạt động của Ngân hàng qua các báo cáo hoạt động kinh doanh hàng ngày, tuần, tháng, quý và các báo cáo/đề xuất phát sinh khác từ Ban Điều hành.
- Giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ các báo cáo của Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị của Ngân hàng, hoặc các báo cáo theo chuyên đề của Kiểm toán nội bộ.
- HĐQT cũng giám sát TGD thông qua việc tham gia giám sát hoạt động của các hội đồng, ủy ban chuyên môn của HĐQT và Ban điều hành đối với từng mảng hoạt động chuyên môn (quản lý tài sản nợ có, tín dụng, đầu tư, rủi ro, nhân sự...).

3. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỘI ĐỒNG, ỦY BAN TRỰC THUỘC

3.1 ỦY BAN NHÂN SỰ

Ủy ban Nhân sự (UBNS) có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT và BKS; tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT, BKS, người điều hành của VPBank; tham mưu, đề xuất mức lương thưởng và các lợi ích khác của các thành viên HĐQT, BKS, TGD; xem xét kế hoạch ngân sách hàng năm chi cho nhân viên và trình HĐQT phê duyệt; tư vấn cho HĐQT và quyết định theo thẩm quyền đối với các nhân sự cấp cao của Ngân hàng, các quyết định về chính sách, chế độ đối với nhân sự, các dự án về đào tạo, chiến lược nhân sự, các quy trình đánh giá nhân sự, tuyển dụng...; quyết định các vấn đề liên quan đến kế hoạch phân chia cổ phiếu dành cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng. UBNS họp định kỳ hàng tháng.

Thành phần của Ủy ban Nhân sự bao gồm:

1	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch	Thành viên
3	Ông Lò Bằng Giang	Phó Chủ tịch	Thành viên

Năm 2016, thông qua 12 cuộc họp, UBNS đã xem xét và có các chỉ đạo kịp thời hàng tháng về các chỉ số nhân sự và hoạt động của khối Quản trị Nguồn nhân lực (QTNL) và các công ty thành viên. Theo đó, UBNS đã thực hiện việc quản trị và giám sát sát sao các hoạt động liên quan đến nhân sự của Ngân hàng, bao gồm tất cả các hoạt động về cơ cấu tổ chức, cơ chế đánh giá, chế độ lương thưởng, quy trình vận hành...

- Năm 2016, UBNS đã trực tiếp xem xét phê duyệt việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chỉnh lương cho hơn 1.000 vị trí quản lý.
- Thực hiện việc đánh giá hiệu quả làm việc giữa năm 2016 của các vị trí chủ chốt như Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm trực thuộc TGD và Giám đốc Công ty con, đồng thời đánh giá tình hình hiệu suất công việc toàn Ngân hàng, từ đó triển khai các giải pháp tương ứng; thực hiện việc điều chỉnh định biên nhân sự cho 6 tháng cuối năm 2016 và phê duyệt phương án xử lý đối với các CBNV đang có những chênh lệch về thang, bậc công việc so với thực tế và các tiêu chuẩn của Ngân hàng, phê duyệt phương án xử lý đối với các CBNV được đánh giá hiệu quả làm việc giữa kỳ ở mức “cần cố gắng” và “không hoàn thành”.
- UBNS cũng đã phê duyệt định biên và ngân sách nhân sự, các chương trình hành động 2016 về nhân sự của toàn Ngân hàng và của Khối QTNL; Phê duyệt quỹ lương kinh doanh 2015, 2016 và phương án phân bổ cho CBNV. Các phiên họp cuối năm 2016, UBNS cũng đã thông qua các đề xuất về ngân sách và định biên nhân sự 2017, đồng thời phê duyệt KPI 2017 cho các Giám đốc Khối và Giám đốc Trung tâm báo cáo trực tiếp TGD.
- Thông qua các phiên họp trong năm, UBNS đã phê duyệt danh sách các đề xuất từ đơn vị chuyên môn như: Danh sách các vị trí chủ chốt toàn Ngân hàng, nội dung liên quan đến người kế nhiệm cho các vị trí lãnh đạo cao cấp nhằm đảm bảo tính xuyên suốt trong việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trong tình hình thị trường hiếm nguồn lực có chất lượng với chi phí hợp lý; đồng thời phê duyệt nguyên tắc triển khai việc quản trị nhân tài ở một số Khối. UBNS cũng đã phê duyệt một số chính sách mới áp dụng cho việc thu hút và giữ chân người lao động như: Quy chế nhà công vụ dành cho các Giám đốc Khối và Giám đốc Trung tâm báo cáo trực tiếp TGD; điều chỉnh chính sách đánh giá hiệu quả làm việc tại VPBank; Hệ thống bậc công việc với các vị trí lãnh đạo cấp cao của VPBank trên cơ sở kết quả đánh giá của đối tác tư vấn nước ngoài và cho ý kiến chỉ đạo định hướng về việc triển khai áp dụng; Chiến lược tạo nguồn nhân lực theo đề xuất của Khối QTNL.
- UBNS đã tư vấn cho HĐQT trong việc: phê duyệt điều chỉnh mô hình tổ chức hoạt động của Khối Tài chính, Kênh thay thế thuộc Khối KHCN, Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị, Khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số, Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (SME), Khối Thị trường Tài chính; điều chỉnh mô hình tổ chức và ma trận phê duyệt hoạt động nhân sự của Công ty Quản lý tài sản VPBank; thử nghiệm mô hình vận hành mới của Khối Tín dụng Tiểu thương; Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc, Quy chế xử lý vi phạm...
- UBNS cũng thường xuyên thực hiện việc rà soát, đánh giá lại các dự án có liên quan và các Quy định có ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhân sự 2016 như: Đánh giá dự án Văn hóa Doanh nghiệp giai đoạn 1 và đưa ra định hướng cho giai đoạn 2; Đánh giá tiến độ triển khai dự án “Phát triển nền tảng Hệ thống QTNS hiệu quả”; đánh giá và tổng

nhất điều chỉnh cách thức triển khai đánh giá 360° đối với các Giám đốc Khối và Giám đốc Trung tâm báo cáo trực tiếp TGD; Phân tích tình hình lương và chế độ đãi ngộ của VPBank so sánh với thị trường, thực hiện rà soát lương toàn Ngân hàng 2016, Quy trình tuyển dụng tại VPBank; rà soát và đưa ra các chỉ đạo và định hướng cho việc kiểm nhiệm thêm chức danh quản lý của các CBNV Ngân hàng... để có các giải pháp phù hợp cho từng nội dung nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát các rủi ro có thể phát sinh.

3.2 ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Ủy ban Quản lý Rủi ro (UBQLRR) có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, quy trình, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng. UBQLRR cũng có nhiệm vụ phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của VPBank trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro và đề xuất những biện pháp phòng ngừa; phân tích quyết định mức độ rủi ro chung của Ngân hàng, thiết lập khẩu vị rủi ro và mức chịu đựng rủi ro của các mảng nghiệp vụ cũng như tổng thể hoạt động của Ngân hàng, đồng thời giám sát việc thực thi chính sách này trong Ngân hàng. UBQLRR chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của Ngân hàng để phù hợp với các yêu cầu về quản trị rủi ro của các cơ quan quản lý; phổ biến kiến thức và văn hóa quản lý rủi ro trong toàn bộ hệ thống Ngân hàng... UBQLRR tổ chức họp định kỳ 1-2 lần/quý hoặc khi có vấn đề phát sinh thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Ủy ban cần phải xem xét.

Thành phần của UBQLRR bao gồm:

1	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông Lò Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Ông Nguyễn Văn Hào	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên
5	Ông Lương Phan Sơn	Thành viên HĐQT	Thành viên
6	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Thành viên
7	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	Thành viên
8	Ông Dmytro Kolehko	Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro	Thành viên

Trong năm 2016, UBQLRR đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ theo quý. Các nội dung đã được thảo luận và UBQLRR đã thông qua định hướng chỉ đạo như sau:

- **Chất lượng dữ liệu:** Năm 2016, Ngân hàng đặt ưu tiên cao cho vấn đề khắc phục và quản lý chất lượng dữ liệu, phục vụ cho quá trình phân tích, đánh giá thực trạng kết quả kinh doanh, giá trị tài sản bảo đảm và các rủi ro liên quan. Theo đó, các đơn vị có liên quan đã xây dựng các phương pháp luận và lộ trình cụ thể trong việc cải thiện chất lượng dữ liệu của Ngân hàng, báo cáo UBQLRR định kỳ.
- **Quản lý hạn mức:** Trong năm 2016, từ yêu cầu của UBQLRR, Khối Quản trị Rủi ro (QTRR) đã thực hiện đánh giá lại tất cả các hạn mức trong Ngân hàng, bao gồm hạn mức tín dụng, hạn mức thị trường, hạn mức đối tác, giới hạn ngành... phù hợp với thị trường, yêu cầu từ các tổ chức tài chính quốc tế và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng; song song với việc xây dựng, hoàn thiện chính sách, hệ thống, cơ chế kiểm soát quản trị hạn mức rủi ro, chi tiết hóa quản lý hạn mức rủi ro ở cấp độ sản phẩm, ngành, khối kinh doanh và xây dựng các ngưỡng hạn mức cảnh báo để các đơn vị có liên quan chủ động trong việc quản lý tuân thủ các loại hạn mức này. UBQLRR cũng đã thống nhất hạn mức thanh khoản cho từng loại tiền và kỳ hạn tương ứng; thông qua khung phương pháp luận để tính độ lệch thanh khoản, sử dụng trong việc báo cáo thanh khoản hàng ngày.
- **Quy trình phê duyệt sản phẩm:** Nhấn mạnh tầm quan trọng của bộ quy trình phê duyệt sản phẩm đầy đủ và hoàn thiện cho ngân hàng, Khối QTRR và các bên liên quan được yêu cầu thường xuyên rà soát lại quá trình hoạt động của Hội đồng sản phẩm, theo đó đã xác định rõ các yếu tố rủi ro của từng sản phẩm, chương trình... và trách nhiệm của Khối QTRR cũng như các đơn vị kinh doanh trong quy trình phê duyệt sản phẩm. Việc này nhằm đảm bảo kiểm soát được các vấn đề rủi ro được báo trước một cách chủ động, cũng như phát huy được trách nhiệm, nghĩa vụ cụ thể của từng bên trong quá trình phê duyệt sản phẩm.

- Thu hồi nợ: UBQLRR yêu cầu Trung tâm Thu hồi nợ, Công ty AMC phát triển hệ thống thu nợ có tính chuyên nghiệp cao; Khối QTRR thường xuyên có đánh giá về kết quả thu nợ của từng nhóm để có các đề xuất giải pháp phù hợp.
- Xác định tiếp tục triển khai dự án Basel II, là một trong những chương trình quan trọng để tăng cường quản lý rủi ro hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.
- UBQLRR yêu cầu Khối Tài chính và Khối QTRR xây dựng mô hình định lượng để đánh giá chi phí rủi ro, theo đó chi phí rủi ro sẽ được xác định trong lợi nhuận của sản phẩm và từng khách hàng.
- Thống nhất về nguyên tắc việc thuê công ty tư vấn đánh giá lại các chính sách liên quan và thông qua các phương pháp luận mới nhằm hướng tới các tiêu chuẩn tài chính, quản trị phù hợp với thông lệ quốc tế, triển khai dự án chuyển đổi về các nguyên tắc kế toán và chính sách dự phòng theo chuẩn IFRS trong nội bộ Ngân hàng.
- UBQLRR cũng yêu cầu Khối QTRR và các đơn vị có liên quan thực hiện việc đánh giá rủi ro theo phân khúc và rủi ro tập trung theo nhóm ngành, theo đó cần điều tra các tỷ lệ từ chối đối với một số sản phẩm chủ lực của Ngân hàng để tìm các giải pháp khắc phục, thúc đẩy giải ngân và tăng trưởng khách hàng tốt. Ngoài ra, Khối QTRR và các đơn vị kinh doanh cũng cần thực hiện phân tích rủi ro danh mục cho vay của từng phân khúc khách hàng theo các khối kinh doanh hiện nay (Khách hàng Cá nhân, Tín dụng Tiểu thương, Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ...) để có các chính sách thu hồi nợ phù hợp tương ứng.
- Các yêu cầu liên quan đến đào tạo nhận biết và phòng chống gian lận cho nhân viên kinh doanh cũng được đặt ra để Ngân hàng có thể hạn chế các rủi ro gian lận ngay từ đầu.

3.3 CÁC HỘI ĐỒNG, ỦY BAN TRỰC THUỘC BAN ĐIỀU HÀNH CÓ SỰ THAM GIA CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

3.3.1 Hội đồng Tín dụng

Hội đồng có chức năng xét cấp tín dụng, phê duyệt hạn mức tín dụng cho khách hàng, xem xét tái cấu trúc lại khoản nợ theo đề xuất của các bộ phận chuyên môn; khuyến nghị HĐQT thay đổi chính sách tín dụng cho phù hợp với tình hình thực tế... và các nhiệm vụ khác liên quan đến các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Hiện nay, Hội đồng Tín dụng các cấp của VPBank đã gia tăng tần suất họp, tiến hành tổ chức họp hàng ngày giải quyết kịp thời nhu cầu xét duyệt các khoản tín dụng theo thẩm quyền. Thành phần của Hội đồng Tín dụng có thể bao gồm các thành viên HĐQT, TGD, Giám đốc Khối Tín dụng, Giám đốc Khối QTRR và có thể có chuyên gia phê duyệt cấp cao của Ngân hàng.

Năm 2016, Hội đồng Tín dụng cấp cao đã tổ chức gần 100 cuộc họp, xem xét hơn 1.100 hồ sơ. Trong đó, Hội đồng đã thảo luận và thông qua hơn 1.000 nghị quyết phê duyệt các đề xuất cấp tín dụng, thay đổi điều kiện cấp tín dụng đối với các khoản vay có giá trị lớn trên mức phê duyệt của các Hội đồng Tín dụng khu vực hoặc các khoản vay có ngoại lệ khác biệt so với quy định của VPBank mà các ngoại lệ khác biệt đó được đánh giá là có rủi ro cao cho Ngân hàng. Hội đồng Tín dụng khu vực miền Bắc và miền Nam tổ chức các cuộc họp hàng ngày, xem xét gần 4.000 hồ sơ cấp tín dụng đề xuất, trong đó đã có khoảng 3.000 hồ sơ được phê duyệt.

Trong năm 2016, Hội đồng Tín dụng cũng đã đề xuất, tham vấn HĐQT thông qua việc sửa đổi một số nội dung trong Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Tín dụng và Quy định về phê duyệt tín dụng của VPBank cho phù hợp với tình hình thực tế.

3.3.2 Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có

Hội đồng có chức năng nghiên cứu và đề ra các chiến lược cơ cấu bảng cân đối tài sản, quản lý cấu trúc bảng cân đối tài sản của Ngân hàng nhằm tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro đối với Ngân hàng; xây dựng và giám sát các chỉ tiêu tài chính, tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; quản lý thanh khoản và rủi ro thanh khoản; quản lý rủi ro thị trường đối với các biến động về tỷ giá và lãi suất; chỉ đạo việc xây dựng, phê duyệt và triển khai các chính sách, quy trình và hệ thống định giá điều chuyển vốn nội bộ đảm bảo hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị; quản lý vốn chủ sở hữu đảm bảo sự tăng trưởng bền vững của Ngân hàng.

Trong năm 2016, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) đã tiến hành các cuộc họp định kỳ hàng tháng (tổng số 12 cuộc họp), và các cuộc họp thường trực ALCO hàng tuần và đột xuất khi cần thiết nhằm trao đổi và quyết định các vấn đề về tối ưu hóa bảng cân đối tài sản, các chỉ số hiệu quả và các chỉ số an toàn tài chính căn cứ trên chiến lược phát triển của Ngân hàng, các yếu tố kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế và dựa trên tình hình thực tế của Ngân hàng về cân đối nguồn vốn và sử dụng nguồn.

Trong năm 2016, bảng cân đối tài sản của Ngân hàng đã được cấu trúc lại một cách hiệu quả và an toàn hơn cả về huy động và sử dụng vốn. Tại mỗi thời điểm, ALCO đã có những khuyến nghị, yêu cầu, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn và các khối kinh doanh phối hợp triển khai các nội dung phù hợp với tình hình thị trường, chính sách vĩ mô và những yêu cầu của lãnh đạo Ngân hàng:

- Xây dựng kế hoạch nguồn vốn cụ thể ngay từ đầu năm cho cả năm. Theo đó, VPBank cũng đã thực hiện phát hành thành công hơn 2.000 tỷ trái phiếu để tăng vốn cấp 2 và một số lượng lớn giấy tờ có giá để tăng nguồn vốn trung dài hạn cho Ngân hàng
- Phân tích chi tiết khả năng sinh lời kết hợp với rủi ro của Tài sản có, chi tiết theo khối, sản phẩm, nhóm khách hàng nhằm xác định các phương án phân bổ nguồn vốn hiệu quả, tối ưu hóa bảng cân đối, cải thiện chỉ số an toàn vốn (CAR) của Ngân hàng
- Thực hiện dự báo chi tiết tăng trưởng dư nợ (theo khách hàng, mục đích vay vốn, tài sản đảm bảo...) theo từng khối định kỳ hàng tuần nhằm kiểm soát chặt chẽ tín dụng, cấu trúc lại các khoản tín dụng có mức độ rủi ro cao, ảnh hưởng đến chỉ số an toàn vốn. Tập trung ưu tiên cho vay tại các khối trọng tâm của Ngân hàng là KHCN và SME, rà soát và chọn lọc các khoản vay có hệ số rủi ro thấp, có hiệu quả và mang lại thu nhập cao, thu hồi những khoản cho vay không hiệu quả...
- Giám sát chỉ số Tổng dư nợ/Tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn vốn; thực hiện phân tích các kịch bản khác nhau về thị trường ngoại tệ đến hết năm 2016, từ đó có các đề xuất cụ thể cùng với những giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh và các mục tiêu về trạng thái ngoại tệ, tỷ lệ LDR... và định hướng thúc đẩy/hạn chế các sản phẩm liên quan đến ngoại tệ
- Trong năm 2016 VPBank cũng đã mời công ty tư vấn PWC thực hiện dự án rà soát “Khung quản trị tài sản nợ và có, điều chuyển vốn nội bộ và quản lý vốn” để đánh giá độc lập về mức độ trưởng thành của công tác này của Ngân hàng, đồng thời đưa ra các khuyến nghị để đạt được các chuẩn mực tốt trên thế giới

3.3.3 Ủy ban Điều hành

Ủy ban có chức năng xem xét, đề xuất HĐQT phê duyệt các chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, thực hiện kế hoạch hành động ngắn hạn và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động của các đơn vị; đưa ra các đề xuất thay đổi về cơ cấu tổ chức, kế hoạch ngân sách, kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế trình HĐQT phê duyệt; xem xét và thảo luận đối với các đề xuất triển khai dự án quan trọng của Ngân hàng. Ủy ban Điều hành tiến hành họp định kỳ hàng tháng, có thể có sự tham gia của các thành viên HĐQT, BKS.

Năm 2016, Ủy ban Điều hành đã họp định kỳ 12 phiên trong 12 tháng. Một số nội dung đã thảo luận và thông qua trong các cuộc họp bao gồm:

- Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2015 so với các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, thảo luận những điểm đạt được, chưa hoàn thành và những khó khăn vướng mắc
- Truyền thông những định hướng, chương trình hành động cho năm 2016
- Xác định những trọng tâm của hoạt động kinh doanh cho từng tháng, quý như: đánh giá mức độ tăng trưởng quy mô kinh doanh và đưa ra chỉ đạo điều chỉnh nếu cần thiết, tập trung khai thác sâu khách hàng, triển khai các chương trình bán chéo, xây dựng và triển khai hệ thống cảnh báo sớm rủi ro, thiết lập các hạn mức rủi ro, xây dựng các mô hình đánh giá hiệu quả sinh lời
- Rà soát chiến lược kinh doanh 5 năm; Chỉ đạo 2 khối kinh doanh mới (Tín dụng Tiểu thương và Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số) hoàn thiện cơ cấu tổ chức và thúc đẩy kinh doanh
- Nâng cao kiểm soát và tính tuân thủ trên toàn hệ thống; thúc đẩy công tác tuyển dụng đặc biệt cho các đơn vị kinh doanh; triển khai các chương trình đào tạo, phúc lợi cho các cán bộ quản lý tiềm năng; đẩy mạnh chất lượng dịch vụ khách hàng
- Triển khai và theo dõi tiến độ một số dự án trọng tâm như: ERP, Số hóa ngân hàng, Xây dựng ngân hàng số, Hợp tác với các công ty bảo hiểm, Khai thác mảng khách hàng cao cấp
- Chỉ đạo về điều chỉnh ngân sách giữa năm, xây dựng ngân sách cho 2017; rà soát chương trình hành động 2016 và xây dựng chương trình hành động cho năm 2017; truyền thông định hướng kinh doanh 2017 đã được HĐQT phê duyệt; yêu cầu từng đơn vị xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm của năm 2017

3.3.4 Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động

Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động (UBQTRRHĐ) có chức năng thực hiện quản trị các rủi ro hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tính hiệu quả của việc ban hành và giám sát thực hiện chính sách quản trị rủi ro hoạt động, chỉ đạo phổ biến kiến thức và văn hóa quản trị rủi ro hoạt động trong toàn hệ thống.

Thành phần của UBQTRRHĐ bao gồm thành viên HĐQT, TGD, Giám đốc Khối QTRR, Giám đốc Khối Vận hành, Trưởng BKS, Trưởng Kiểm toán Nội bộ, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ.

Ủy ban đã tiến hành các cuộc họp để thảo luận về các vấn đề rủi ro hoạt động phát sinh trong kỳ, thông qua các nội dung liên quan đến định hướng quản trị rủi ro hoạt động của VPBank trong năm 2016 như sau:

- Yêu cầu các đơn vị có liên quan thu thập, phân tích, thảo luận và thống nhất các giải pháp đối với các vấn đề, sự kiện/tổn thất liên quan đến rủi ro hoạt động và giám sát việc thực hiện các giải pháp đó
- Yêu cầu tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống quản trị rủi ro thông qua việc quản lý các chỉ số rủi ro chính
- Thống nhất tầm quan trọng của đào tạo kiến thức về rủi ro hoạt động trên toàn hệ thống, nâng cao nhận thức về rủi ro hoạt động, yêu cầu Khối QTRR thực hiện các chương trình đào tạo cụ thể cũng như áp dụng các phương pháp, công cụ truyền thông, đào tạo về rủi ro hoạt động mạnh mẽ và quyết liệt hơn, thông qua bản tin trong nội bộ Ngân hàng để liên tục thực hiện truyền thông về rủi ro hoạt động, triển khai ký cam kết tuân thủ rủi ro hoạt động tới toàn thể CBNV VPBank
- Ủy ban cũng yêu cầu các đơn vị có liên quan triển khai, hoàn thiện chương trình đào tạo trực tuyến cho cán bộ quản lý đối với 3 đơn bảo hiểm mà VPBank đã mua là BBB (Bảo hiểm chống hành vi gian lận), D&O (Bảo hiểm trách nhiệm Giám đốc và nhà Quản lý), FIPI (Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp định chế tài chính) nhằm nâng cao hiểu biết và phát huy việc khai thác các quyền lợi bảo hiểm một cách hiệu quả nhất khi xảy ra rủi ro
- Đẩy mạnh chủ trương về điều tra và phòng chống gian lận như: ban hành Chính sách quản trị gian lận; tiến hành xây dựng quy trình, kỹ thuật điều tra, tiêu chí điều tra, truyền thông về phòng chống gian lận thông qua bản tin nội bộ cũng như các phương tiện nội bộ khác
- Thống nhất việc triển khai trên toàn Ngân hàng các dự án an ninh thông tin: thực hiện khóa đào tạo trực tuyến về an ninh thông tin cho toàn bộ CBNV, triển khai phân loại thông tin cho các đơn vị Hội sở, phát triển các chính sách/tiêu chuẩn an ninh thông tin như xây dựng quy định bảo mật wifi, chính sách/quy trình quản lý truy cập người dùng theo tiêu chuẩn ISO 27001
- Tiếp tục thực hiện xây dựng, cập nhật và tổ chức kiểm thử kế hoạch kinh doanh liên tục cho các đơn vị Hội sở; tổ chức đào tạo tập huấn về sơ tán và các hoạt động cần thực hiện trong tình huống khủng hoảng cho các đơn vị

4. BAN KIỂM SOÁT

4.1 GIỚI THIỆU CHUNG

Ban Kiểm soát (BKS) VPBank có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách (bao gồm Trưởng Ban), đại diện cho ĐHĐCĐ VPBank giám sát hoạt động của HĐQT, đồng thời đóng vai trò của Ủy ban Kiểm toán theo thông lệ quốc tế, thực hiện việc kiểm soát các hoạt động tài chính và kinh doanh của Ngân hàng; kiểm tra các báo cáo tài chính thường niên và các hoạt động tài chính khác; giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật và nội bộ Ngân hàng; giám sát chức năng Kiểm toán Nội bộ (KTNB) thông qua việc quản lý trực tiếp Khối KTNB của Ngân hàng. BKS VPBank chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình trước ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, BKS thường xuyên làm việc với HĐQT và Ban Điều hành để trao đổi, tư vấn những rủi ro, những vấn đề chính được phát hiện trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình. Nhiệm kỳ hiện tại của BKS VPBank bắt đầu từ năm 2015 và sẽ kết thúc vào năm 2020.

Thành phần BKS hiện nay bao gồm các thành viên:

1	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban, chuyên trách
2	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên, chuyên trách
3	Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên

4.2 HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

4.2.1 Hoạt động chung:

- Trong năm 2016, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS theo đúng quy định trên cơ sở phát huy năng lực, trình độ của từng thành viên. Trong năm 2016 các thành viên BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- Các thành viên BKS cũng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, UBQLRR, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có, Ban Điều hành... để nắm rõ các thông tin định hướng chiến lược, các kế hoạch kinh doanh, các tình trạng tài chính, tín dụng của Ngân hàng nhằm củng cố tốt hơn cho định hướng kiểm toán, giám sát hoạt động cho Khối KTNB.
- Trong năm 2016 BKS đã thực hiện giám sát thông qua hoạt động quản trị, điều hành. Định kỳ hàng tháng BKS và Khối KTNB họp với Ban Điều hành và Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ để đưa ra các phát hiện rủi ro mang tính hệ thống cần nhanh chóng khắc phục, từ đó nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ, cải thiện hệ thống quy trình, quy chế nhằm hạn chế rủi ro, đảm bảo hoạt động Ngân hàng phát triển an toàn, lành mạnh.

4.2.2 Thực hiện Kiểm toán Nội bộ (KTNB)

Định hướng, kế hoạch và thực hiện kế hoạch kiểm toán: BKS là cơ quan trực tiếp chỉ đạo và kiểm soát các hoạt động KTNB của Ngân hàng. Năm 2016, BKS đã đặt ra kế hoạch cho Khối KTNB triển khai 71 cuộc kiểm toán, bao gồm cả các cuộc kiểm toán định kỳ theo yêu cầu của pháp luật và NHNN đối với các hoạt động phòng chống rửa tiền, quản lý thanh khoản cũng như các cuộc kiểm toán theo chuyên đề để phù hợp với mô hình, xu hướng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Mục tiêu của BKS là thông qua các cuộc kiểm toán sẽ đánh giá, bao quát được các mảng rủi ro mang tính hệ thống, các rủi ro lớn phát sinh của mỗi phân khúc kinh doanh, cũng như mức độ tuân thủ của CBNV, quy trình nghiệp vụ và hệ thống kiểm tra kiểm soát của Ngân hàng. Do đó, các chuyên đề, kế hoạch kiểm toán trong năm cũng được BKS thường xuyên được cập nhật, rà soát lại để có điều chỉnh cho phù hợp với việc thay đổi cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động của Ngân hàng,

Với định hướng mới và kế hoạch điều chỉnh, năm 2016, Khối KTNB đã thực hiện được 70 cuộc kiểm toán theo chuyên đề và định kỳ; riêng 01 cuộc kiểm toán theo kế hoạch đầu năm đã được triển khai thực hiện vào tháng 1/2017 cho phù hợp với sự điều chỉnh về cơ cấu và thời gian hoạt động của đơn vị. Các phạm vi hoạt động đã được thực hiện trong năm 2016 như sau:

- Giám sát khắc phục sau kiểm toán: Công tác giám sát khắc phục các phát hiện hệ thống của KTNB cũng được đẩy mạnh và đôn đốc. Các cuộc họp định kỳ với các đơn vị có liên quan được thực hiện nghiêm túc và đúng kế hoạch. Trong năm 2016, đã khắc phục được 329 phát hiện hệ thống cần theo dõi trong năm 2016, trong đó khoảng 80% các phát hiện đã được khắc phục triệt để trong thời hạn theo dõi khắc phục của KTNB.
- Công tác khác: Hoàn thành tốt công tác hỗ trợ thanh tra, kiểm toán độc lập và các báo cáo định kỳ/đợt xuất gửi NHNN và các chức năng, nhiệm vụ khác của KTNB.
- Chính sách, quy trình: Trong năm 2016, bộ máy KTNB được củng cố và xây dựng hoàn thiện hơn, công tác cập nhật chính sách và kỹ thuật kiểm toán mới nhất cho KTNB luôn được BKS chú trọng, cập nhật và ban hành "Quy tắc đạo đức nghề nghiệp" của Khối KTNB, cập nhật và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động KTNB và Quy chế nội bộ KTNB, ban hành Khung năng lực cho Kiểm toán viên KTNB.
- Hạ tầng quản lý KTNB: Thực hiện Phần mềm Kiểm toán giai đoạn II.
- Đào tạo: Công tác đào tạo của Khối KTNB trong năm 2016 được phát triển mạnh mẽ hơn về hình thức và nội dung đào tạo: các CBNV KTNB đã tham gia được 24 chủ đề đào tạo chủ đạo (đào tạo của Ngân hàng và các đơn vị trong Ngân hàng: 12 chủ đề; đào tạo nội bộ: 10 chủ đề; đào tạo NHNN: 2 chủ đề và các chương trình hội thảo, diễn đàn khác). Cán bộ kiểm toán đã áp dụng được ngay các kiến thức được đào tạo vào trong công việc hàng ngày cũng như chuẩn bị cho các yêu cầu nhiệm vụ trong tương lai.
- Mô hình KTNB mới: Các hoạt động KTNB cũng đã bắt kịp được xu hướng phát triển, thay đổi của mô hình hoạt động của Ngân hàng và tiếp tục áp dụng nâng cao phương pháp kiểm toán "định hướng theo rủi ro", ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các đơn vị, bộ phận, quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao. Do đó, năm 2016 đã phát hiện nhiều vấn đề hệ thống và đưa ra các kiến nghị nhằm giảm thiểu rủi ro, có giá trị gia tăng và củng cố các lỗ hổng kiểm soát trong các hoạt động chính của Ngân hàng. Ngoài ra, cũng đã góp phần ngăn chặn và xử lý được nhiều

trường hợp vi phạm, gian lận xảy ra trong các hoạt động của Ngân hàng, đặc biệt là trong hoạt động tín dụng.

- Định hướng và kế hoạch 2017: VPBank là một trong 10 ngân hàng thương mại được NHNN lựa chọn để thực hiện thí điểm triển khai áp dụng nâng cao năng lực quản trị rủi ro ngân hàng theo yêu cầu của Hiệp ước Basel II từ năm 2015 đến năm 2018. Với việc triển khai dự án này, hoạt động của KTNB trong thời gian tới sẽ có nhiều thay đổi nhằm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của KTNB theo yêu cầu của Hiệp ước vốn Basel II. Với định hướng và yêu cầu từ thực tiễn như vậy, hiện nay, BKS và Khối KTNB đã và đang liên tục cập nhật, tìm hiểu để xây dựng kế hoạch kiểm toán cho phù hợp.

5. THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS, BAN TGD

Ngân sách hoạt động của HĐQT được Đại hội đồng cổ đông thông qua ở mức 1% lợi nhuận trước thuế. Với mức lợi nhuận của 2016, tổng ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS ước tính vào khoảng gần 50 tỷ đồng.

Nguyên tắc xác định thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS đã được HĐQT xem xét và cùng thông qua và không thay đổi từ năm 2012, theo đó, đối với từng thành viên hàng tháng sẽ nhận mức thù lao bao gồm thù lao cố định đối với từng chức danh và thù lao nhiệm vụ khi các thành viên tham gia vào các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT. Năm 2016, HĐQT quyết định điều chỉnh tăng lên gần 20% cho các mức thù lao cố định và thù lao theo phiên họp của các thành viên HĐQT.

Năm 2016, tổng mức thù lao chi thực tế và các chi phí hoạt động của HĐQT và BKS là khoảng 15 tỷ đồng.

6. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Việc công khai lợi ích liên quan, Người có liên quan của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và thành viên Ban Điều hành (TGD và các Phó TGD) được thực hiện định kỳ đầu mỗi năm và trong năm khi có phát sinh thay đổi so với bản đã công bố.

Bộ phận Thư ký Công ty thuộc Văn phòng HĐQT gửi yêu cầu cho các thành viên và tập hợp các bản tài liệu này để công bố thông tin cho các đơn vị làm căn cứ xác định người có liên quan với Ngân hàng và thực hiện các thủ tục theo quy định khi Ngân hàng có phát sinh giao dịch với những người này. Với các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Người có liên quan của HĐQT, Ban TGD, BKS, định kỳ hàng tháng VPBank cũng lập báo cáo NHNN để giám sát và kiểm soát.

Ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật đối với Người có liên quan, trong quy định nội bộ của Ngân hàng, các hợp đồng, giao dịch được phép giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Điều hành và người có liên quan của các thành viên này đều phải được HĐQT hoặc Hội đồng/Ủy ban trực thuộc HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, thành viên có liên quan không được tham gia biểu quyết. Các giao dịch đều được ký kết hợp đồng hoặc có chứng từ rõ ràng; được thẩm định, đánh giá, đề xuất theo quy trình minh bạch và rõ ràng như thực hiện với các hợp đồng khác.

Cũng theo quy định tại Luật các Tổ chức Tín dụng, Ngân hàng không được cấp tín dụng cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Phó TGD và các chức danh tương đương cũng như cha, mẹ, vợ, chồng, con của các thành viên này. Trong năm qua VPBank đã tuân thủ nghiêm túc việc không cho vay những đối tượng này.

Việc thiết lập những quy định chặt chẽ hơn trong việc xác định Người có liên quan của Ngân hàng và giao dịch với Người có liên quan đang được VPBank xem xét thiết lập để nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của quản trị điều hành.

7. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

VPBank thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin áp dụng đối với tổ chức tín dụng theo quy định của NHNN và quy định áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn của Bộ Tài chính.

VPBank đã xây dựng một bộ phận chuyên trách thực hiện các báo cáo theo quy định của NHNN, bao gồm việc kết nối hệ thống chuyển tin báo cáo theo ngày, tháng, quý, năm định kỳ theo quy định và quy trình phối hợp báo cáo theo chuyên đề, theo yêu cầu đột xuất tùy thuộc vào các mục tiêu giám sát/quản lý/đánh giá... từ các cơ quan chức năng. Ngân hàng cũng sử dụng website như một phương tiện cung cấp thông tin chính thống, đầy đủ và cập nhật nhất về kết quả kinh doanh của Ngân hàng cũng như các thông tin bất thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, với vai trò là công ty đại chúng quy mô lớn, VPBank cũng thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính. Theo đó, VPBank thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường của Ngân hàng thông qua phần mềm công bố thông tin theo quy định Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang tin điện tử của VPBank và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định.

Hàng năm, các thông tin công bố chính bao gồm:

- Báo cáo tài chính:
 - Báo cáo tài chính năm, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán được chấp thuận và được công bố trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 - Báo cáo tài chính bán niên, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và được công bố trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc sáu tháng đầu năm tài chính.
 - Báo cáo tài chính quý, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của ngân hàng, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
- Báo cáo thường niên.
- Các thông tin liên quan của cổ đông lớn cũng được công bố theo quy định.
- Các thông tin khác được công bố định kỳ hoặc bất thường khi có phát sinh theo quy định.

Ngoài các thông tin phải công bố theo quy định của pháp luật, Ngân hàng cũng chủ động công bố các thông tin về chiến lược của ngân hàng, các thông tin về sản phẩm mới, các chương trình khuyến mại, các sự kiện lớn ảnh hưởng tới hoạt động của Ngân hàng và các hoạt động an sinh, xã hội trên các phương tiện truyền thông và website của Ngân hàng. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy chế nội bộ của Ngân hàng về phát ngôn và công bố thông tin, do Trung tâm Truyền thông & Tiếp thị và Văn phòng HĐQT làm đầu mối cung cấp sau khi đã được cấp có thẩm quyền của Ngân hàng phê duyệt.

8. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

8.1 CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của ngân hàng tại thời điểm ngày 31/12/2016 là 918.100.000 cổ phần (bằng chữ: Chín trăm mười tám triệu một trăm nghìn cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần phổ thông: 844.880.400 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi cổ tức: 73.219.600 cổ phần

Toàn bộ số cổ phần này đều là loại đang lưu hành. Việc quản lý sổ cổ đông của toàn bộ số cổ phần được thực hiện tại Công ty Chứng khoán VPBank theo Hợp đồng ủy quyền quản lý sổ cổ đông từ năm 2008.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH11: “Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ”. Và theo quy định tại theo Khoản 3 Điều 53 Luật các Tổ chức Tín dụng 47/2010/QH11: “Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý, điều hành khác của tổ chức tín dụng không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do tổ chức tín dụng đó phát hành”. Do vậy, các thành viên HĐQT, BKS, TGD VPBank không sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức và các cổ phần phổ thông do họ sở hữu đều là thuộc loại hạn chế chuyển nhượng.

Tại thời điểm 31/12/2016, sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và TGD của VPBank như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ đang nắm giữ tại VPBank	Số cổ phần phổ thông sở hữu	Tỷ lệ SHCP phổ thông/VĐL	Tỷ lệ SHCP ưu đãi cổ tức
1	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	37.884.031	4,126%	Không có
2	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	22.684.198	2,471%	Không có
3	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	1.197.020	0,13%	Không có
4	Ông Nguyễn Văn Hào	Thành viên độc lập HĐQT	-	Không có	Không có
5	Ông Lương Phan Sơn	Thành viên HĐQT	3.490.217	0,38%	Không có
6	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng BKS	33.269.300	3,62%	Không có
7	Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên BKS	41.510.706	4,52%	Không có
8	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên BKS chuyên trách	-	Không có	Không có
9	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	-	Không có	Không có

8.2 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm 31/12/2016, cơ cấu cổ đông của ngân hàng như sau:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi cổ tức	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông cá nhân	3.470	312.103.045	66.357.602	378.460.647	41,22%
1	Cán bộ nhân viên	398	145.524.188	62.859	145.587.047	15,86%
2	Cổ đông cá nhân	3072	166.578.857	66.294.743	232.873.600	25,36%
3	Cổ đông cá nhân nước ngoài	0	0	0	0	0,00%
II	Cổ đông pháp nhân	48	532.777.355	6.861.998	539.639.353	58,78%
1	Cổ đông pháp nhân	40	529.299.839	6.861.998	536.161.837	58,40%
2	Nhà nước	8	3.477.516	-	3.477.516	0,38%
3	Cổ đông pháp nhân nước ngoài	0	0	0	0	0,00%
III	Tổng cộng	3.518	844.880.400	73.219.600	918.100.000	100,00%

8.3 TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2016, VPBank đã thực hiện xong việc tăng vốn điều lệ từ 8.056.466.000.000 đồng lên thành 9.181.000.000.000 đồng bằng hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông từ nguồn lợi nhuận giữ lại của năm 2014 và phát hành cổ phiếu phổ thông để tăng vốn từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (chia cổ phiếu thưởng) cho các cổ đông.

Số vốn điều lệ tăng thêm là 1.124.534.000.000 đồng, trong đó, chia cổ tức bằng cổ phiếu là 1.066.997.000.000 đồng (tỷ lệ chia cổ tức là 14,57%) và chia cổ phiếu thưởng là 57.537.000.000 đồng (tỷ lệ chia cổ phiếu thưởng là 0,78%). Việc tăng vốn điều lệ được hoàn tất trong tháng 3/2016.

Trong năm 2016, VPBank đã được NHNN chấp thuận cho chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận năm 2015 tổng cộng là 18,75% để tăng vốn điều lệ từ 9.181 tỷ đồng lên thành 10.765 tỷ đồng. Hiện Ngân hàng đang hoàn tất các thủ tục của đợt tăng vốn điều lệ này và dự kiến quý I/2017 vốn điều lệ mới sẽ được ghi nhận.

8.4 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:

VPBank không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm báo cáo.

8.5 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Theo quy định của pháp luật, Cổ đông là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD không được chuyển nhượng cổ phần trong thời gian đương nhiệm. Do đó, trong năm không phát sinh giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT, BKS và TGD.

Các Phó TGD được coi là các cán bộ quản lý của VPBank theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thư ký công ty là các cán bộ thuộc Văn phòng HĐQT.

Năm 2016, giao dịch cổ phiếu của các cổ đông là người có liên quan của Ban lãnh đạo Ngân hàng như sau:

STT	Tên Ban lãnh đạo của VPBank	Tên cổ đông là người có liên quan đến Ban lãnh đạo VPBank	Số CMTND/ Mã số thuế/ ĐKKD	Chức vụ/ Mối quan hệ với Ban lãnh đạo của VPBank	Giao dịch cổ phiếu trong năm	
					Số cổ phần bán trong năm	Số cổ phần mua trong năm
1	Ông Ngô Chí Dũng	Bà Đặng Thị Lâm	011740449	Mẹ vợ	6.500.000	231.512
2	Ông Ngô Chí Dũng	Ông Trần Ngọc Bé	011658996	Anh rể	-	96.788
3	Ông Ngô Chí Dũng	Công ty TNHH đầu tư và Tư vấn Quản lý Sao Bắc	0106551134	Công ty do mẹ vợ làm chủ tịch HĐQT	-	29.298.930
4	Ông Bùi Hải Quân		012191698	Phó chủ tịch HĐQT	-	9.599.371
5	Ông Bùi Hải Quân	Bà Kim Ngọc Cẩm Ly	011529218	Vợ	-	20.993.636
6	Ông Bùi Hải Quân	Công ty TNHH thương mại kỹ thuật Việt Hải			20.993.636	-
7	Ông Lô Bằng Giang	Bà Lý Thị Thu Hà	012100621	Mẹ đẻ	-	180.747
8	Ông Nguyễn Đức Vinh	Bà Nguyễn Thị Nguyệt Nga	010045110	Chị ruột	63.385	63.385
9	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Ông Vũ Tiến Đức	011353087	Chồng	5.905.868	-
10	Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Bà Trần Thị Bạch Mai	011115627	Mẹ đẻ	-	88.012
11	Ông Nguyễn Thanh Bình	Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	011785352	Vợ	-	103.679

8.6 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC NƯỚC NGOÀI

Ngân hàng hiện không có cổ đông chiến lược nước ngoài.

BÁO CÁO

TÀI CHÍNH

KIỂM TOÁN 2016



NGÂN HÀNG ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Giải thưởng do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) trao tặng

Tháng 1 năm 2016, VPBank được trao tặng giải "Ngân hàng đồng hành cùng doanh nghiệp vừa và nhỏ 2016" do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam phối hợp tổ chức. Giải thưởng một lần nữa khẳng định VPBank là ngân hàng đã có những hoạt động xuất sắc và những đóng góp tiêu biểu cho sự phát triển cho ngành ngân hàng nói riêng và lĩnh vực tài chính nói chung.

ỨNG DỤNG NGÂN HÀNG DI ĐỘNG TỐT NHẤT VIỆT NAM 2016

Giải thưởng được trao bởi Tạp chí Global Banking & Finance Review

Với tính năng bảo mật SMS OTP an toàn nhất hiện nay và giao diện bắt mắt, giúp khách hàng dễ dàng truy cập từ các thiết bị kết nối internet vào bất kỳ thời điểm nào trong ngày, VPBank Mobile tự hào là ứng dụng cung cấp đa dạng nhất các tính năng giao dịch trực tuyến cho người dùng.



THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng” hoặc “VPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 36 ngày 12 tháng 10 năm 2016. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.181.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8.056.466 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, năm mươi một (51) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch trên cả nước và hai (2) công ty con.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch
Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch
Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hào	Thành viên độc lập
Ông Lương Phan Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên chuyên trách
Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Fung Kai Jin	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Khôi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Đức Vinh – Tổng Giám đốc được Ông Ngô Chí Dũng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Văn bản Ủy quyền số 09/2012/UQ-CT ngày 5 tháng 7 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và các công ty con ("Ngân hàng") được lập ngày 20 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 64, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Trần Mai Thảo
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2466-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 2 năm 2017

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	1.727.361	1.632.425
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	2.982.589	2.261.499
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	9.388.905	14.599.675
Tiền gửi tại các TCTD khác		4.089.176	8.729.745
Cho vay các TCTD khác		5.300.460	5.870.661
Dự phòng rủi ro		(731)	(731)
Chứng khoán kinh doanh	8	2.952.206	2.043.647
Chứng khoán kinh doanh		2.953.769	2.046.735
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(1.563)	(3.088)
Cho vay khách hàng		142.583.251	115.062.473
Cho vay khách hàng	10	144.673.213	116.804.247
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(2.089.962)	(1.741.774)
Chứng khoán đầu tư	12	55.339.988	47.744.838
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	51.948.658	43.965.978
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	4.136.200	4.520.639
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.3	(744.870)	(741.779)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	222.930	307.154
Đầu tư dài hạn khác		299.372	307.627
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(76.442)	(473)
Tài sản cố định	14	624.197	509.574
Tài sản cố định hữu hình	14.1	422.772	325.013
Nguyên giá tài sản cố định		939.411	704.679
Khấu hao tài sản cố định		(516.639)	(379.666)
Tài sản cố định vô hình	14.2	201.425	184.561
Nguyên giá tài sản cố định		392.849	339.057
Hao mòn tài sản cố định		(191.424)	(154.496)
Bất động sản đầu tư	15	27.162	27.600
Nguyên giá bất động sản đầu tư		29.965	29.965
Hao mòn bất động sản đầu tư		(2.803)	(2.365)
Tài sản Có khác	16	12.922.329	9.687.543
Các khoản phải thu	16.1	5.588.814	1.985.973
Các khoản lãi, phí phải thu	16.2	4.165.577	4.133.763
Tài sản Có khác	16.3	3.395.320	3.799.869
Trong đó: Lợi thế thương mại	17	12.485	37.453
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác	16.4	(227.382)	232.062
TỔNG TÀI SẢN		228.770.918	193.876.428

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	18	1.103.686	4.821.063
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19	28.835.898	17.764.430
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	19.1	13.437.105	9.603.163
Vay các tổ chức tín dụng khác	19.2	15.398.793	8.161.267
Tiền gửi của khách hàng	20	123.787.572	130.270.670
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	191.325	131.760
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	21	1.389.786	383.188
Phát hành giấy tờ có giá	22	48.650.527	21.859.941
Các khoản nợ phải trả khác	23	7.634.596	5.256.454
Các khoản lãi, phí phải trả	23.1	3.161.924	2.804.740
Các khoản phải trả và công nợ khác	23.2	4.472.672	2.451.714
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		211.593.390	180.487.506
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn điều lệ	25	9.181.000	8.056.466
Thặng dư vốn cổ phần		1.288.863	1.288.863
Các quỹ dự trữ		2.950.192	1.324.775
Lợi nhuận chưa phân phối		3.757.473	2.718.818
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.177.528	13.388.922
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		228.770.918	193.876.428

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02/TCTD-HN

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		
Cam kết bảo lãnh vay vốn	12.108	1.373.115
Cam kết giao dịch hối đoái	33.307.126	36.139.958
- Cam kết mua ngoại tệ	3.687.797	-
- Cam kết bán ngoại tệ	3.669.239	-
- Cam kết giao dịch hoán đổi	25.950.090	36.139.958
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	6.356.322	6.326.988
Bảo lãnh khác	11.585.463	8.550.490
Các cam kết khác	2.334.851	1.171.006
	53.595.870	53.561.557

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:



Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 2 năm 2017

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	25.631.116	18.758.801
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(10.463.257)	(8.405.364)
Thu nhập lãi thuần		15.167.859	10.353.437
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		2.114.834	1.597.313
Chi phí hoạt động dịch vụ		(1.261.908)	(712.646)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	852.926	884.667
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	(318.960)	(290.472)
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	(149.384)	44.587
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	91.874	27.966
Thu nhập từ hoạt động khác		1.450.885	957.363
Chi phí cho hoạt động khác		(232.315)	(82.291)
Lãi thuần từ hoạt động khác	33	1.218.570	875.072
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	34	872	171.054
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		16.863.757	12.066.311
Chi phí cho nhân viên		(3.430.934)	(3.183.691)
Chi phí khấu hao		(177.433)	(144.532)
Chi phí hoạt động khác		(3.012.985)	(2.364.246)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(6.621.352)	(5.692.469)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		10.242.405	6.373.842
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	36	(5.313.094)	(3.277.640)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		4.929.311	3.096.202
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(994.266)	(700.598)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	-	264
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(994.266)	(700.334)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		3.935.045	2.395.868
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	4.485	2.662

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B04/TCTD-HN

Thuyết minh	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	25.501.896	18.535.899
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(10.039.057)	(7.536.405)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	850.669	891.088
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	(271.622)	(34.896)
Thu nhập khác	476.319	620.946
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	715.606	251.519
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(6.479.434)	(5.065.782)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm 24.1	(795.175)	(505.521)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động	9.959.202	7.156.848
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	570.201	5.792.760
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(8.889.714)	(22.989)
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(27.641.819)	(39.866.419)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(4.882.929)	(2.024.786)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(390.722)	2.616.599
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		
(Giảm)/Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(3.717.377)	3.988.508
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	8.114.707	(8.463.820)
(Giảm)/Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	(6.483.098)	21.837.894
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	23.913.626	11.530.397
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	1.006.598	257.942
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	59.565	(83.573)
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	1.958.319	(1.540.974)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh	(6.423.441)	1.178.387

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B04/TCTD-HN

Thuyết minh	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(188.473)	(222.114)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	47.723	155.911
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	(185.276)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	8.255	382.702
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	872	2.344
Lưu chuyển tiền (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư	(131.623)	133.567
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tặng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu 25.1	-	2.019.690
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	2.876.960	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia 25.1	(146.439)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	2.730.521	2.019.690
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(3.824.543)	3.331.644
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	12.623.669	9.292.025
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm 37	8.799.126	12.623.669
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TRONG NĂM		
Phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 25.1	57.537	44.350
Tặng vốn từ lợi nhuận để lại 25.1	1.066.997	932.510

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiêm Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 2 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng" hoặc "VPBank") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 36 ngày 12 tháng 10 năm 2016. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.181.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8.056.466 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, năm mươi một (51) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch trên cả nước và hai (2) công ty con.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có hai (2) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB AMC)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 15 tháng 4 năm 2013	Quản lý nợ và khai thác tài sản	115 tỷ đồng	100%
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 1 tháng 6 năm 2015	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	2.790 tỷ đồng	100%

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 17.387 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 12.927 nhân viên).

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong lập báo cáo tài chính của Ngân hàng là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỤC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

3.3 CÁC CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4.2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 CHO VAY KHÁCH HÀNG

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.5 DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ("Thông tư 02").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Đối với các khoản cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, Ngân hàng được phép thực hiện cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ một lần theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Thông tư 02 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09").

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2016 của các khoản nợ trừ các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn (Nhóm 5).

4.6 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và Ngân hàng có ý định nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán kinh doanh”.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4.7 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/ Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/ phụ trội là chênh lệch âm/ dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán đầu tư”.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4.8 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo Thông tư số 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{(m)} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

- $X_{(m)}$ là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m;
- X_{m-1} là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ m-1;
- Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- Z_m là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$ thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể ($X(m)$) được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng". Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tất toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào "Thu nhập từ hoạt động khác".

4.9 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư đăng ký trên sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá đăng ký giao dịch nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị

trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng cho mỗi khoản đầu tư} = \left(\begin{array}{c} \text{Tổng vốn đầu tư} \\ \text{thực tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{thực có của tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} \right) \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của mỗi bên}}{\text{Tổng số vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.10 CÁC KHOẢN PHẢI THU

4.10.1 Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4.10.2 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC VÀ CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.12 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.13 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Máy móc thiết bị	3 – 10 năm
Phần mềm máy vi tính	3 – 7 năm

4.14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Ngân hàng và công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được ghi nhận và trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này.

4.15 THUẾ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.16 GHI NHẬN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận. Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi.

4.17 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 45). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên tài khoản "Vốn chủ sở hữu" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.19 TIỀN GỬI CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC, CỦA KHÁCH HÀNG VÀ PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo sổ dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.20 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.21 PHÂN LOẠI NỢ CHO CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG

Theo Thông tư 02, tổ chức tín dụng chỉ thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 02 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

4.22 BÙ TRỪ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được căn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc căn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.23 CÁC CÔNG CỤ PHÁI SINH

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên "Vốn chủ sở hữu" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên "Vốn chủ sở hữu" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.24 LỢI ÍCH CỦA NHÂN VIÊN

4.24.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.24.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.24.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.25 CÁC QUỸ DỰ TRỮ BẮT BUỘC

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng:

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 57/2012/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Quyết định của Hội đồng Quản trị theo phạm vi quyền hạn quy định trong Điều lệ của Ngân hàng.

Ngân hàng sẽ thực hiện trích lập các quỹ dự trữ nêu trên dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 03 năm 2002, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB AMC") thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015, VPB AMC không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính.

Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 thay thế Nghị định 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

4.26 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thể thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thể thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thể thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là ba (3) năm.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	1.036.240	850.227
Tiền mặt bằng ngoại tệ	667.059	756.702
Vàng tiền tệ	24.062	25.496
	1.727.361	1.632.425

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	2.982.589	2.261.499

Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,05%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1,20%/năm và 0,05%/năm).

Theo quy định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc. Trong tháng 12 năm 2016, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 3,00% và 8,00% (2015: 3,00% và 8,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VND và ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, và tỷ lệ tương ứng là 1,00% và 6,00% (2015: 1,00% và 6,00%) đối với tiền gửi của khách hàng bằng VND và ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

7.1 TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	2.025.318	843.579
- Bằng VND	1.430.569	128.905
- Bằng ngoại tệ	594.749	714.674
Tiền gửi có kỳ hạn	2.063.858	7.886.166
- Bằng VND	690.000	4.815.000
- Bằng ngoại tệ	1.373.858	3.071.166
	4.089.176	8.729.745
Dự phòng rủi ro	-	-
	4.089.176	8.729.745

7.2 CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Bằng VND	5.300.460	5.060.731
Bằng ngoại tệ	-	809.930
	5.300.460	5.870.661
Dự phòng rủi ro	(731)	(731)
	5.299.729	5.869.930

Mức lãi suất tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016 % năm	31/12/2015 % năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,10% - 7,30%	4,30% - 7,13%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,30% - 1,50%	0,10% - 2,50%
Cho vay bằng VND	3,50% - 6,10%	4,50% - 6,20%
Cho vay bằng ngoại tệ	Không áp dụng	0,50% - 1,50%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	9.388.905	14.599.675
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	731	731
	9.389.636	14.600.406

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

8.1 CHỨNG KHOÁN NỢ

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ, chính quyền địa phương	1.499.929	1.324.317
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác phát hành	1.453.840	722.418
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh</i>	1.245.445	529.214
	2.953.769	2.046.735
Dự phòng rủi ro	(1.563)	(3.088)
	2.952.206	2.043.647

Thay đổi dự phòng rủi ro và giảm giá chứng khoán trong năm như sau:

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Số dư đầu năm	3.088	16.298
Hoàn nhập trong năm	(1.525)	(10.390)
Giảm do thoái vốn đầu tư tại công ty con	-	(2.820)
Số dư cuối năm	1.563	3.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

8.2 THUYẾT MINH VỀ TÌNH TRẠNG NIÊM YẾT CỦA CÁC CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Đã niêm yết	2.745.374	2.046.735
Chưa niêm yết	208.395	-
	2.953.769	2.046.735

Phân tích chất lượng chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	208.395	-
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	208.395	-

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		Giá trị thuần Triệu đồng
		Tài sản Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	25.869.954	25.471.176	(25.666.246)	(195.070)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	12.754.991	12.524.584	(12.662.735)	(138.151)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	13.114.963	12.946.592	(13.003.511)	(56.919)
Công cụ tài chính phái sinh khác	107.050	110.795	(107.050)	3.745
	25.977.004	25.581.971	(25.773.296)	(191.325)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	30.504.434	29.872.496	(30.006.656)	(134.160)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	12.191.830	11.919.271	(12.040.579)	(121.308)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	18.312.604	17.953.225	(17.966.077)	(12.852)
Công cụ tài chính phái sinh khác	107.050	109.450	(107.050)	2.400
	30.611.484	29.981.946	(30.113.706)	(131.760)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 Triệu đồng	%	31/12/2015 Triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	144.082.942	99,60	116.166.919	99,46
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	46.621	0,03	22.893	0,02
Các khoản trả thay khách hàng	1.382	-	3.522	-
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	537.664	0,37	564.143	0,48
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	4.604	-	46.770	0,04
	144.673.213	100	116.804.247	100

Mức lãi suất cho vay vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016 % năm	31/12/2015 % năm
Cho vay thương mại bằng VND	3,00% - 13,50%	3,00% - 14,00%
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	1,40% - 4,50%	1,60% - 5,00%

10.1 PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NỢ CHO VAY

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	132.510.660	106.713.646
Nợ cần chú ý	7.955.500	6.945.556
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.335.222	1.268.015
Nợ nghi ngờ	975.528	523.016
Nợ có khả năng mất vốn	896.303	1.354.014
	144.673.213	116.804.247

10.2 PHÂN TÍCH DU NỢ THEO THỜI GIAN CHO VAY BAN ĐẦU

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	35.892.482	32.497.945
Nợ trung hạn	59.596.064	56.545.821
Nợ dài hạn	49.184.667	27.760.481
	144.673.213	116.804.247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

10.3 PHÂN TÍCH DƯ NỢ CHO VAY THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG VÀ THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

	31/12/2016 Triệu đồng	%	31/12/2015 Triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	2.169.805	1,50	1.547.766	1,32
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	970.215	0,67	630.928	0,54
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	26.001	0,02	414.632	0,35
Công ty TNHH khác	27.408.987	18,95	28.712.712	24,58
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	663.314	0,46	860.868	0,74
Công ty cổ phần khác	21.200.544	14,65	20.976.352	17,96
Doanh nghiệp tư nhân	784.738	0,54	624.926	0,54
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	598.944	0,41	573.459	0,49
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	67.446	0,05	100.609	0,09
Hộ kinh doanh, cá nhân	89.972.801	62,19	62.234.822	53,28
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	110.007	0,08	125.469	0,11
Khác	700.411	0,48	1.704	-
	144.673.213	100	116.804.247	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

10.4 PHÂN TÍCH DƯ NỢ CHO VAY THEO NGÀNH

	31/12/2016 Triệu đồng	%	31/12/2015 Triệu đồng	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.498.851	1,73	4.584.262	3,94
Khai khoáng	290.298	0,20	214.216	0,18
Công nghiệp chế biến, chế tạo	16.637.628	11,50	9.643.927	8,26
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	2.479.019	1,72	2.569.617	2,20
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	562.659	0,39	620.461	0,53
Xây dựng	6.035.306	4,17	6.368.949	5,45
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	11.228.534	7,76	7.755.952	6,64
Vận tải kho bãi	3.427.557	2,37	2.687.377	2,30
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.258.575	2,25	1.170.540	1,00
Thông tin và truyền thông	562.148	0,39	1.558.204	1,33
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	5.540.253	3,83	2.851.196	2,44
Hoạt động kinh doanh bất động sản	17.794.732	12,30	19.078.633	16,33
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	962.987	0,67	1.115.272	0,95
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.838.986	1,27	1.738.015	1,49
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị-xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	206.364	0,14	141.667	0,12
Giáo dục và đào tạo	700.782	0,48	532.416	0,46
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	228.241	0,16	211.920	0,18
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	633.031	0,44	989.411	0,85
Hoạt động dịch vụ khác	8.565.281	5,92	7.888.924	6,75
Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	61.186.300	42,29	45.070.221	38,59
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	35.681	0,02	13.067	0,01
	144.673.213	100	116.804.247	100

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng trên được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Dự phòng chung	1.031.565	813.948
Dự phòng cụ thể	1.058.397	927.826
	2.089.962	1.741.774

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2016 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	813.948	927.826	1.741.774
Trích lập trong năm	217.617	5.165.072	5.382.689
Giảm dự phòng do bán nợ cho VAMC	-	(157.292)	(157.292)
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng	-	(4.877.209)	(4.877.209)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.031.565	1.058.397	2.089.962

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2015 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	573.535	549.605	1.123.140
Trích lập trong năm	240.413	2.592.866	2.833.279
Tăng dự phòng do mua lại nợ từ VAMC	-	9.522	9.522
Giảm dự phòng do bán nợ cho VAMC	-	(263.984)	(263.984)
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng	-	(1.960.183)	(1.960.183)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	813.948	927.826	1.741.774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

12.1 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Chứng khoán nợ	51.933.301	43.950.621
Trái phiếu Chính phủ	21.721.281	21.024.986
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	15.089.376	12.787.075
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh</i>	<i>11.555.600</i>	<i>9.736.500</i>
Chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	1.100.000	-
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	14.022.644	10.138.560
Chứng khoán vốn	15.357	15.357
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	15.357	15.357
	51.948.658	43.965.978
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(248.559)	(174.833)
Dự phòng giảm giá	(19.829)	-
Dự phòng chung	(122.609)	(107.133)
Dự phòng cụ thể	(106.121)	(67.700)
	51.700.099	43.791.145

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 3 năm đến 15 năm và lãi suất từ 5% đến 11%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: có kỳ hạn từ 8 tháng đến 15 năm và lãi suất từ 5% đến 13,2%/năm).

Chứng khoán Nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành có thời hạn từ 2 năm đến 10 năm và lãi suất từ 5,7% đến 12,2%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 7 tháng đến 10 năm và lãi suất từ 5,9% đến 12,7%/năm).

Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành có thời hạn từ 1 năm đến 6 năm và lãi suất từ 8,5% đến 11%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 1 năm đến 5 năm và lãi suất từ 6% đến 15%/năm).

Tổng mệnh giá của các trái phiếu mang đi cầm cố để đảm bảo cho các hợp đồng huy động vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.545.572 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.166.032 triệu đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

12.2 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	4.136.200	4.520.639
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(496.311)	(566.946)
	3.639.889	3.953.693

12.3 DỰ PHÒNG RỦI RO CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán Triệu đồng	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Số dư đầu năm	174.833	566.946	741.779
Dự phòng rủi ro trích lập/ (hoàn nhập) trong năm	73.726	(70.635)	3.091
Số dư cuối năm	248.559	496.311	744.870

Phân tích chất lượng chứng khoán sẵn sàng để bán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	14.348.253	12.500.396
Nợ cần chú ý	3.611.425	561.577
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	561.043	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	18.520.721	13.061.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị gốc Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị gốc Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu
Đầu tư vào tổ chức kinh tế				
Công ty CP Vận tải ITRACO	21	0,64%	21	0,64%
Công ty CP Đồng Xuân	5.000	10,00%	5.000	10,00%
Công ty CP Đào tạo và Tư vấn Ngân hàng (BTC)	371	4,30%	371	4,78%
Công ty CP Thông tin tín dụng (PCB)	3.934	3,28%	3.934	3,28%
Công ty CP Cảng Sài Gòn	185.276	7,44%	185.276	7,44%
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS)	104.770	11,00%	104.770	11,00%
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	-	-	7.705	5,50%
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Thịnh An	-	-	550	11,00%
	299.372		307.627	
Dự phòng đầu tư dài hạn khác				
	(76.442)		(473)	
	222.930		307.154	

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

14.1 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu đồng	Tài sản cố định khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	94.506	394.989	106.847	60.063	48.274	704.679
Mua trong năm	14.793	172.225	24.828	18.574	7.565	237.985
Tặng/(giảm) do phân loại lại tài sản	-	3.643	(2.720)		(324)	599
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.410)	(185)	(1.259)	(948)	(3.802)
Giảm khác	-	(50)	-	-	-	(50)
Số dư cuối năm	109.299	569.397	128.770	77.378	54.567	939.411
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	23.557	229.627	58.742	42.714	25.026	379.666
Khấu hao trong năm	7.119	97.204	14.134	12.449	9.714	140.620
Tặng/(giảm) do phân loại lại	-	2.971	(2.882)	-	-	89
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.410)	(185)	(1.260)	(854)	(3.709)
Giảm khác	-	(7)	-	(20)	-	(27)
Số dư cuối năm	30.676	328.385	69.809	53.883	33.886	516.639
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	70.949	165.362	48.105	17.349	23.248	325.013
Số dư cuối năm	78.623	241.012	58.961	23.495	20.681	422.772

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 213.639 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

14.2 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	Quyền sử dụng đất không thời hạn Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	90.132	248.925	339.057
Mua trong năm	-	71.801	71.801
Tăng do phân loại lại tài sản	-	(599)	(599)
Tăng khác	-	3.575	3.575
Thanh lý, nhượng bán	(20.985)	-	(20.985)
Số dư cuối năm	69.147	323.702	392.849
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	153.628	154.496
Hao mòn trong năm	-	36.375	36.375
Tăng do phân loại lại tài sản	-	553	553
Số dư cuối năm	868	190.556	191.424
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	89.264	95.297	184.561
Số dư cuối năm	68.279	133.146	201.425

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 79.464 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm như sau:

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Nhà cửa vật kiến trúc Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.075	9.890	29.965
Số dư cuối năm	20.075	9.890	29.965
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.365	2.365
Khấu hao trong năm	-	438	438
Số dư cuối năm	-	2.803	2.803
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	20.075	7.525	27.600
Số dư cuối năm	20.075	7.087	27.162

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

16.1 CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ	56.696	46.104
Các khoản phải thu bên ngoài	5.516.549	1.918.724
Xây dựng cơ bản dở dang	15.569	21.145
	5.588.814	1.985.973

Các khoản phải thu bên ngoài chủ yếu bao gồm phải thu từ các hợp đồng thu tín dụng trả chậm (2.956.761 triệu đồng) (Thuyết minh 19.2), đặt cọc theo các hợp đồng kinh tế (1.329.633 triệu đồng), các khoản tiền gửi quá hạn được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và các khoản phải thu bên ngoài khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

16.2 CÁC KHOẢN LÃI, PHÍ PHẢI THU

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Lãi phải thu từ tiền gửi	3.225	11.904
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	2.052.693	1.675.724
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	2.044.017	2.276.522
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	63.107	163.048
Lãi phải thu ủy thác đầu tư	-	6.565
Phí phải thu	2.535	-
	4.165.577	4.133.763

16.3 TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Vật liệu	14.123	10.332
Chi phí trả trước chờ phân bổ	1.123.391	928.885
Tài sản nhận gán nợ (*)	2.245.321	1.934.353
- Bất động sản	2.245.321	1.934.353
Phải thu các hợp đồng ủy thác đầu tư	-	887.150
Lợi thế thương mại	12.485	37.453
Tài sản Có khác	-	1.696
	3.395.320	3.799.869

* Tài khoản này thể hiện các tài sản nhận gán nợ từ các khách hàng vay quá hạn và đang được Ngân hàng xử lý thu hồi nợ theo quy định của NHNN.

16.4 DỰ PHÒNG RỦI RO CHO CÁC TÀI SẢN CÓ NỘI BẢNG KHÁC

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng rủi ro cho danh mục ủy thác đầu tư. Thay đổi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Số dư đầu năm	232.062	255.397
Tăng dự phòng rủi ro trong năm	1.040	10.474
Trong đó:		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(30)
Tăng dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng (Thuyết minh số 36)	1.040	10.504
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng	(5.720)	-
Giảm do thoái vốn đầu tư tại công ty con	-	(33.809)
Số dư cuối năm	227.382	232.062

Chi tiết dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Dự phòng rủi ro tín dụng	225.731	230.411
- Dự phòng chung (i)	3.976	5.626
- Dự phòng cụ thể (ii)	221.755	224.785
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	838	838
Dự phòng rủi ro khác	813	813
	227.382	232.062

(i) Dự phòng chung trích lập cho số tiền ủy thác đầu tư để mua trái phiếu chưa niêm yết.

(ii) Dự phòng cụ thể trích lập cho khoản tiền gửi quá hạn được phân loại sang tài sản có rủi ro tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Tổng giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	74.905	74.905
Thời gian phân bổ	3 năm	3 năm
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	(37.452)	(12.484)
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	37.453	62.421
Lợi thế thương mại tăng trong năm	-	-
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	-	-
Điều chỉnh do sự thay đổi giá trị của tài sản và công nợ có thể xác định được	-	-
Lợi thế thương mại giảm trong năm	(24.968)	(24.968)
LTTM giảm do thanh lý, nhượng bán một phần hoặc toàn bộ TCTD	-	-
Giá trị LTTM phân bổ trong năm	(24.968)	(24.968)
Các điều chỉnh giảm khác của LTTM	-	-
Tổng giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối năm	12.485	37.453

18. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Vay NHNN		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	1.077.995	4.819.153
Vay khác	25.691	1.910
	1.103.686	4.821.063

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

19.1 TIỀN GỬI CỦA CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	1.006.828	44.501
Bằng VND	1.006.806	43.400
Bằng ngoại tệ	22	1.101
Tiền gửi có kỳ hạn	12.430.277	9.558.662
Bằng VND	10.580.000	8.775.000
Bằng ngoại tệ	1.850.277	783.662
	13.437.105	9.603.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

19.2 VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Bằng VND	6.974.121	7.776.807
Trong đó: Vay chiết khấu giấy tờ có giá bằng VND	5.085.556	3.375.026
Bằng ngoại tệ (*)	8.424.672	384.460
	15.398.793	8.161.267

* Bao gồm 2.956.761 triệu đồng phải trả về nghiệp vụ thu tín dụng trả chậm được hạch toán theo hướng dẫn của NHNN tại Công văn số 3333/NHNN-TCKT về việc hướng dẫn hạch toán kế toán nghiệp vụ bồi hoàn thu tín dụng (Thuyết minh số 16.1).

Mức lãi suất tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016 %/năm	31/12/2015 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VND	4,00% - 6,30%	3,70% - 8,70%
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	0,70% - 1,80%	0,10% - 1,00%
Tiền vay các TCTD khác bằng VND	4,30% - 7,00%	4,30% - 5,95%
Tiền vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	0,75% - 5,75%	0,75% - 2,09%

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	15.238.430	12.568.456
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	12.322.190	11.824.753
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.916.240	743.703
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	108.064.068	117.162.064
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	103.563.011	106.514.016
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.501.057	10.648.048
Tiền gửi vốn chuyên dùng	69.569	122.541
- Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	65.867	110.247
- Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	3.702	12.294
Tiền ký quỹ	415.505	417.609
- Tiền gửi ký quỹ bằng VND	410.085	378.453
- Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	5.420	39.156
	123.787.572	130.270.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2016 Triệu đồng	%	31/12/2015 Triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	5.058.364	4,09	6.087.819	4,69
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	2.134.004	1,72	2.569.185	1,97
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	132.097	0,11	245.475	0,19
Công ty TNHH khác	11.292.431	9,12	13.722.842	10,53
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	139.695	0,11	1.519.106	1,17
Công ty cổ phần khác	22.118.212	17,87	20.911.579	16,05
Công ty hợp danh	451	-	804	-
Doanh nghiệp tư nhân	130.572	0,11	83.890	0,06
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	799.203	0,65	225.972	0,17
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	12.682	0,01	4.990	-
Hộ kinh doanh, cá nhân	74.115.293	59,87	77.290.266	59,33
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	1.494.688	1,21	1.741.099	1,34
Khác	6.359.880	5,14	5.867.643	4,50
	123.787.572	100	130.270.670	100

Mức lãi suất tiền gửi khách hàng tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2016 %/năm	31/12/2015 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,50%	0,50%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00%-11,60%	1,00% - 10,25%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%-2,10%	0,00% - 2,00%

21. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	281.836	383.188
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ	1.107.950	-
	1.389.786	383.188

Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là phần đã giải ngân trị giá 50.000.000 USD của gói tài chính được cung cấp bởi Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) theo Hợp đồng cho vay ngày 18 tháng 8 năm 2016 giữa Công ty Tài chính Quốc tế và Ngân hàng với thời hạn năm (5) năm để hỗ trợ cho vay các dự án doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ.

22. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Dưới 12 tháng	7.223.950	3.010.175
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	36.044.989	14.869.766
Từ 5 năm trở lên	5.381.588	3.980.000
	48.650.527	21.859.941

Giấy tờ có giá bao gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu có lãi suất từ 3,6% đến 13,5%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 5,0% đến 12,75%/năm).

Phát hành giấy tờ có giá theo loại hình giấy tờ có giá như sau:

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho khách hàng cá nhân	19.043.913	4.056.179
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho khách hàng doanh nghiệp	19.828.214	10.603.312
Trái phiếu (*)	9.778.400	7.200.450
	48.650.527	21.859.941

* Tài khoản này bao gồm một số trái phiếu trị giá 5.376.960 triệu đồng đủ điều kiện tính vào vốn tự có của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

23. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ KHÁC

23.1 CÁC KHOẢN LÃI, PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	789.569	748.249
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm	923.845	1.217.873
Lãi phải trả từ phát hành giấy tờ có giá	1.334.871	630.356
Lãi phải trả từ vay các tổ chức khác	35.465	75.081
Lãi phải trả từ vốn nhận ủy thác từ các tổ chức khác	12.085	76
Lãi phải trả từ các hợp đồng công cụ tài chính phái sinh	51.521	118.815
Phí phải trả	14.568	14.290
	3.161.924	2.804.740

23.2 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	627.602	764.054
Phải trả nhân viên	627.602	764.054
Các khoản phải trả bên ngoài	3.845.070	1.687.660
Doanh thu chờ phân bổ	68.709	28.779
Các khoản treo chờ chuyển tiền	123.887	36.567
Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước (Thuyết minh số 24)	533.037	301.576
Phải trả liên quan đến các hợp đồng bán và cam kết mua lại giấy tờ có giá	1.264.344	-
Các khoản phải trả khác	1.855.093	1.320.738
	4.472.672	2.451.714

24. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm Triệu đồng	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm Triệu đồng
		Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	
Thuế TNDN	268.556	994.266	(795.175)	467.647
Thuế GTGT	13.573	157.557	(142.735)	28.395
Thuế khác	19.447	237.130	(219.582)	36.995
	301.576	1.388.953	(1.157.492)	533.037

24.1 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014 (năm 2015: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%).

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính như sau:

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Lợi nhuận thuần trước thuế	4.929.311	3.096.202
<i>Cộng/(Trừ)</i>		
- Thu nhập không chịu thuế	(872)	(9.982)
- Chi phí không được khấu trừ	15.105	41.229
- Các khoản làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	(7.875)	(372)
- Chi phí liên quan đến hợp nhất báo cáo tài chính	24.968	57.235
- Các điều chỉnh khác	-	(304)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	4.960.637	3.184.008
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	992.127	700.482
Điều chỉnh số thuế phải nộp năm trước	2.139	116
Chi phí thuế TNDN trong năm	994.266	700.598
Thuế TNDN phải trả đầu năm	268.556	73.479
Thuế TNDN đã trả trong năm	(795.175)	(505.521)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	467.647	268.556

24.2 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Công nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đầu năm	-	(264)
Chi phí thực hiện trong năm	-	264
Công nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cuối năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

25. VỐN VÀ CÁC QUỸ

25.1 BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Vốn khác Triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Quỹ đầu tư phát triển Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	6.347.410	1.369	-	107.471	433.875	35	2.090.130	5	8.980.295
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.395.868	-	2.395.868
Phát hành cổ phiếu thường	44.350	-	17.543	(61.893)	-	-	-	-	-
Tặng vốn từ lợi nhuận để lại	932.510	-	-	-	-	-	(932.510)	-	-
Phát hành cổ phiếu ưu đãi	732.196	1.287.494	-	-	-	-	-	-	2.019.690
Trích lập các quỹ	-	-	-	152.751	301.376	408.703	(862.830)	-	-
Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(28.750)	28.750	-	-	-
Điều chỉnh do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	-	(17.543)	-	(17.543)	-	28.160	(5)	(6.931)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	8.056.466	1.288.863	-	198.329	688.958	437.488	2.718.818	-	13.388.922
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	3.935.045	-	3.935.045
Phát hành cổ phiếu thường	57.537	-	-	(57.537)	-	-	-	-	-
Tặng vốn từ lợi nhuận để lại	1.066.997	-	-	-	-	-	(1.066.997)	-	-
Trả cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-	-	-	(146.439)	-	(146.439)
Trích lập các quỹ	-	-	-	198.004	395.817	1.089.133	(1.682.954)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	9.181.000	1.288.863	-	338.796	1.084.775	1.526.621	3.757.473	-	17.177.528

Trong năm, Ngân hàng tăng vốn điều lệ từ 8.056.466 triệu đồng lên 9.181.000 triệu đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và trả cổ phiếu thường từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định số 261/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 3 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công văn số 321/UBCK-QLCB ngày 19 tháng 1 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, mã số doanh nghiệp: 0100233583 sửa đổi lần thứ 35 ngày 9 tháng 3 năm 2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

25.2 VỐN CỔ PHẦN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Cổ phiếu	Triệu đồng	Cổ phiếu	Triệu đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	918.100.000	9.181.000	805.646.600	8.056.466
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	918.100.000	9.181.000	805.646.600	8.056.466
- Cổ phiếu phổ thông	844.880.400	8.448.804	732.427.000	7.324.270
- Cổ phiếu ưu đãi	73.219.600	732.196	73.219.600	732.196
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	918.100.000	9.181.000	805.646.600	8.056.466
- Cổ phiếu phổ thông	844.880.400	8.448.804	732.427.000	7.324.270
- Cổ phiếu ưu đãi	73.219.600	732.196	73.219.600	732.196

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu của Ngân hàng là 10.000 VND.

Cổ phiếu ưu đãi do Ngân hàng phát hành là cổ phiếu ưu đãi cố tức, trong đó mức cổ tức được ổn định hàng năm và không có các quyền liên quan đến quản trị Ngân hàng. Dự kiến sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành, Ngân hàng sẽ mua lại cổ phần ưu đãi làm cổ phiếu quỹ hoặc thực hiện chi định bên thứ ba mua lại cổ phần ưu đãi này.

26. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (Triệu đồng)	3.788.606	2.249.429
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	844.880.400	844.880.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.485	2.662

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận hợp nhất trừ đi (-) cổ tức chi trả cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong tháng 3 năm 2016.

Tại thời điểm cuối năm, không có sự kiện hoặc tình huống nào có thể dẫn đến lãi suy giảm trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

27. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	137.527	230.783
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	20.898.218	14.872.500
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	3.994.439	3.308.140
- Lãi thu từ chứng khoán kinh doanh	161.557	87.902
- Lãi thu từ chứng khoán đầu tư	3.832.882	3.220.238
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	121.751	104.033
Thu khác từ hoạt động tín dụng	479.181	243.345
	25.631.116	18.758.801

28. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	6.636.684	6.420.360
Trả lãi tiền vay	478.123	418.793
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	3.200.385	1.523.461
Chi phí hoạt động tín dụng khác	148.065	42.750
	10.463.257	8.405.364

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.114.834	1.597.313
Thu từ dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	242.661	189.163
Thu từ dịch vụ tư vấn	115.451	72.910
Thu từ dịch vụ đại lý nhận ủy thác	71.652	75.604
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	1.509.213	993.805
Thu khác	175.857	265.831
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.261.908)	(712.646)
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(156.182)	(112.224)
Cước phí bưu điện về mạng viễn thông	(119)	(663)
Nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(1.279)	(2.557)
Dịch vụ tư vấn	(18.591)	(6.877)
Hoa hồng môi giới	(424.528)	(257.933)
Chi khác	(661.209)	(332.392)
	852.926	884.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

30. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.946.880	6.244.005
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	417.567	330.463
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.529.313	5.913.542
Chi phí từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(2.265.840)	(6.534.477)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(1.450.692)	(5.843.662)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(815.148)	(690.815)
	(318.960)	(290.472)

31. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	40.911	100.758
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(191.820)	(66.561)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	1.525	10.390
	(149.384)	44.587

32. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	321.263	251.560
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(155.663)	(140.926)
Chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (Thuyết minh số 12.3)	(73.726)	(82.668)
	91.874	27.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

33. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	1.450.885	957.363
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	11	6.833
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	715.606	251.519
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	26.645	2.606
Thu nhập từ thanh lý tài sản khác	163.244	-
Thu từ hoạt động mua bán nợ	460.893	622.222
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	735	39.025
Thu khác	83.751	35.158
Chi phí hoạt cho động khác	(232.315)	(82.291)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(3.647)	(21.737)
Chi từ hoạt động mua bán nợ	-	(46.093)
Chi phí từ thanh lý tài sản khác	(160.987)	-
Chi khác	(67.681)	(14.461)
	1.218.570	875.072

34. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Thu nhập thanh lý, thoái vốn đầu tư vào đơn vị khác	-	168.710
Thu từ cổ tức	872	2.344
	872	171.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Chi phí thuế, lệ phí và phí	175.396	70.654
Chi phí cho nhân viên	3.430.934	3.183.691
<i>Trong đó:</i>		
Chi lương và phụ cấp	2.948.388	2.843.791
Các khoản chi đóng góp theo lương	217.958	165.835
Chi trợ cấp	167.096	115.564
Chi khác	97.492	58.501
Chi về tài sản	949.653	740.327
<i>Trong đó:</i> khấu hao tài sản cố định	177.433	144.532
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	733.927	670.510
<i>Trong đó:</i>		
Chi công tác phí	41.803	39.942
Chi phí dự phòng rủi ro khác	75.970	-
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	111.853	95.507
Chi phí hoạt động khác	1.143.619	931.780
	6.621.352	5.692.469

36. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
Hoàn nhập dự phòng tiền gửi tại và cho vay TCTD	-	(5.720)
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (<i>Thuyết minh số 11</i>)	5.382.689	2.833.279
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng VAMC (<i>Thuyết minh số 12.3</i>)	(70.635)	439.607
Chi phí dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác (<i>Thuyết minh số 16.4</i>)	1.040	10.474
	5.313.094	3.277.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

37. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	1.727.361	1.632.425
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.982.589	2.261.499
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	2.025.318	843.579
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua	2.063.858	7.886.166
	8.799.126	12.623.669

38. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	2016 Triệu đồng	2015 Triệu đồng
I. Tổng số nhân viên bình quân (người) (Chỉ bao gồm các nhân viên chính thức)	15.157	11.066
II. Thu nhập của nhân viên (Triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	2.332.047	2.352.722
2. Thu nhập khác	293.582	152.793
3. Tổng thu nhập (1+2)	2.625.629	2.505.515
4. Tiền lương bình quân tháng	12,82	17,72
5. Thu nhập bình quân tháng	14,44	18,87

39. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỐ SÁCH TÀI SẢN THỂ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG VAY

Bảng dưới đây trình bày giá trị sổ sách của tài sản thể chấp của khách hàng tại thời điểm cuối năm:

	Giá trị sổ sách	
	31/12/2016 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Bất động sản	148.665.359	136.759.382
Động sản	30.749.819	21.046.244
Giấy tờ có giá	66.248.237	77.312.889
Các tài sản đảm bảo khác	94.972.311	89.346.542
	340.635.726	324.465.057

40. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Ngân hàng có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng thành viên hoặc Ban Điều hành của Ngân hàng;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Ngân hàng không có các giao dịch, các khoản phải thu, phải trả trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày với các bên liên quan, ngoại trừ khoản thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm là 33.412 triệu đồng (năm 2015 là 30.369 triệu đồng).

41. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Trong nước Triệu đồng	Nước ngoài Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tổng dư nợ cho vay	149.969.069	4.604	149.973.673
Tổng huy động	196.441.153	7.326.316	203.767.469
Các cam kết tín dụng	17.953.893	-	17.953.893
Các công cụ tài chính phái sinh	191.325	-	191.325
Kinh doanh và đầu tư chứng khoán	59.038.627	-	59.038.627

42. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Ngân hàng chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này trình bày thông tin về những rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải theo loại rủi ro; mục tiêu, chính sách và quy trình của Ngân hàng nhằm đánh giá và quản lý rủi ro và việc quản lý nguồn vốn của Ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất của Ngân hàng. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HĐQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản có/tài sản nợ ("ALCO") và Ủy ban Quản lý Rủi ro ("RCO"), các hội đồng/ủy ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HĐQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên chuyên trách và không chuyên trách.

Khung quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động Ngân hàng. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực, trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

42.1 RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của Ngân hàng. Ngân hàng xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng, theo các giới hạn đã xác định bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của Ngân hàng. Về nguyên tắc, Ngân hàng không tham gia vào các hoạt động, sản phẩm tín dụng khi chưa có đầy đủ hiểu biết và các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy, và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và

tập trung tại Khối Quản trị Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản trị Rủi ro là cơ sở để RCO ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

Ngân hàng thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNN.

Cách tiếp cận tổng thể của Ngân hàng đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà Ngân hàng đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Tập hợp và rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; và
- Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên bảng cân đối kế toán được trình bày như sau:

	Chưa quá hạn Triệu đồng	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu đồng	Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	9.388.905	-	731	9.389.636
- Tiền gửi tại TCTD khác	4.089.176	-	-	4.089.176
- Cho vay các TCTD khác	5.299.729	-	731	5.300.460
Chứng khoán kinh doanh	2.953.769	-	-	2.953.769
Cho vay khách hàng	133.327.709	4.523.159	6.822.345	144.673.213
Chứng khoán đầu tư	51.912.390	226.907	3.945.561	56.084.858
- Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	47.776.190	226.907	3.945.561	51.948.658
- Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.136.200	-	-	4.136.200
Tài sản Có khác	12.926.305	-	223.406	13.149.711
Tổng cộng	210.509.078	4.750.066	10.992.043	226.251.187

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

Các tài sản chưa quá hạn của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1, không kể đến các khoản quá hạn dưới 10 ngày, các khoản nợ chưa quá hạn nhưng được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 do đã được cơ cấu lại hoặc gia hạn kỳ hạn trả nợ hoặc buộc chuyển nhóm nợ xấu nhất trên CIC; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản khác không quá hạn. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản này trong tương lai.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là do Ngân hàng đang nắm giữ các tài sản đảm bảo đủ bù đắp các tổn thất tín dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

42.2 RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của Ngân hàng do những biến động bất lợi của các mức giá, giá trị có liên quan trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát các nguy cơ về rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được đồng thời tối đa hóa lợi ích thu được trên rủi ro.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Quản lý rủi ro thị trường và đối tác thuộc Khối Quản lý rủi ro. Phòng Quản trị rủi ro thị trường chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình, công cụ, hướng dẫn phương pháp đo lường rủi ro thị trường, đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của Ngân hàng.

Từ năm 2012, chính sách quản lý rủi ro thị trường ban hành đã đưa ra những nguyên tắc cơ bản và hệ thống công cụ, giới hạn rủi ro thị trường kiểm soát hoạt động kinh doanh (trading book) và các trạng thái rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (banking book). Với các công cụ sử dụng kiểm soát như hạn mức trạng thái ngoại tệ rỗng, hạn mức thay đổi của danh mục đầu tư trên một điểm cơ bản (Present value of a basis point - PV01), hạn mức chênh lệch dòng tiền, kỳ hạn và đo lường chênh lệch kỳ hạn (theo mô hình Repricing - Khe hở định giá lại).

Trong tương lai, khi các điều kiện về cơ sở hạ tầng và mức độ sẵn có của dữ liệu đã sẵn sàng, Ngân hàng sẽ áp dụng các phương pháp ưu việt hơn như Value at Risk (VaR), Mô phỏng Monte Carlo... để đo lường chính xác mức độ rủi ro và xác định mức phân bổ vốn cần thiết để bù đắp rủi ro thị trường theo các chuẩn mực của Basel 2.

Công tác dự báo diễn biến thị trường có vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường. Phòng Quản lý rủi ro thị trường và đối tác phối hợp với các đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu để đưa ra những dự báo nhận biết những thay đổi tiềm ẩn trên thị trường. Từ đó, Ngân hàng có cơ sở đầy đủ để quyết định những biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả.

Trong thời gian tới, Ngân hàng sẽ chủ động nghiên cứu các mô hình đo lường rủi ro đối với các công cụ phái sinh để đảm bảo sẵn sàng kiểm soát các loại rủi ro này khi Ngân hàng quyết định cung ứng những sản phẩm này trên thị trường Việt Nam.

(a) Rủi ro lãi suất

Lãi suất thực tế cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 20.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

	Thời hạn định lại lãi suất								
	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	1.727.361	-	-	-	-	-	-	1.727.361
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.982.589	-	-	-	-	-	2.982.589
Tiền gửi tại các TCTD khác - góp	731	-	5.579.175	3.809.730	-	-	-	-	9.389.636
Chứng khoán kinh doanh – góp	-	-	-	109.307	51.677	208.395	1.989.930	594.460	2.953.769
Cho vay khách hàng – góp	11.345.504	-	54.430.148	22.668.855	17.329.358	19.751.469	19.106.544	41.335	144.673.213
Chứng khoán đầu tư – góp	4.172.468	4.136.200	3.755.355	6.021.663	204.666	3.150.245	29.193.667	5.450.594	56.084.858
Góp vốn, đầu tư dài hạn – góp	-	299.372	-	-	-	-	-	-	299.372
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	651.359	-	-	-	-	-	-	651.359
Tài sản Có khác – góp	223.406	9.969.544	379.183	447.254	1.045.763	1.084.561	-	-	13.149.711
Tổng tài sản	15.742.109	16.783.836	67.126.450	33.056.909	18.631.464	24.194.670	50.290.141	6.086.389	231.911.868
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	1.078.968	4.720	19.998	-	-	-	1.103.686
Tiền gửi và vay từ TCTD khác	-	-	15.663.990	9.002.955	1.754.852	2.414.101	-	-	28.835.898
Tiền gửi của khách hàng	-	-	44.234.667	28.214.211	19.650.000	16.336.020	15.351.508	1.166	123.787.572
Các CCTC phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	187.580	3.745	-	-	-	-	-	191.325
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	140.918	140.918	1.107.950	-	-	-	1.389.786
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.350.710	5.143.930	5.601.745	20.550.938	16.001.764	1.440	48.650.527
Các khoản nợ khác	-	6.370.252	-	-	1.264.344	-	-	-	7.634.596
Tổng nợ phải trả	-	6.557.832	62.472.998	42.506.734	29.398.889	39.301.059	31.353.272	2.606	211.593.390
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	15.742.109	10.226.004	4.653.452	(9.449.925)	(10.767.425)	(15.106.389)	18.936.869	6.083.783	20.318.478
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	15.742.109	10.226.004	4.653.452	(9.449.925)	(10.767.425)	(15.106.389)	18.936.869	6.083.783	20.318.478

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng như sau:

		Ảnh hưởng đến	
		Lợi nhuận trước thuế Triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu Triệu đồng
	Mức tăng lãi suất		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			
USD	1,50%	(157.764)	(126.211)
VND	3,00%	161.595	129.276
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015			
USD	1,50%	(65.674)	(51.225)
VND	3,00%	39.859	31.090

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Trong khi đó cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm cả các ngoại tệ khác (như USD, EUR, AUD...) do đó có phát sinh rủi ro tiền tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác ngoài VND và Đô la Mỹ. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 45. Theo dự báo của Ngân hàng, trong năm 2017 tỷ giá USD/VND sẽ tăng trong khoảng từ 5% đến 5,5% so với tỷ giá tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016		
USD	2,00%	(12.359)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
USD	2,00%	(665)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng	Vàng được quy đổi Triệu đồng	Các loại ngoại tệ khác quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	174.522	302.870	24.062	189.667	691.121
Tiền gửi tại NHNN	-	646.720	-	-	646.720
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	201.973	1.585.659	-	180.975	1.968.607
Cho vay khách hàng	-	3.006.614	-	-	3.006.614
Tài sản Có khác	15.819	3.218.314	-	19.476	3.253.609
Tổng tài sản	392.314	8.760.177	24.062	390.118	9.566.671
Nợ phải trả					
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	15.819	10.259.153	-	-	10.274.972
Tiền gửi của khách hàng	511.939	6.524.966	-	389.514	7.426.419
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(254.589)	(8.492.101)	-	(122.312)	(8.869.002)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	1.107.950	-	-	1.107.950
Các khoản nợ khác	1.976	117.170	-	2.059	121.205
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	275.145	9.517.138	-	269.261	10.061.544
Trạng thái tiền tệ nội bảng	117.169	(756.961)	24.062	120.857	(494.873)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(149.419)	(608.100)	-	(24.557)	(782.076)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(32.250)	(1.365.061)	24.062	96.300	(1.276.949)

(c) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi Ngân hàng không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của Ngân hàng; thậm chí có thể làm cho Ngân hàng bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Ngân hàng luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của Ngân hàng. Trong từng thời kỳ, dựa trên cấu trúc về Tài sản Nợ - Tài sản Có của Ngân hàng mà Ngân hàng sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

Ngân hàng hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng. Ngân hàng nhận thức rõ ràng rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản Ngân hàng. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Phòng Quản lý Bảng cân đối thuộc Khối Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát hàng ngày về vấn đề thanh khoản của Ngân hàng, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của Ngân hàng trình ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của Ngân hàng trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. Ngân hàng định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của Ngân hàng trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP), theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phải thanh toán.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

	Quá hạn		Trong hạn			
	Trên 3 tháng Triệu đồng	Đến 3 tháng Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 đến 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 5 năm Triệu đồng
Tài sản						
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.727.361	-	-	-
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.982.589	-	-	-
Tiền gửi tại các TCTD khác – góp	731	-	5.579.175	3.809.730	-	-
Chứng khoán kinh doanh – góp	-	-	2.953.769	-	-	-
Cho vay khách hàng – góp	3.744.895	7.600.609	10.669.086	14.587.409	37.370.047	18.427.865
Chứng khoán đầu tư – góp	561.043	3.611.425	285.355	400.933	4.971.675	8.390.594
Góp vốn, đầu tư dài hạn – góp	-	-	-	-	-	299.372
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	651.359
Tài sản Có khác – góp	223.406	-	8.661.991	588.315	3.565.819	110.180
Tổng tài sản	4.530.075	11.212.034	32.859.326	19.386.387	45.907.541	27.769.190
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	1.078.968	4.720	19.998	-
Tiền gửi của và vay từ các TCTD khác	-	-	15.411.565	6.769.689	4.574.359	2.071.345
Tiền gửi của khách hàng	-	-	44.234.667	28.214.211	35.734.034	15.603.494
Công cụ tài chính phải sinh	-	-	132.170	83.251	(38.590)	14.494
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	57	394	14.344	1.371.898
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.352.149	5.143.930	21.427.684	18.226.764
Các khoản nợ khác	-	-	5.943.233	221.921	1.454.681	14.761
Tổng nợ phải trả	-	-	68.152.809	40.438.116	63.186.510	37.302.756
Mức chênh thanh khoản ròng	4.530.075	11.212.034	(35.293.483)	(21.051.729)	(17.278.969)	25.255.991
						211.593.390
						20.318.478

(d) Rủi ro giá cả thị trường khác

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

43. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây trên báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

➤ *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chúng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

➤ *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

➤ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, phát hành giấy tờ có giá và các khoản phải trả tài chính khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

➤ Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

43. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, nếu và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý Triệu đồng
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh Triệu đồng	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Cho vay và phải thu Triệu đồng	Sẵn sàng để bán Triệu đồng	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu đồng	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu đồng	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.727.361	-	-	1.727.361	1.727.361
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.982.589	-	-	2.982.589	(*)
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác – góp	-	-	9.389.636	-	-	9.389.636	(*)
Chứng khoán kinh doanh	2.953.769	-	-	-	-	2.953.769	(*)
Cho vay khách hàng – góp	-	-	144.673.213	-	-	144.673.213	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán – góp	-	-	-	51.948.658	-	51.948.658	(*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn – góp	-	4.136.200	-	-	-	4.136.200	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	9.228.496	299.372	-	9.527.868	(*)
	2.953.769	4.136.200	168.001.295	52.248.030	-	227.339.294	(*)
Tiền vay NHNN	-	-	-	-	1.103.686	1.103.686	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	28.835.898	28.835.898	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	123.787.572	123.787.572	(*)
Công cụ tài chính phái sinh	191.325	-	-	-	-	191.325	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	1.389.786	1.389.786	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	48.650.527	48.650.527	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	6.383.843	6.383.843	(*)
	191.325	-	-	-	210.151.312	210.342.637	(*)

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

44. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

45. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
AUD	16.274	16.290
CAD	16.718	16.041
CHF	22.121	22.471
CNY	3.192	3.389
DKK	3.159	3.160
EUR	23.770	24.340
GBP	27.656	33.193
JPY	194	186
NZD	17.122	17.122
SEK	3.027	3.078
SGD	15.609	15.758
THB	620	Không áp dụng
TWD	30	30
USD	22.159	21.890
XAU	359.000	324.500

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 2 năm 2017

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2017

Kinh tế thế giới dự kiến sẽ có nhiều diễn biến bất lợi, đứng trước nhiều yếu tố bất định và khó lường, dẫn tới việc các tổ chức quốc tế đã liên tục giảm dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2017 chỉ đạt 3,3% - 3,4%, đồng thời cảnh báo sự thắt lưng của xu thế tự do hóa thương mại và nguy cơ tăng trưởng thấp kéo dài. Những năm trước khủng hoảng tài chính, kinh tế thế giới từng tăng trưởng quanh mức 5%. Cùng với việc hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu, IMF cũng hạ dự báo tăng trưởng của các nền kinh tế chủ chốt trên thế giới, bao gồm Mỹ còn 1,8%, Trung Quốc 6,2%, Nhật Bản 0,6% và Anh 1,1%.

Kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ có nhiều khởi sắc hơn khi các chính sách điều hành, kích thích tăng trưởng áp dụng trong năm 2016 phát huy tác dụng như lộ trình cắt giảm thuế quan với nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực, Nghị quyết 19 về cải cách môi trường kinh doanh, cải cách Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư... Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu được dự kiến như sau: GDP tăng khoảng 6,7%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 6-7%; tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 3,5%; tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 31,5% GDP.

Với ngành ngân hàng, tổ chức đánh giá xếp hạng quốc tế Fitch Ratings dự báo một môi trường kinh tế vĩ mô ổn định sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2017, đồng tiền ổn định và lạm phát trong ngưỡng an toàn sẽ hỗ trợ chất lượng tài sản, tính thanh khoản hệ thống ngân hàng. NHNN cũng đặt ra định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2017 là 18%, tổng phương tiện thanh toán tăng từ 16-18%.

Đối với VPBank, năm 2017 là năm cuối cùng triển khai chiến lược 5 năm 2012 -2017 hướng tới tầm nhìn trở thành một ngân hàng bán lẻ hàng đầu, với mục tiêu cơ bản là đưa VPBank vào top dẫn đầu thị trường về: (i) quy mô khách hàng bán lẻ (KHCN và SME); (ii) quy mô cho vay bán lẻ; (iii) quy mô doanh thu toàn Ngân hàng; và (iv) hiệu quả kinh doanh theo chỉ số tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE). Với chủ trương đó, định hướng kinh doanh năm 2017 của VPBank lấy tăng trưởng chất lượng là quan điểm chủ đạo, xuyên suốt các chủ trương chính sách của Ngân hàng, song song với tăng trưởng quy mô một cách chọn lọc. Cụ thể trong năm 2017, VPBank tập trung vào 3 định hướng cơ bản sau:

- Tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng quyết liệt, tập trung vào các phân khúc thị trường khách hàng trọng tâm của chiến lược và các khu vực thị trường chọn lọc, nâng cao hiệu quả sinh lời thông qua tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm, tăng biên lợi nhuận và đẩy mạnh thu phí.
- Nghiên cứu lựa chọn thêm một số cơ hội kinh doanh tiềm năng để tập trung đầu tư cơ bản, tạo tiền đề tăng trưởng thu nhập cho các năm kế tiếp.
- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện các hệ thống nền tảng theo hướng tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động ở mọi khâu mấu chốt, đẩy mạnh số hóa, tập trung hóa, tự động hóa; hoàn thành dứt điểm các dự án chiến lược phục vụ cho giai đoạn tăng trưởng quyết liệt, tạo sự thay đổi về chất trong tối ưu hóa chi phí hoạt động toàn ngân hàng đi đôi với nâng cao chất lượng dịch vụ tổng hợp ở các khâu then chốt nhất.

Một số chỉ tiêu kinh doanh, tài chính hợp nhất trong năm 2017

STT	Chỉ tiêu (Tỷ đồng,%)	Kế hoạch 2017
1	Tổng tài sản	280.645
2	Huy động khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá	217.732
3	Du nợ cấp tín dụng	200.591
	<i>Trong đó: Cho vay khách hàng</i>	<i>182.433</i>
4	Tỷ lệ nợ xấu	<3%
5	Lợi nhuận trước thuế	6.800

*Ghi chú: Kế hoạch tăng trưởng du nợ cấp tín dụng được xây dựng trên cơ sở dự kiến của VPBank và sẽ trình NHNN phê duyệt.

Với nền tảng vững chắc từ con người, hệ thống, công nghệ, trên tinh thần luôn cải tiến, sáng tạo, cùng phương châm hướng tới kinh doanh bền vững, VPBank tin tưởng vào khả năng hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh – tài chính của kế hoạch 2017 đầy thách thức trên.



AN GIANG	2	ĐỒNG NAI	3	KIÊN GIANG	1	THÁI BÌNH	4
BẮC GIANG	4	ĐỒNG THÁP	1	LONG AN	2	THÁI NGUYÊN	2
BẮC NINH	2	GIA LAI	1	NAM ĐỊNH	5	THANH HÓA	7
BÌNH ĐỊNH	2	HÀ NỘI	64	NGHỆ AN	6	TIỀN GIANG	1
BÌNH DƯƠNG	2	HÀ TĨNH	5	NHA TRANG	2	VĨNH LONG	1
BÌNH THUẬN	2	HẢI DƯƠNG	3	PHÚ THỌ	2	VĨNH PHÚC	3
CẦN THƠ	4	HẢI PHÒNG	9	QUẢNG BÌNH	4	VŨNG TÀU	1
ĐÀ LẠT	1	HỒ CHÍ MINH	45	QUẢNG NAM	1		
ĐÀ NẴNG	8	HÒA BÌNH	2	QUẢNG NINH	4		
ĐAK LAK	1	HUẾ	6	QUẢNG TRỊ	2		

215
ĐIỂM GIAO DỊCH TRÊN TOÀN QUỐC

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK)

Trụ sở: 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: 043. 928 8869 Fax: 043. 928 8867

Website: www.vpbank.com.vn

Dịch vụ chăm sóc khách hàng: 043. 928 8880 hoặc 1900 545 415